|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  12/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 91**

**KHỞI NGỮ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Nhận biết đặc điểm khởi ngữ.

- Biết được công dụng của khởi ngữ.

***2. Năng lực:***

- Năng lực chung: năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc hiểu Ngữ liệu để nhận diện khởi ngữ

+ Viết: có khả năng vận dụng tạo lập câu và đoạn văn có khởi ngữ.

***3. Phẩm chất***:

-Chăm học, có ý thức dùng khởi ngữ trong khi nói và viết.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-  Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ, tranh minh họa.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Soạn bài, trả lời câu hỏi ở nhà trước.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a.  Mục tiêu:**     - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.     - Kích thích HS tìm hiểu về khởi ngữ.  **b) Nội dung:** Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm**: HS suy nghĩ trả lời.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *1) Câu gồm mấy thành phần? Là những tp nào?*  *2) Kể tên những tp chính, phụ đã học?*  *3) Chỉ ra các thành phần câu có trong VD sau:*  *Quyển sách này, sáng nay, em đọc nó rồi.*  ***TN       CN      VN***  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới:  GV: *Ngoài tp phụ trạng ngữ còn có tp phụ nữa. Vậy quyển sách này là thành phần gì trong câu, có đặc điểm, cn gì? Có gì khác với trạng ngữ=> Bài học hôm nay cô sẽ cùng các em tìm hiểu.* | - Câu gồm 2 tp: chính, phụ  - Tp chính: chủ ngữ, vị ngữ  - Tp phụ: trạng ngữ |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:**  **Hoạt động 1**: **Tìm hiểu đặc điểm và công dụng của khởi ngữ:**  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm được những nét cơ bản về đặc điểm và công dụng của khởi ngữ.  **b. Nội dung:** HS dựa vào hiểu biết để hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập.  **c. Sản phẩm**: phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+  YC HS đọc vd?*  ***+****Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu a, b, c?*  *+ Xác định vị trí của từ in đậm trong câu?*  *+ Phần in đậm có ý nghĩa gì trong câu? Nó có thể k.h với từ nào ở phía trước? Nó ngăn cách với nòng cốt câu bởi dấu hiệu nào?*  GV: Với những câu hỏi trên, yêu các các em thảo luận nhóm lớn trong thời gian 7 phút.  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  ***-***HS: Làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  ***- Bước 3:  Báo cáo thảo luận***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***- Bước 4: Kết luận, nhận định:***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  *? Em hiểu khởi ngữ là gì?*  *? Đặt câu có khởi ngữ?*  **C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1:**  **a**.**Mục đích**: HS biết xác định được khởi ngữ trong văn cảnh cụ thể.  **b.  Nội dung:** Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi  **c.** Sản**phẩm**: Câu trả lời của HS; vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Đọc yêu cầu.  + Xác định khởi ngữ trong các câu?  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian  - Nghe và làm bt  **2. Bài tập 2:**  **a.  Mục tiêu:**HS chuyển câu có sử dụng KN.  **b. Nội dung:** HS nghe câu hỏi trả lời.  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập; vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Đọc yêu cầu bài tập.  + Chuyển câu có sd KN.  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - Nghe và làm bt  *rồi nhưng giải thì tôi chưa giải đựơc.*  ***- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***   + Một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở  ***- Bước 4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc  **3. Bài tập 3:**  **a.  Mục tiêu:**HS viết được đoạn văn có sử dụng KN.  **b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu, viết đv.  **c. Sản phẩm**: vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Viết một đoạn văn nói về tầm quan trọng của sách. Trong đv có sử dụng khởi ngữ.  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - Nghe và làm bt  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  **b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV.  **c.** **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **Đặt câu có sử dụng khởi ngữ để:**  + Giới thiệu sở thích của mình.  + Bày tỏ quan điểm cảu mình về một vấn đề nào đó?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**        + Nghe yêu cầu.             + Trình bày cá nhân.             + Dự kiến sp:  VD: *Về thể thao*, tôi thích nhất là…  *Về học tập,* tôi học giỏi nhất môn… | **I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ:**  1. Ví dụ:  2. Nhận xét:  - Bộ phận in đậm:  + đứng trước CN.  + Nêu đề tài đc nói đến trong câu  (có thể thêm Qht: về, đối với; ngăn cách với nòng cốt câu bởi dấu phẩy, hoặc trợ từ*thì)*  =>Khởi ngữ  Lưu ý:  + Trước KN: có thể thêm thêm Qht: *về, đối với;*  + Sau KN có thể thêm trợ từ *thì* hoặc dùng dấu phẩy (ngăn cách với nòng cốt câu).  3. Ghi nhớ: ( SGK)  **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1:**  a. ...đ*iều này*  *b… chúng mình*  *c. .....một mình*  *d... làm khí tượng*  *e.... cháu*  **2. Bài tập 2:**  *a. Làm bài, anh ấy cẩn thận lắm*  *b. Hiểu thì tôi hiểu rồi nhưng giải thì tôi chưa giải đựơc.*  **3. Bài tập 3:**  *-*Đối với*tôi,*sách có vai trò vô cùng quan trọng…. |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  12/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 92**:

**CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**I.  MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***:

- Đặc điểm hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

- Công dụng của hai thành phần trong câu.

***2. Phẩm chất***

-Học tập sử dụng hai thành phần biệt lập này trong nói và viết.

***3. Năng lực***

- Năng lực chung: năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc hiểu ngữ liệu nhận diện đặc điểm 2 thành phần biệt lập.

+ Viết: Biết vận dụng vào đặt câu, viết văn.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Đọc, chuẩn bị bài theo câu hỏi SGK

- GV: giáo án, bảng phụ

- HS : Đọc, chuẩn bị bài theo câu hỏi SGK

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **ND(ghi bảng)** |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**  **a.  Mục tiêu:**:  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  - Kích thích HS tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của các thành phần biệt lập  **b.** **Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c.** **Sản phẩm**:Hs suy nghĩ trả lời  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Cô giáo có câu:  + Chao ôi, các em chăm học quá!  + Có lẽ Lan nghỉ học vì ốm.  ? Xác định kết cấu C-V của 2 câu văn trên? Cho biết  từ “Chao ôi”, “Có lẽ” có tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu không? Vậy nó là thành phần gì?  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1: Thành phần tình thái**  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm được những nét cơ bản về Thành phần tình thái  **b) Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:**phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  Treo bảng phụ các VD phần I- gạch dưới các từ in đậm SGK, HS theo dõi  *? Những câu trên trích từ văn bản nào?*  *? Xác định cấu trúc cú pháp các câu trên?*  *? Các từ ngữ gạch chân trong 2 câu trên thể hiện nhận định của người nói đối với sự việc nêu trong câu như thế nào? Tìm một số từ tương tự như những từ đó*  ( Gợi ý:? Từ nào thể hiện thái độ tin cậy cao hơn?)  *? Nếu bỏ những từ ngữ đó đi thì nghĩa sự việc của câu chứa chúng có thay đổi không? Vì sao?*  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  ***+***HS đọc yêu cầu.            + HS hoạt động cá nhân.            + HS hoạt động cặp đôi.            + HS thảo luận.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  -GV chốt: Không thay đổi vì các từ đó không nằm trong thành phần chính, không trực tiếp nêu sự việc(tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu) mà chỉ thể hiện thái độ của người nói đối với sự việc trong câu. Những từ ngữ này là thành phần tình thái.  *? Vậy em hiểu thế nào là thành phần tình thái*  - Tình thái là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  HS trình bày, nhận xét->Gv chốt  *? HS đọc GN*  *? Lấy VD minh họa*  HS phản biện->GV chốt .  **Hoạt động 1: Thành phần cảm thán**  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm được những nét cơ bản về Thành phần cảm thán  **b. Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV  **c. Sản phẩm:**phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  Treo bảng phụ VD phần II.  *? Các từ gạch chân có chỉ sự vật sự việc không? Chúng có tham gia vào nòng cốt câu không?*  *? Các từ ” trời ơi”,”ồ” thể hiện thái độ tâm trạng gì?*  *? Các từ này có thể tách thành câu đặc biệt được không? Nếu được là loại câu nào?*  *? Vậy em hiểu thế nào là thành phần cảm thán?*  **\* Hđ cặp đôi**:  *? Điểm giống nhau của TPTT và TPCT là gì? Thế nào là thành phần biệt lập?*  - HS đọc phần GN? VD minh họa.  - GV giảng: những từ trên được gọi là thành phần cảm thán.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  ***+***HS đọc yêu cầu.            + HS hoạt động cá nhân.            + HS hoạt động cặp đôi.            + HS thảo luận.   * Đại diện nhóm trình bày.   **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS luyện kĩ năng làm bài: nhận diện TPTT, TPCT, kĩ năng sáng tạo  **b. Nội dung:** HS tìm hiểubài tập/sgk  **c. Sản phẩm**: Vở bài tập  **\* Cách thức tiến hành:**   * GV chuyển giao nhiệm vụ lần lượt từng yêu cầu bài tập * Hs tiếp nhận và làm việc * Yêu cầu sản phẩm: vở bài tập+ 1 số hs lên bảng làm * Hs phản biện * Gv: đánh giá, sửa, chốt   **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **\* Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng sáng tạo kiến thức đã học làm bài tập thực hành.  \* **Nhiệm vụ**: HS tìm hiểu trên lớp  \* **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân  **\*Yêu cầu sản phẩm:** Vở bài tập của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:   * Hs tiếp nhận nhiệm vụ và làm bài   *? Viết một đoạn văn trình bày tác dụng của việc đọc sách với con người, trong đó có chứa 1 khởi ngữ và 1 thành phần biệt lập*  *- ? Hs trình bày, phản biện*  - GV chốt. | **I/ Thành phần tình thái**   1. Ví dụ   a)Với lòng … anh, chắc anh nghĩ rằng...cổ anh.https://docs.google.com/drawings/d/sj5Rb6kgQE2MRWwiX8zuvTQ/image?parent=18QudssvD6xSw0uPAc1SXNLw9Km2FUQ9f&rev=1&drawingRevisionAccessToken=scls3J2sln2zLw&h=1&w=121&ac=1          (Khởi ngữ)      (CN)                    (VN)  b) Anh quay lại nhìn con vừa .......vừa cười.     (CN)         (VN)   Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.      (CN)          (VN)   - “ chắc”, “ có lẽ” là nhận định của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  + “chắc”: độ tin cậy cao hơn.  + “có lẽ”: độ tin cậy thấp.  - một số từ khác:  +chắc chắn, chắc hẳn, chắc là, nhất định, thế nào cũng….-> độ tin cậy cao.  + hình như, dường như, nghe nói, có lẽ là…-> độ tin cậy thấp.   * Bỏ chúng thì nghĩa của câu Không thay đổi   **2. Nhận xét**  - Chắc, có lẽ là nhận định của  người  nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  + “Chắc” : thể hiện độ tin cậy cao.  + “Có lẽ”: thể hiện độ tin cậy thấp.  ->Thể hiện nhận định của người nói với sự việc được nói đến trong câu.  ->Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  -> Thành phần tình thái  3. GN/sgk  **II. Thành phần cảm thán**   1. Ví dụ   -“trời ơi”->  tiếc nuối; -“ồ” ->vui sướng  -> Biểu lộ thái độ t́nh cảm của người nói  -> Không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu  => thành phần cảm thán.  3. GN(sgk)  **III/ Luyện tập**  **1. Bài tập 1:** Xác định TP tình thái, TP cảm thán.  - TP tình thái:  a) có lẽ            c)chả lẽ  b) hình như  - TP cảm thán:  b) chao ôi.  **2. Bài tập 2.**  **3. Bài tập 3.**  - Chịu trách nhiệm cao nhất về độ tin cậy   Với lòng…hình như…anh nghĩ rằng.  \* “ chiếc lược ngà” dùng “ chắc” biểu thị độ tin cậy cao của sự việc nói đến |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  12/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 93,94,95**

**VIẾNG LĂNG BÁC**

**Viễn Phương**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Những tình cảm thiêng liêng của tác giả, của một ngừoi con từ miền Nam ra viếng lăng Bác. Những đặc sắc về hình ảnh, tứ thơ, giọng điệu của bài thơ

**2. Phẩm chất**

-Biết ơn công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, học tập theo gương Bác

-Trân trọng những tình cảm nhân văn cao đẹp của con người.

**3/ Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình: nhận biết đặc điểm về thể thơ, mach cảm xúc… Có khả năng trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, khổ thơ, tác phẩm thơ.

+ Đọc mở rộng một văn bản trữ tình cùng đề tài.

+ Viết: cảm thụ và nhận ra những nét giống và khác trong việc khai thác hình ảnh thơ.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Chuẩn bị của giáo viên:

-    Kế hoạch bài học

* Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước (nếu có)…

1. Chuẩn bị của học sinh:

-    Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà về tác giả, văn bản

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT  ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a.  Mục tiêu: :**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  - Kích thích HS tìm hiểu Bác, về tình cảm của nhà thơ của mọi người Vn đối với Bác  HĐ cá nhân, HĐ cả lớp.  **b. Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:**  *- HS trả lời miệng*  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **-** GV cho HS nghe bài hát "Viếng lăng Bác"  *? Bài hát này của ai, viết về ai? Em biết gì về bài hát này?*  *? Qua bài hát em có cảm nhận được gì về tình cảm người nhà thơ?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tìm, hiểu trả lời:  - Giáo viên: Quan sát hướng dẫn…  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày theo ý kiến của cá nhân  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:*.  *Bác Hồ vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc VN luôn là nguồn cảm hứng, đề tài bất tận của thi ca. Mặc dù Người không còn nữa nhưng hình ảnh của Bác vẫn còn sống mãi trong trái tim của người dân đất Việt. Cho đến bây giờ người yêu nhạc vẫn nhớ mãi đến một bài hát dạt dào xúc động, càng nghe càng thấm thía, càng thương nhớ Bác Hồ khôn nguôi. Đó là bài hát "Viếng lăng Bác" của nhạc sĩ Hoàng Hiệp, phổ thơ của Viễn Phương. Bài hát đã diễn tả được tình cảm của đồng bào miền Nam ra Bắc viếng lăng Bác thông qua xúc cảm của nhà thơ* VP. *Tình cảm được thể hiện như thế nào cô trò mình sẽ cùng đi tìm hiểu qua bài học hôm nay*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  ***Hoạt động 1***: **Giới thiệu chung**  **a.  Mục tiêu:***HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản.*  **b. Nội dung:**HS đọcSGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:***Phiếu học tập của cá nhân*  **d. Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *? Giới thiệu vài nét về nhà thơ Viễn Phương mà các em đã chuẩn bị?*  *? Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *- Học sinh lên trình bày…*  *- Giáo viên quan sát, lắng nghe…*  *? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ? Bài thơ có bố cục mấy phần? Nêu nội dung của từng phần*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS lên trình bày  Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  -GV hướng dẫn HS đọc:*Giọng trang nghiêm, tha thiết, chậm, sâu lắng.*  - GV đọc mẫu khổ thơ đầu, gọi HS đọc tiếp đến hết.  - Gọi một HS đọc lại toàn bài thơ.  ***Hết tiết 1 chuyển tiết 2:***  ***KTBC: Nêu những hiểu biết về tác giả, tác phẩm, đọc thuộc bài thơ VLB?***  ***HĐ 2.* Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **a.  Mục tiêu:**HS nắm được tâm trạng xúc động của nhà thơ khi đứng trước cảnh vật bên ngoài lăng Bác.  **b) Nội dung:**HS đọcSGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**Phiếu hoạt động của nhóm  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *a. Tìm từ ngữ xưng hô trong đoạn thơ trên? Cách xưng hô ấy đem lại hiệu quả gì?*  *b. Ra thăm lăng Bác vào thời điểm nào, hình ảnh nào gây ấn tượng nhất với nhà thơ? Hình ảnh ấy có ý nghĩa như thế nào?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân,  nhóm theo bàn -> thảo luận…*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ), hoặc trên máy chiếu  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **a.  Mục tiêu:**Cảm nhận được cảm xúc của nhà thơ khi hòa cùng dòng người vào lăng viếng Bác.  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:** Phiếu hoạt động của nhóm  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*  *a. Chỉ ra nghệ thuật độc đáo được sử dụng trong khổ thơ 2?  Phân tích hiệu quả của những biện pháp nghệ thuật đó trong việc thể hiện nội dung của đoạn thơ?*  *b. Qua đó, em cảm cảm nhận được gì về tâm trạng cảm xúc của nhà thơ?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm theo kĩ thuật khăn phủ bàn*  *- Giáo viên: Phát phiếu học tập cho HS, Quan sát trợ giúp HS*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ)  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **Khổ thơ 3**  **a.  Mục tiêu:**Cảm nhân cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng viếng Bác.  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *a, Hai câu thơ đầu K3 gợi cho em những liên tưởng nào? Những liên tưởng ấy được khơi gợi từ hình thức nghệ thuật nào?*  *b. Chỉ ra nghệ thuật độc đáo mà nhà thơ sử dụng trong 2 câu thơ cuối? Nêu tác dụng?*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: phân tích câu hỏi và dự kiến trả lời …*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**HS trình bày ý kiến của bản thân, HS khác nhận xét đánh giá, bổ sung  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  *- Giáo viên nhận xét, đánh câu trả lờicủa HS*  *->Giáo viên chốt kiến thức trên bảng phụ; HS ghi vở*  ***GV bình:***Vào lăng viếng Bác đứng trước di hài của Bác lí trí của nhà thơ vẫn tự nhủ rằng Bác chưa mất Bác chỉ đi ngủ thôi nhưng từ trong sâu thẳm trái tim của nhà thơ vẫn trào lên cảm xúc đau đớn xót xa đến thắt lòng vì sự thật Bác đã đi rồi. Nhói đau vốn được cảm nhận bằng xúc giác nhưng nhà thơ lại cảm nhận cảm giác đó bằng thính giác – một sự chuyển đổi thật tinh tế của VP. Phải là người có tình cảm sâu sắc với Bác nhà thơ mới cảm nhận được cảm xúc ấy.  ***Hết tiết 2 chuyển tiết 3:***  ***KTBC: Pt khổ thơ em thích nhất trong ba khổ thơ đã học?***  ***Khổ 4.***  ***1. Mục đích****:*Cảm nhân được ước nguyện đẹp đẽ, tấm lòng thủy chung son sắt của nhà thơ với Bác.....  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**HS trình bày miệng  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Chỉ ra nghệ thuật đặc sắc trong khổ thơ cuối của bài thơ? Những nghệ thuật đó có tác dụng trong việc thể hiện tình cảm của tác giả?*  *? Mở đầu bài thơ là hình ảnh hàng tre kết thúc bài thơ là cây tre, việc lặp lại cấu trúc ấy có tác dụng thế nào?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *- Học sinh: nghe, hoạt động cá nhân suy nghĩ  để trả lời-*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm lên báo cáo kết quả  HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **HĐ 3: Tổng kết:**  **a.  Mục tiêu:**Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  b.  **Nội dung**: HS thực hiện yêu cầu của GV  **c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *?  Nêu khái quát những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**     + Đọc phân tích câu hỏi yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   + HS làm việc cá nhân .  **+**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GVchốt trên bảng phụ:  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  a.  Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài  **b.** **Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **3. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **\* Trao đổi cặp đôi**  *? Nêu cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản?*  *? Em thích nhất câu thơ, hình ảnh thơ nào? Vì sao?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *- Học sinh: thực hiện cá nhân, trao đổi với bạn*  *- Giáo viên: theo dõi, hướng dẫn*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: *HS trình bày***  HS tự do trình bảy theo cảm nhận của cá nhân GV khuyến khích những cảm nhận có sáng tạo thể hiện những cảm nhận sâu sắc  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  1. **Mục đích**: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  2. **Nội dung**: HS suy nghĩ, trình bày  3. **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  4. **Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 dòng nêu cảm nhận của em về một khổ thơ mà em thích nhất trong đoạn văn có sử dụng thành phần cảm thán?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**      + Xác định yêu cầu.      + Suy nghĩ trả lời.      + 2 HS trả  lời.  - GV nhận xét câu trả lời của HS. | ***+***Bài hát của Hoàng Hiệp viết về Bác Hồ về tình cảm của nhân dân ta với lãnh tụ.  + Bài hát được phổ nhạc từ bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương.  + Bài hát đã thể hiện được tình cảm yêu mến tự hào, lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ đối với Bác...  **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Tên thật là Phan Thanh Viễn (1928 - 2005)  - Quê An Giang.  - Là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kỳ chống Mĩ cứu nước.  - Ngôn ngữ thơ dung dị, cảm xúc sâu lắng thiết tha, đậm đà màu sắc Nam Bộ.  - Tác phẩm chính: “Mắt sáng học trò”, ”Nhớ lời di chúc”, “Như mây mùa xuân”,  **2. Văn bản**  ***a. Xuất xứ, thể loại:***  - Viết 4/1976. Cuộc kháng chiến chống Mĩ mới thắng lợi. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa khánh thành.  - In trong tập “Như mây mùa xuân”  - Thể thơ : 8 chữ.    **b. Đọc – chú thích – Bố cục**  **\* Đọc**  **\*Chú thích**  **\* Bố cục:**4 phần  - Cảm xúc trước không gian, cảnh vật bên ngoài lăng (K1).  - Cảm xúc trước cảnh đoàn người vào lăng(K2).  - Cảm xúc khi vào trong lăng(K3).  - Cảm xúc trước khi ra về(K4).  **II. Phân tích**  **1. Khổ thơ 1**  - Xưng hô *con*-*Bác->*gần gũi, thân thương, kính trọng như tình cảm của người con đối với người Cha*.*     Câu thơ vừa là lời thông báo vừa như một lời chào.  => Tâm trạng xúc động của người con từ chiến trường miền Nam lần đầu tiên được ra thăm, viếng Bác.  - Câu cảm, từ láy, hình ảnh vừa có ý nghĩa thực vừa có ý nghĩa tượng trưng.  => Hình ảnh gần gũi, thân thuộc của lăng Bác -> Hình ảnh biểu trưng cho sức sống bền bỉ, kiên cường bất khuất hiên ngang của dân tộc Việt Nam.  **2. Khổ thơ 2**  - Hình ảnh thực và ẩn dụ sóng đôi nhau: mặt trời trên lăng – mặt trời trong lăng; dòng người...- tràng hoa..  -> sự lớn lao vĩ đại của Bác, sự tôn kính lòng thành kính, biết ơn vô hạn của nhân dân đối với Bác  - Điệp ngữ: ngày ngày -> Sự lặp đi lặp lại của thời gian, của tình người làm nổi bật lòng thành kính, biết ơn của nhân dân ta...  => Tâm trạng của nhà thơ xúc động trào dâng của nhà thơ và của nhân dân đối với Bác  **3. Khổ thơ 3**  - Hai câu đầu:  + Không khí trang nghiêm thanh tĩnh ở trong lăng  + Ẩn dụ vầng trăng..., -> gợi tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người.  - Hai câu cuối: Hình ảnh ẩn dụ, từ ngữ gợi cảm.  => Khẳng định sự trường tồn của Bác đối với non sông, đất nước và nỗi đau xót, sự mất mát lớn lao của cả dân tộc của nhân dân về sự ra đi của Người.  **4. Khổ thơ cuối**    - Điệp ngữ *Muốn làm* -> ước nguyện tha thiết chân thành của nhà thơ: muốn hoá thân vào những vật xung quanh lăng Bác để được ở gần Bác, tô điểm cho hương sắc vườn Bác để dâng lên cuộc đười đẹp như những mùa xuân của Người.  - Ẩn dụ *cây tre trung hiếu* -> tấm lòng thủy chung son sắt của nhà thơ với Bác với con đường, với mục tiêu lí tưởng mà Bác đ? chọn  🡪 Đó là tình cảm, tấm lòng của nhân dân Việt Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu.   * - Kết cấu đầu cuối tương ứng đã nhấn mạnh hình ảnh gây ấn tượng với nhà thơ khi ra thăm lăng Bác, làm cho bài thơ có sự cân đối hài hòa và cũng làm cho dòng cảm xúc của nhà thơ càng trọn vẹn hơn.   ***III. Tổng kết***  **1. Nghệ thuật.**  - Bài thơ có giọng điệu thiết tha, trầm lắng, trang trọng, thành kính phù hợp với không khí cảm xúc nhà thơ.  - Sử dụng cách xưng hô thân mật gần gũi, hình ảnh ẩn dụ có giá trị biểu đạt tình cảm sâu sắc.  **2. Nội dung.**  - Bài thơ **Viếng lăng Bác** thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc  của nhà thơ và của mọi người đối với Bác khi vào lăng viếng Bác.  3. Ghi nhớ: SGK  **III. Luyện tập** |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

**Ngày tháng năm 2022**

**Xác nhận của tổ nhóm chuyên môn Xác nhận của BGH**

**Nguyễn Thị Thùy Cao Thị Hằng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  12/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 96: CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

***1/Kiến thức***

- Đặc điểm của thành phần gọi đáp và thành phần phụ chú.

- Công dụng của thành phần gọi đáp và thành phần phụ chú.

**2/Phẩm chất**

-Chăm học, ý thức việc sử dụng thành phần biệt lập trong khi nói và viết.

***3/ Năng lực***

- Năng lực chung: năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự chủ và tự học.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực sử dụng ngôn ngữ: đọc hiểu nhận biết thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú trong câu.

+ Viết Đặt câu có sử dụng hai thành phần đó. Tạo lập đoạn văn sử dụng TPBL.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Đọc sgk & trả lời các câu hỏi .

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a). Mục đích:**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  - Kích thích HS tìm hiểu về vai trò và tầm quan trọng của sách.  **b).** **Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV  **c) Sản phẩm:** Trình bày miệng  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv viết các câu trên bảng:  *1. Ôi, trời rét thế!*  *2. Cũng may mà bằng mấy nét vẽ, họa sĩ đã ghi xong lần đầu gương mặt người thanh niên.*  *3. Trâu ơi ta bảo trâu này*  *Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.*  *4. Chính Hữu (tác giả của bài thơ "Đồng chí") tên thật là Trần Đình Đắc.*  *? Tìm thành phần biệt lập trong các câu trên.*  *? Hãy cho biết tên gọi của các thành phần biệt lập đó?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện cuộc thi trên bảng.  - Trả lời miệng.  *\* Dự kiến sản phẩm:*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  - Gv lấy những điều học sinh còn chưa biết rõ để vào bài học hôm nay.  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm và công dụng của thành phần gọi- đáp:**  **NV1:**  **aMục đích**:Giúp HS nắm được những nét cơ bản về đặc điểm và công dụng của thành phần gọi- đáp.  **b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập.  **c. Yêu cầu sản phẩm:** phiếu học tập, câu trả lời của HS.  d. **Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  +  YC HS đọc vd?  *+ Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu a, b, c?*  *+ Xác định vị trí của từ in đậm trong câu?*  *+ Các từ ngữ đó có tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu không? Vì sao?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *-*HS: Làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  NV2:  **a.  Mục tiêu:** Tìm hiểu thành phần gọi đáp (tiếp)  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Em hiểu thành phần gọi đáp là gì?*  *? Đặt câu có thành phần gọi- đáp?*  Trong vòng 5 phút, nhóm viết ra những câu ca dao, hò vè, thơ có sử dụng thành phần gọi đáp và gạch chân dưới các thành phần đó. Đội nào viết được nhiều và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  - Hs nhóm khác nhận xét.  - Gv nhận xét 4 nhóm, cho điểm  **Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm và công dụng của thành phần phụ chú:**  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm được những nét cơ bản về đặc điểm và công dụng của thành phần phụ chú.  **b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV gọi  HS đọc các ví dụ  *? Nếu lược bỏ các từ in đậm nghĩa của câu có thay đổi không? Vì sao?*  *? Trong câu a các từ ngữ in đậm được dùng để làm gì (chú thích  cho từ ngữ nào)*  *? Trong câu b, cụm chủ vị in đậm được dùng để làm gì, chú thích điều gì?\*  Sau khi trả lời những câu hỏi trên và GV đưa ra câu hỏi cho HS:  *? Thế nào là thành phần phụ chú của câu?*  *? Dấu hiệu nhận biết thành phần phụ chú, cấu tạo thành phần phụ chú?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *-*HS: Làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  ***- Bước 3: Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***- Bước 4: Đánh giá kết quả***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  GV: HS đọc ghi nhớ.  **C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1:**  **a.  Mục tiêu:**HS biết xác định được thành phần gọi - đáp trong văn cảnh cụ thể.  **b. Nội dung:** HS nghe câu hỏi trả lời.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Đọc yêu cầu.  *+ Xác định khởi ngữ trong các câu?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Nghe và làm bt  **2. Bài tập 2:**  **a.  Mục tiêu:**HS biết xác định được thành phần gọi - đáp trong câu ca dao  **b. Nội dung:** HS nghe câu hỏi trả lời.  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập; vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  + Đọc yêu cầu bài tập.  + xác định được thành phần gọi - đáp  **Bước 2: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  - Nghe và làm bt  **3. Bài tập 3:**  **a.  Mục tiêu:**HS viết được một đoạn văn có sử dụng khởi ngữ.  **b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu, viết đv.  **c. Sản phẩm:** vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Đọc yêu cầu bài tập.  + Tìm thành phần phụ chú và nêu tác dụng của thành phần đó trong từng ví dụ  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Nghe và làm bt  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  **b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Tạo lập một cuộc hội thoại từ hai nhân vật trở lên trong đó có sử dụng thành phần gọi đáp phù hợp.  + Từ đó rút ra bài học trong giao tiếp  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Nghe yêu cầu.   + Trình bày cá nhân   + Dự kiến sp: | - Ôi  - Cũng may  - Trâu ơi, này  - ( tác giả của bài thơ "Đồng chí")  Học sinh có thể chỉ ra được thành phần biệt lập đã học nhưng không chỉ ra được thành phần mà chưa được học.  **I. Thành phần gọi- đáp**  1. Ví dụ  2. Nhận xét  *Này*: dùng để gọi.  *Thưa ông*: dùng để đáp.  - Những từ này không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu-> chúng là các thành phần biệt lập.  - Công dụng:  + Từ: *Này* dùng để tạo lập cuộc hội thoại.  + Từ: *Thưa ông* dùng để duy trì cuộc hội thoại.  3. Ghi nhớ: SGK  **II. Thành phần phụ chú.**  1.Ví dụ .  2. Nhận xét:   - Khi bỏ các từ in đậm nghĩa của câu không thay đổi vì các từ đó không nằm trong cấu trúc cú pháp.  - Từ in đậm trong câu a chú thích: Đứa con gái đầu lòng của anh  - Cụm chủ vị in đậm trong câu b chú thích cho suy nghĩ của nhân vật Tôi.  3. Ghi nhớ: SGK  a. Từ dùng để gọi: *Này*  b. Từ dùng để đáp: *Vâng*  a. Cụm từ dùng để gọi: *Bầu ơi*  b. Đối tượng hướng tới của sự gọi: tất cả các thành viên trong cộng đồng người Việt  a. TP phụ chú *"kể cả anh"* giải thích cho cụm từ "*mọi người*"  b. TP phụ chú *"các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ"* giải thích cho cụm từ *"những người nắm giữ chìa khoá của cánh cửa này"*  c. TP phụ chú *"những người chủ thực sự của đất nước trong thế kỷ tới"* giải thích cho cụm từ "*lớp trẻ"*  d. Các TP phụ chú và tác dụng của nó  - Thành phần phụ chú *"có ai ngờ*" thể hiện sự ngạc nhiên của nhân vật trữ tình "*tôi"*  - TP phụ chú *" thương quá đi thôi*" thể hiện tình cảm trìu mến của nhân vật trữ tình *"tôi"* với nhân vật *"cô bé nhà bên"*  VD:  Mẹ: Con ơi con đã làm xong bài chưa?  Con: Dạ, thưa mẹ, con đã làm xong rồi ạ!  = > khi giao tiếp cần sử dụng thành phần gọi đáp cho phù hợp với lứa tuổi, thứ bậc trong gia đình... |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  17/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 97:**

**PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nắm được thế nào là phép phân tích, tổng hợp

- Mối quan hệ giữa phân tích và tổng hợp

**2. Năng lực**

**a. Các năng lực chung**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

**3. Phẩm chất**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS có ý thức sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp vào bài văn viết của mình.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước bài, trả lời câu hỏi.

- Chuẩn bị một số đoạn văn trình bày theo cách quy nạp, diễn dịch.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên- học sinh** | **Nội dung** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a.  Mục tiêu:**:     - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.     - Kích thích HS hiểu được thế nào là phép lập luận pt và tổng hợp.  **b.** **Nội dung**: HS nghe câu hỏi của GV  **c. Sản** **phẩm**: HS suy nghĩ trả lời.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  GV: Cho các ý sau:  *+ Những bông hoa nở rực rỡ khi mùa xuân về.*  *+ Bầu trời trong sáng như pha lê.*  *+ Mưa xuân phơi phới.*  *+ Cỏ cây tràn trề nhựa sống.*  *? Các gợi ý trên khiến em liên tưởng đến điều gì? Hãy khái quát ý chung của các gợi ý trên bằng một câu văn?*  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****:*  HS nghe, trả lời miệng câu hỏi.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  GV: *Trong khi nói và viết, kĩ năng PT và tổng hợp vô cùng cần thiết đối với mỗi người. Vậy thế nào là phép PT? Thế nào là phép tổng hợp? Chúng ta cùng tìm câu trả lời trong tiết học hôm nay.* | *+ Sức sống của vạn vật khi mùa xuân về.*  *+ Mùa xuân thật là đẹp.* |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1**: **Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp**  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm được bản chất của phép lập luận phân tích và tổng hợp  **b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập.  **c.** **Sản phẩm**: phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  +  YC HS đọc văn bản.  *?) Bài văn bàn về vấn đề gì?*  *?) Vấn đề đó được tác giả lập luận như thế nào?*  *?) Nêu những dẫn chứng cho cách lập luận của tác giả?*  GV: Với những câu hỏi trên, yêu các các em thảo luận nhóm lớn trong thời gian 7 phút.  Sau đói GV yc HS trả lời:  *? Em hiểu phép lập luận phân tích là gì?*  *? Sau khi đã phân tích, tác giả đã viết câu văn nào tổng hợp các ý đã phân tích?*  *? Từ tổng hợp quy tắc ăn mặc nói trên, bài viết đã mở rộng sang vấn đề ăn mặc đẹp ntn?*  *? Em hiểu thế nào là phép tổng hợp?*  \* Hoạt động nhóm cặp:  *?) Nếu chưa có sự phân tích thì có phép tổng hợp không?*  *?) Phép tổng hợp thường diễn ra ở phần nào của bài văn?*  *?) Phép phân tích và tổng hợp có vai trò ntn trong bài văn nghị luận?*  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  ***-***HS: Làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  ***- Bước 3. Báo cáo thảo luận:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***- Bước 4. Kết luận, nhận định:***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  + Các quy tắc ngầm của văn hoá khiến mọi người phải tuân theo.  - Trình bày từng bộ phận của vấn đề để làm rõ nội dung sâu kín bên trong.  GV kết luận: Tác giả đã tách ra từng trường hợp để cho thấy quy luật ngầm của vh chi phối cách ăn mặc.  =>Cách lập luận trên của  tác giả chính là lập luận phân tích.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **1. Bài 1:**  **a.** **Mục tiêu**: Vận dụng hiểu biết về phép lập luận pt và tổng hợp để làm bài tập  **b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu, trao đổi nhóm.  **c.** **Sản phẩm**: Phiếu học tập, vở ghi.  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Kỹ năng phân tích trong bài “ Bàn về đọc sách”*  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc, làm cá nhân, trao đổi với bạn.  - GV hướng dẫn HS.  ***- Bước 3: Báo cáo kết quả:***HS trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***- Bước 4:  Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  **2. Bài 2:**  **a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về phép lập luận pt và tổng hợp để làm bài tập.  **b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu, trao đổi nhóm.  **c.** **sản phẩm**: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra , vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Kỹ năng phân tích trong bài “ Bàn về đọc sách”*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc, làm cá nhân.  - GV hướng dẫn HS.  ***3. Báo cáo kết quả:***HS trình bày kết quả, các HS khác khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  **3. Bài 3:**  **a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về phép lập luận pt và tổng hợp để làm bài tập.  **b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu, trao đổi nhóm.  **c.** **Sản phẩm**: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Kỹ năng phân tích trong bài “ Bàn về đọc sách”*  ***-Bước 2: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc, làm cá nhân.  - GV hướng dẫn HS.  ***- Bước 3:. Báo cáo thảo luận:***HS trình bày kết quả, các HS khác khác nghe.  ***- Bước 4: Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**  **a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  **b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  Chỉ ra phép lập luận phân tích và tổng hợp trong bài văn của em?( có bài văn chuẩn bị trước)  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  + Nghe yêu cầu.  + Trình bày cá nhân. | **I. Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp**  1. Ví dụ  \* Bài văn: ***Trang phục***  - Vấn đề: trang phục đẹp.  - Các quy tắc ngầm của văn hoá khiến mọi người phải tuân theo.  \* Không . . . hở bụng  \* Ăn mặc. . . đi tát nước..  \* Ăn mặc . . . cộng đồng.  =>lập luận phân tích  \* Đẹp tức là phải phù hợp với VH, đạo đức, môi trường.  =>phép tổng hợp.  **II. Luyện tập:**  1. **Bài 1:**  - Luận điểm: *Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách rốt cuộc là con đường quan trọng của học vấn*  - LC:  + Học vấn là của nhân loại.  +Học vấn của nhân loại do sách truyền lại.  + Sách là kho tàng học vấn.  **2. Bài 2:**  - 2 lý do:  *+ Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu......*  *+ Sách nhiều khiến người đọc lạc hướng.......*  **3. Bài 3:**  *+ Đọc sách để chuẩn bị làm cuộc trường chinh...*  *+ Nếu chúng ta đọc thì mới mong tiến lên từ văn hoá học thuật.*  *+ Nếu không đọc tự xoá bỏ hết các thành tựu. Nếu xoá bỏ hết thì chúng ta tự lùi về điểm xuất phát.* |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  17/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 98**

**LUYỆN TẬP PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức*** :

- Mục đích tác dụng, đặc điểm của việc sử dụng phép phân tích và tổng hợp.

***2. Năng lực:***

- Năng lực chung: năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự chủ và tự học.

- Năng lực chuyên biệt:

 + Đọc hiểu VB nghị luận: nhận dạng được rõ hơn văn bản có sử dụng phép phân tích và tổng hợp.

 + Viết: Sử dụng phép phân tích tổng hợp thuần thục hơn khi tạo lập văn bản nghị luận.

***3. Phẩm chất:***

-Có trách nhiệm và ý  thức sử dụng phép phân tích và tổng hợp khi tạo lập văn bản.

- Ý thức tự giác học tập của học sinh. Nhận ra sự cần thiết phải vận dụng các PPLL phân tích và TH

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-  Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước bài, trả lời câu hỏi.

- Chuẩn bị một số đoạn văn trình bày theo cách quy nạp, diễn dịch.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**  ***a.  Mục tiêu:****:*  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  - Kích thích HS hiểu được vai trò của phép lập luận pt và tổng hợp.  ***b. Nội dung:***HS nghe câu hỏi của GV  ***c.******Sản phẩm****:*HS suy nghĩ trả lời.  ***d. Tổ chức thực hiện:***  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  *? Theo em khi nào cần tới phép PT và tổng hợp? Thế nào là PT? Tổng hợp là gì?*  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***HS nghe, trả lời miệng câu hỏi  ***- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***- Bước 4: Kết luận, nhận định:***GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  *GV:*Giờ học hôm nay, các em sẽ được thực hành việc nhận diện VB PT và tổng hợp. Đồng thời luyện kĩ năng viết VB (đoạn văn) PT và tổng hợp*.* | + Người ta dùng phép PT và tổng hợp khi muốn làm rõ YN của 1 sự vật, hiện tượng nào đó.  + PT là phép lập luận trình bày từng bộ phận, phương tiện của 1 VĐ nhằm chỉ ra ND của sự vật, hiện tượng.  + Tổng hợp là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã PT . Không có PT thì không có tổng hợp. |
| **B+ C. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI+ LUYỆN TẬP**  **Hoạt động 1**: **Tìm hiểu bài tập 1.**  **a.****Mục tiêu:**HS vận dụng lý thuyết ở tiết trước để chỉ rõ phép lập luận pt và th được sử dụng trong văn bản cụ thể.  **b.**  **Nội dung**: HS đọc yêu cầu, làm bài.  **c.** **Yêu cầu sản phẩm**: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d.** **Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  \* Thảo luận nhóm bằng kỹ thuật khăn phủ bàn (7 phút)  *? Đọc đoạn văn  và cho biết tác giả đã vận dụng phép lập luận nào và vận dụng ntn?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  ***-***HS: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày.  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  ***- Bước 3 : Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***- Bước 4 : Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **Hoạt động 2**: **Tìm hiểu bài tập 2**  **a.****Mục tiêu:**HS vận dụng lý thuyết ở tiết trước để chỉ rõ phép lập luận pt  được sử dụng trong văn bản cụ thể.  **b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu, làm bài.  **c.** **Yêu cầu sản phẩm**: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d.** **Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *\* Hoạt động nhóm cặp đôi*  *? Đọc đoạn văn và cho biết tác giả đã vận dụng phép lập luận nào và vận dụng ntn?*  ***- Bước 2:  Thực hiện nhiệm vụ:***  ***-***HS: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày.  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  ***- Bước 3 : Báo cáo kết quả:***  HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***- Bước 4 : Đánh giá kết quả***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  **Hoạt động 3**: **Tìm hiểu bài tập 3**  ***a.******Mục tiêu:***HS vận dụng lý thuyết ở tiết trước để chỉ rõ phép lập luận pt  được sử dụng trong văn bản cụ thể.  ***b. Nội dung:*** HS đọc yêu cầu, làm bài.  *c.****Yêu cầu sản phẩm****:* câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *?) Phân tích các lý do khiến mọi người phải đọc sách*  ***- Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ:***  ***-***HS: làm việc cá nhân, trình bày.  ***3. Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  **\*GV hướng dẫn hs:**  *- Nêu tổng hợp tác hại của lối học đối phó trên cơ sở phân tích ở trên.*  *- Tóm lại những điều đã phân tích về việc đọc sách.*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a.** **Mục tiêu**: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  **b.** **Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.  **c.** **Sản phẩm**: Tình huống hội thoại  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Dựng một tình huống đối thoại có sử dụng phép lập luận PT và tổng hợp*  ***- Bước 2: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***        + Nghe yêu cầu.             + Trình bày nhóm cặp             + Dự kiến sp:  A*: Cậu có thể cho mình biết hút thuốc là có tác hại gì không?*  *B: ........*  -> Phân tích  *A: Vậy qua những dẫn chứng trên cậu rút ra được bài học gì cho mình?*  *B: Để bảo vệ sức khỏe cho mình và mọi người, chúng ta không nên hút thuốc lá*  -> tổng hợp. | **1. Bài  tập 1**  Đoạn văn a  - Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài..  + Cái hay ở các điệu xanh  + ở những cử động  + ở các vần thơ  + ở các chữ không non ép   Đoạn văn b  - Nêu các quan niệm mấu chốt của sự thành đạt  - Phân tích từng quan niệm đúng sai thế nào và kết lại ở việc phân tích bản thân chủ quan ở mỗi người  **2. Bài tập 2**  - Phân tích thực chất của lối học đối phó.  + Học đối phó là học mà không lấy việc học làm mục đích, xem việc học là việc phụ  + Học đối phó là học bị động, không chủ động, cốt đối phó với sự đòi hỏi của thầy cô, của thi cử.  + Do học bị động nên không thấy hứng thú, mà đã không hứng thú thì chán học, hiệu quả thấp.  + Học đối phó là học hình thức, không đi sâu vào thực chất kiến thức của bài học  + Học đối phó thì dù có bằng cấp nhưng đầu óc vẫn rỗng tuếch  **Bài tập 3**   Phân tích các lý do khiến mọi người phải đọc sách  -  Sách vở đúc kết tri thức của nhân loại.  - Muốn tiến bộ, phát triển thì phải đọc sách để tiếp thu tri thức, kinh nghiệm.  - Đọc sách không cần  nhiều mà cần đọc kỹ, hiểu sâu, đọc quyển nào nắm chắc quyển đó như thế mới có ích.  - Bên cạnh việc đọc sách chuyên sâu phục vụ ngành nghề còn cần phải đọc rộng. Kiến thức rộng giúp hiểu các vấn đề chuyên môn tốt hơn.  Tóm lại, muốn đọc sách có hiệu quả phải chọn những sách quan trọngnhất mà đọc cho kỹ, đồng thời chú trọng đọc rộng thích đáng để hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu.  **Bài  tập 4:** Thực hành tổng hợp |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  17/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 99:**

**NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm nghĩa tường minh và hàm ý.

- Tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hằng ngày

**2/ Phẩm chất**

-Chăm học, có ý thức sử dụng nghĩa tường minh và hàm ý trong nói và viết.

**3/Năng lực**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực làm việc nhóm

- Năng lực chuyên biệt:

+Đọc hiểu Ngữ liệu: nhận biết được việc sử dụng nghĩa tường minh, hàm ý trong văn cảnh cụ thể. Giải đoán được hàm ý trong văn cảnh cụ thể. Sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp.

+Đọc mở rộng VB tự sự, trữ tình: xác định và giải đoán hàm ý

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**Lập kế hoạch dạy học, tài liệu,

**2. Chuẩn bị của học sinh:**Nghiên cứu bài học, chuẩn bị bài.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VA TRO** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a.  Mục tiêu:**:     - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.     - Kích thích HS tìm hiểu về nghĩa tường minh và hàm ý.  **b. Nội dung:** HS theo yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:** HS suy nghĩ trả lời.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *\* Tình huống thứ nhất:*   Sắp đến giờ vào lớp, cô giáo hỏi một bạn học sinh: - Mấy giờ rồi em?  *\* Tình huống thứ hai:*   Nam đi học muộn, đến sân trường gặp cô giáo chủ nhiệm, cô hỏi: - Mấy giờ rồi em?  ? Tình huống thứ nhất, cô giáo muốn hỏi gì? Tình huống thứ 2 cô giáo muốn nhắc nhở điều  gì?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  -> GV dẫn vào bài: Trong giao tiếp, chúng ta có thể diễn đạt trực tiếp điều mình nói thông qua những câu, từ ngữ diễn đạt điều đó. Nhưng đôi khi chúng ta diễn đạt một cách gián tiếp( nội dung thông báo không được nói trực tiếp bằng những từ ngữ trong lời nói  nhưng  có thể suy ra từ những từ ngữ ấy). Cách diễn đạt như vậy người ta gọi là tường minh và hám ý. Vậy thế nào là tường minh và hàm ý, cô và các em cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**  a.  Mục tiêu: Giúp HS nắm được nghĩa tường minh và hàm ý.  b.  **Nội dung**: HS tìm hiểu ở nhà và trả lời câu hỏi  c. **Sản phẩm**: câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *a. Cho biết nội dung của đoạn trích này?*  *b. Chú ý vào câu nói của anh thanh niên và cho biết nội dung thông báo câu nói của anh thanh niên là gì?*  *c. Căn cứ vào những từ ngữ nào em biết được phần thông báo trên?*  *d Ngoài cách hiểu trên, em thấy câu nói của anh thanh niên còn có thể hiện điều gì? Em căn cứ vào đâu mà biết được điều anh thanh niên nói?*  *e. Theo em tại sao anh thanh niên không nói thẳng ra điều đó với hai người hoạ sĩ và cô kĩ sư mà phải nói một cách ẩn ý như vậy?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  ***+***HS đọc yêu cầu.            + HS hoạt động cá nhân.            + HS hoạt động cặp đôi.            + HS thảo luận.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS  **NV2:  HĐ cặp đôi (2 phút)**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *a. Câu nói: “ồ! Cô... này” anh muốn thông báo điều gì?*  *b. Căn cứ vào đâu em biết được điều mà anh thanh niên nói?*  *c. Ngoài thông báo trực tiếp em thấy anh thanh niên còn muốn nói điều gì nữa không?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS  GV: Như vậy, câu nói của anh thanh niên không chứa ẩn ý mà thể hiện trực tiếp ý muốn nói về điều đó.  Những trường hợp nghĩa của câu được diễn đạt trực tiếp bằng những từ ngữ trong câu người ta gọi những câu đó có nghĩa tường minh.  - Những trường hợp nghĩa trong câu không diễn đạt một cách trực tiếp bằng câu đó hoặc các từ ngữ trong câu đó mà phải suy ra từ những từ ngữ ấy người ta gọi là nghĩa hàm ý.  ***? Vậy em hiểu thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý?***  GV: Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng những từ ngữ trong câu.  Hàm ý là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.  **NV3: TRÌNH BÀY 1 PHÚT**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ***? Điểm giống và khác nhau giữa nghĩa tường minh và hàm ý***  **\* Bài tập nhanh**  ***? Từ cách hiểu về nghĩa tường minh và hàm ý em hãy đặt cho cô 2 ví dụ?***  GV: Đưa bài tập.  ***?Tìm hàm ý cho câu sau?***       - Trời sắp mưa đấy!  - Ra cất quần áo vào.  - Mang áo mưa đi.  - Đừng đi nữa.  ***? Muốn xác định hàm ý trên em phải căn cứ vàp đâu?***  ***? Từ ví dụ trên chúng ta cần lưu ý điều gì?***  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS  ***GV***: Vì vậy nhiều khi không nắm được tình huống cụ thể đó thì sẽ không hiểu được hàm ý gửi gắm trong lời nói.  Hàm ý có đặc tính:  + Hàm ý có thể giải đoán được. Người nghe có năng lực thì có thể giải đoán được hàm ý trong lời nói có chứa hàm ý.  VD: Con chào mẹ con đi học.   Mẹ nói với theo: Trời sắp mưa rồi đấy!  + Hàm ý có thể chối bỏ được: Người nói luôn luôn có thể chối bỏ rằng không thông báo hàm ý nào trong lời nói của mình, tức là người nói có thể không chịu trách nhiệm về hàm ý chứa trong lời nói của họ.  VD: Anh ghét tôi thì tôi quý anh.  (tôi quí anh- tôi rất ghét anh)  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về nghĩa tường minh và hàm ý  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **NV1:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *?Câu nào cho thấy họa sĩ chưa muốn chia tay?*  *? Từ ngữ nào cho biết điều đó*  *? Theo dõi yêu cầu b. Trong câu cuối những từ ngữ nào diễn đạt thái độ cô gái?*  *? Những từ ngữ đó thể hiện thái độ gì?*  *? Qua những từ ngữ này, em hiểu thái độ của cô kỹ sư ntn?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hoạt động cá nhân  - Hđ nhóm  - Đại diện trình bày  - Dự kiến trả lời  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS  **NV2:**  **HĐ cặp đôi (2 phút)**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Hãy cho biết hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích sau đây:*  *? Tìm câu chứa hàm ý trong đoạn trích sau và cho biết nội dung của hàm ý:*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**  **a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về tường minh và hàm ý  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân; HSvề nhà làm.  c. **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS; vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Xây dựng 1 đoạn hội thoại trong đó có sử dụng hàm ý, chỉ rõ câu chứa hàm ý và nội dung...*        HS trả lời.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**        + Nghe yêu cầu.             + Trình bày cá nhân. | ->Cô giáo muốn hỏi giờ bạn học sinh. ->Cô giáo nhắc nhở việc Nam đi học muộn.  **I.** **Phân  biệt nghĩa tường minh và hàm ý**.  **1. Ví dụ**   1. Cuộc chia tay của anh thanh niên với người hoạ sỹ và cô kĩ sư khi lên thăm nhà anh. 2. Chỉ còn có 5 phút nữa là chia tay. 3. Chỉ còn 5 phút. 4. Căn cứ vào dụng ý mà anh thanh niên thể hiện qua những từ ngữ như “trời ơi” 5. Anh không muốn nói thẳng ra điều đó, có thể vì ngại ngùng, vì muốn che giấu tình cảm của mình, vì anh là người “thèm người” và hiếu khách.   a. Thông báo cho cô kĩ sư biết cô ra về còn quên chiếc khăn mùi xoa.   1. Căn cứ vào câu và từ “quên”. 2. Không.   -  *Giống nhau:* Đều sử dụng lời nói để diễn đạt 1 thông tin.  - *Khác nhau:*  + Tường minh: Diễn đạt trực tiếp điều muốn nói.  + Hàm ý: Điều muốn nói không trực tiếp diễn đạt bằng từ ngữ trong câu mà phải suy ra từ những từ ngữ ấy -> Diễn đạt gián tiếp điều muốn nói.  Căn cứ vào tình huống giao tiếp.  Cùng một câu nói nhưng nói trong những tình huống khác nhau có thể có những hàm ý khác nhau.  + Nhà họa sĩ.... dậy  + Cụm từ: tặc lưỡi       +  Mặt đỏ ửng khi nhận lại chiếc khăn.       + Quay vội đi.       +  Mặt....: ngượng, buộc nhận lại điều mà không tránh được       + Quay vội đi: vì quá ngượng.       +  Cô bối rối và ngượng. Cô ngượng vì định kín đáo để lại chiếc khăn mùi soa làm kỉ vật cho ATN thế mà anh lại quá thật thà tưởng cô quên nên gọi cô để trả lời  - Tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá.  -> Hàm ý: Ông hoạ sĩ già chưa kịp uống nước chè đâu, hãy mời ông ấy.  > Câu “*Cơm chín rồi !”* hàm ý là: *“Ông vô ăn cơm đi!”* |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  22/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 100,101,102**

**NÓI VỚI CON****- Y Phương**

**I- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lý của tác giả.

**2/Phẩm chất**

- Yêu và tự hào về quê hương xứ sở

- Yêu và trân trọng tình cảm gia đình: tình cha con, tình mẫu tử. Phấn đấu sống và cống hiến xứng đáng với những tình cảm cao đẹp ấy.

**3. Năng lực**

- Năng lực chung: năng lực giải quyết vấn đề một cách sáng tạo,  năng lực hợp tác trong làm việc nhóm.

- Năng lực chuyên biệt:

+Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại. Thể hiện những suy nghĩ cảm nhận về một hình ảnh thơ, khổ thơ, tác phẩm thơ.

+Đọc liên hệ, mở rộng nêu suy nghĩ cảm nhận.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Lập kế hoạch dạy học.

- Học liệu:  tài liệu, máy chiếu, các tài liệu về Y Phương và tình cảm gia đình,...phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Nghiên cứu bài học, chuẩn bị sản phẩm theo sự  phân công.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nôi dung kiến thức** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**  **\* Mục tiêu**:     - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.     - Kích thích HS tìm hiểu thấy được ý nghĩa thiêng liêng cao đẹp của tình cảm gia đình đặc biệt là tình phụ tử.  \* **Nhiệm vụ**: HS theo dõi, thực hiện yêu cầu của GV.  \* **Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân, HĐ cả lớp.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: HS suy nghĩ trả lời.  \* **Cách tiến hành:**  **- GV chuyển giao nhiệm vụ:**    Bật lời bài hát: *Cám ơn cha (hoặc bài hát nào đó về cha)*  **Cám ơn cha***(*Hồ Ngọc Hà)  *Giữa ánh sáng của vinh quang*  *Con luôn thấy thấp thoáng cha thầm lặng*  *Ánh mắt sáng những niềm vui khi con thành công*  *Cho con thêm vững vàng sải bước trên đường xa.*  *Cha cho con những giấc mơ*  *Bao dung cho con những khi lạc đường*  *Nâng  đôi  tay cho đời con bay cao mạnh mẽ*  *Con luôn tự hào khi được là con của cha.*  ? Em cảm nhận được điều gì sau lời bài hát?  - Dự kiến trả lời: Tình cảm cha con  ? Em hãy kể tên những văn bản, đọc bài ca dao em biết viết về tình cảm gia đình?  - Dự kiến trả lời: HS kể...  **- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  + Nghe lời bài hát  + Nghe câu hỏi và trả lời  **HOẠT ĐỘNG 2:  HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:**  \* **Mục tiêu**:  Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Y Phương và bài thơ Nói với con**.**  \* **Nhiệm vụ**: HS tìm hiểu ở nhà.  \* **Phương thức thực hiện**: trình bày dự án, hoạt động chung, hoạt động nhóm.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.  \* **Cách tiến hành**:  **1**. **GV chuyển giao nhiệm vụ: trình bày dự án tác giả Y Phương.**  **- Dự kiến TL:**  Y Phương sinh năm 1948 tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước.- quê ở Trùng Khánh Cao Bằng- dân tộc Tày. Năm 1993 ông là Chủ tịch hội văn nghệ Cao Bằng…  - Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy đầy hình ảnh của con người miền núi.  **2.** **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ**: trình bày theo nhóm.     + Một nhóm trình bày.     + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   * GV chốt kiến thức:   ? Hãy nêu những hiểu biết về văn bản?   * 1 HS trả lời * Dự kiến TL: + Bài thơ trích trong cuốn: “Thơ VN” 1945-1985.                                   +Đề tài: Tình cha con  GV: Đọc giọng nhẹ nhàng, nhịp chậm khoan thai, trầm lắng và thoáng suy tư.  - GV đọc mẫu- gọi học sinh đọc- nhận xét.   1. **GV chuyển giao nhiệm vụ:**   **HĐ NHÓM (3 phút):**  ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  ? Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản  ? Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Nêu ý từng  phần?  2. **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  ***+*** HS đọc yêu cầu.            + HS hoạt động cá nhân.            + HS hoạt động cặp đôi.            + HS thảo luận.   * Đại diện nhóm trình bày. * Dự kiến TL:   +Thơ tự do, câu vần nhịp theo dòng cảm xúc  + Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  + Có thể chia 2 phần   Phần 1: Từ đầu đến ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời. Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ trong cuộc sống lao động của quê hương.  Phần 2: Lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ bền bỉ với truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng với truyền thống ấy.  **Mục tiêu:** Giúp HS nắm được cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người  \* **Nhiệm vụ**: HS thực hiện yêu cầu của GV.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ chung, Thảo luận nhóm, Hoạt động  cặp đôi.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: vở ghi HS.  \* **Cách tiến hành**:  **1**. **GV chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hoạt động nhóm: 5 phút**  ? Chú ý bốn câu thơ đầu? Qua 4 câu đầu giúp em hình dung được điều gì?  ? Từ đó giúp em cảm nhận được không khí gia đình như thế nào?  ? Người cha nói với con điều gì?  ? Người đồng mình được thể hiện qua những hình ảnh nào? Em hiểu hình ảnh đó như thế nào?  ? Theo em từ: cài, ken ngoài thuộc từ loại nào? Ngoài ý nghĩa miêu tả còn nói lên điều gì?  ? Qua đây em có suy nghĩ gì về cuộc sống của người đồng mình qua lời nói của con?  **2.** **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  ***+*** HS đọc yêu cầu.    + HS hoạt động cá nhân.    + HS thảo luận.  - Đại diện trình bày.  - Dự kiến TL:  + Hình dung được đứa trẻ đang tập đi từng bước chập chững trong sự chờ đón, mừng vui của cha mẹ. Từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chút.  + Không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt. Con lớn lên từng ngày trong sự yêu thương, nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ  + Người... trên đời.   + Người đồng mình là người bản mình, quê mình.           “Đan... câu hát”   Đan bờ bắt cá, ken vách dựng nhà cùng với hoa rừng, trong câu hát sli, hát lượn.  + Các động từ: cài, ken ngoài nghĩa miêu tả còn nói lên tình gắn bó, quấn quýt trong lao động, làm ăn của đồng bào, quê hương.  + Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của người đồng mình.  **HĐ cá nhân:**  ? Em hiểu hai câu thơ“ Rừng cho hoa... tấm lòng” như thế nào?  ? Chính vì vậy, cha mẹ đã nhắc lại cho con nhớ điều gì?  - HS hoạt động cá nhân =>Trình bày kết quả  - GV giảng:  +Thiên nhiên che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.  + Con đang dần lớn khôn, trưởng thành trong cuộc sống lao động giữa thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình sâu nặng của người đồng mình.  + Kỉ niệm ngày cưới, ngày đẹp nhất trên đời.  Và đây cũng là ngày đầu tiên bắt đầu xây nền móng cho gia đình hạnh phúc.  **Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những đức tính của người đồng mình và mơ ước của người cha về con  \* **Nhiệm vụ**: HS thực hiện yêu cầu của GV.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ chung, Thảo luận nhóm, Hoạt động  cặp đôi.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: vở ghi HS.  \* **Cách tiến hành**:  **1**. **GV chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hoạt động nhóm: 5 phút**  ?Chú ý đoạn thơ'' Người đồng mình...cực nhọc"em thấy người cha đã nói với con về những đức tính gì của người đồng mình?  ? Em có nhận xét gì về cách nói của người dân miền núi? Qua cách nói ấy ta thấy người cha nói cho con biết những đức tính của người đồng mình, người cha muốn nói với con điều gì?  ? Đoạn thơ tiếp tác giả tiếp tục nói tới vẻ đẹp nào của người đồng mình? Điều ấy thể hiện tập trung qua những câu thơ nào?  ? Từ đó người cha muốn gợi cho con tình cảm gì đối với quê hương?  **2.** **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  ***+*** HS đọc yêu cầu.    + HS hoạt động cá nhân.    + HS thảo luận.  - Đại diện trình bày.  - Dự kiến TL:  + Đức tính: Bền gan, vững chí “Cao... lớn”.  Yêu tha thiết quê hương “sống trên... nghèo đói”.  Mộc mạc, hồn nhiên, khoáng đạt “Sống ...”.  **+** Cách nói của người dân miền núi vừa cụ thể vừa mơ hồ->Sống vất vả mà mạnh mẽ khoáng đạt, bền bỉ gắn bó với quê hương dẫu còn cực nhọc đói nghèo. Mong con phải có nghĩa tình chung thủy với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí niềm tin của mình  +“Người ... đâu con”-> Mộc mạc nhưng giàu chí khí niềm tin. Họ có thể thô sơ da thịt nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn và ý chí mong ước xây dựng quê hương   ->Họ có thể thô sơ về da thịt, ăn mặc giản dị: áo chàm, khăn piêu nhưng họ không nhỏ bé về tâm hồn, ý chí, nghị lực đặc biệt khát vọng xây dựng quê hương.   Người đồng mình tự đục đá…->Họ tự làm nên quê hương với những phong tục tập quán tốt đẹp  + Muốn con biết tự hào về truyền thống quê hương, dặn con cần tự tin mà vững bước đi trên đường đời.  GV: Người cha nói với con người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc lam lũ nhưng mạnh mẽ, giàu chí lớn, luôn yêu quý tự hào và gắn bó với quê hương. Người cha giáo dục con sống phải có nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí và niềm tin của mình. Không chê bai, phản bội quê hương dù còn nghèo, còn gian nan vất vả. Từ đó người cha mong con biết tự hào...  **\* Mục tiêu**: Giúp HS nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  \* **Nhiệm vụ**: HS thực hiện yêu cầu của GV.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ chung, Thảo luận nhóm  \* **Yêu cầu sản phẩm**: vở ghi HS.  \* **Cách tiến hành**:  **1**. **GV chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật…  ? Với những thành công về nghệ thuật làm nổi bật nội dung gì?  **2.** **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  ***+*** HS đọc yêu cầu.    + HS hoạt động cá nhân.    + HS thảo luận.  - Đại diện trình bày.  - Dự kiến TL  Những nét nghệ thuật đặc sắc:  - Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa có sức gợi cảm khái quát, cách nói mộc mạc, so sánh cụ thể thể hiện các nói đặc trưng của đồng bào miền núi.  - Lời thơ trìu mến tha thiết, điệp từ như điểm - nhấn lời dặn dò ân cần, tha thiết của người cha.   Nội dung bài thơ:  - Qua lời người cha nói với con...  - Học sinh đọc ghi nhớ sgk  **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **\*Mục tiêu:**  HS  biết vận dụng kiến thức đã học về thơ để phân tích, cảm thụ hình ảnh trong đoạn thơ, khổ thơ.  **\*Nhiệm vụ:** HS  suy nghĩ, trình bày.  **\*Phương thức thực hiện**:  HĐ cá nhân  **\*Yêu cầu sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.  **\*Cách thức tiến hành.**  **1.GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  ? Điều lớn lao nhất mà nhà thơ muốn truyền cho con là gì?  ? Đặt mình là người con trong bài thơ em có suy nghĩ gì ?   * 2 HS trả lời.   **2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ**  + Nghe yêu cầu  + Trình bày cá nhân  - GV chốt: Điều lớn lao nhất mà nhà thơ muốn truyền cho con là lòng tự hào về sức sống bền bỉ của quê hương và niềm tự tin để con bước vào đời.   - Bài thơ giúp ta hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi. Bài học luôn tự hào, gắn bó với quê hương, gia đình và ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **\*Mục tiêu:**  HS  biết vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn  **\*Nhiệm vụ:** HS  suy nghĩ, trình bày.  **\*Phương thức thực hiện**:  HĐ cá nhân  **\*Yêu cầu sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.  **\*Cách thức tiến hành.**  **1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  ? Suy nghĩ của em về tình cảm cha mẹ dành cho mình   * 2 HS trả lời.   **2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ**  + Nghe yêu cầu  + Trình bày cá nhân  - GV chốt: Tình cảm cha mẹ dành cho chúng ta vô cùng to lớn, không gì kể hết và so sánh được… | **I. Tìm hiểu chung**.  1. Tác giả:    2. Văn bản:  a. Xuất xứ:    b. Đọc, chú thích,bố cục.      **II- Phân tích.**  ***1. Con lớn lên trong yêu thương của cha mẹ sự đùm bọc của quê hương.***    - Không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt.  -> Con lớn lên  trong sự yêu thương, nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ.    - Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của người đồng mình.    -> Con  lớn lên  trong cuộc sống lao động giữa thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình sâu nặng của quê hương.    ***2. Những đức tính của người đồng mình và mơ ước của người cha về con.***    - Sống vất vả mà mạnh mẽ khoáng đạt, bền bỉ gắn bó với quê hương dẫu còn cực nhọc đói nghèo  -> Mong con phải có nghĩa tình chung thủy với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí niềm tin của mình  - Mộc mạc nhưng giàu chí khí niềm tin. Họ có thể thô sơ da thịt nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn và ý chí mong ước xây dựng quê hương    -> Muốn con biết tự hào về truyền thống quê hương, dặn con cần tự tin mà vững bước đi trên đường đời.    **III- Tổng kết**      1. Nghệ thuật    2. Nội dung  \* Ghi nhớ/ Sgk |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học thuộc văn bản.

- Nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản.

- Chuẩn bị bài sau: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi trong sgk.

**Ngày tháng năm 2022**

**Xác nhận của tổ nhóm chuyên môn Xác nhận của BGH**

**Nguyễn Thị Thùy Cao Thị Hằng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  22/12/2021 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 104,105,106,107**

**Bài 23   Tiết : MÙA XUÂN NHO NHỎ- *Thanh Hải***

**Tự đọc: Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước.

- Lẽ sống cao đẹp của một con người chân chính.

**2. Phẩm chất**

-Yêu thiên nhiên, đất nước, tự ý thức góp một phần công sức nhỏ bé của bản thân bằng những việc làm thiết thực để cống hiến cho quê hương, đất nước.

**3. Năng lực**

- Năng lực chung: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân

- Năng lực chuyên biệt:

+Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại: thể loại, hình ảnh thơ đặc sắc, giá trị nội dung và nghệ thuật

+Đọc mở rộng văn bản trữ tình hiện đại

+ Viết: Trình bày những suy nghĩ cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Chuẩn bị của giáo viên

          -    Kế hoạch bài học

* Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước (nếu có)…

1. Chuẩn bị của học sinh

           -    Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt  động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung (ghi bảng)** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a**.  Mục tiêu:  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  *- Kích thích HS tìm hiểu về mùa xuân, cảm xúc của người nghệ sĩ về mùa xuân.*  HĐ cá nhân, HĐ cả lớp.  b) Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV  c) Sản phẩm  *- HS trả lời miệng*  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  *- Em hãy kể tên những tác phẩm văn học viết về đề tài mùa xuân? Em thích nhất bài thơ nào? Vì sao em thích?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh tìm hiểu, trả lời:*  *- Giáo viên: Quan sát hướng dẫn…*  *- Dự kiến sản phẩm:*  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Mùa xuân chín- Hàn Mặc Tử, Mùa xuân xanh - Nguyễn Bính… Mùa xuân nho nhỏ.  Em thích nhất là bài Mùa xuân nho nhỏ vì bài thơ có âm điệu trong sáng, ngọt ngào, có nhiều h?nh ảnh thơ đẹp....  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá:  *Mùa xuân luôn là nguồn cảm hứng, đề tài bất tận của thi ca. Dưới con mắt của các thi sĩ, mùa xuân hiện lên với những màu sắc, dáng vẻ khác nhau. Bức tranh mùa xuân trong bài thơ*Mùa xuân nho nhỏ*của Thanh Hải được hiện lên như thế nào, cảm xúc của thi sĩ ra sao bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời được câu hỏi ấy ...*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC  MỚI**  Hoạt động 1: **Giới thiệu chung**  a.  Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản.  ….  b. Nội dung: HS đọcSGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm: *Phiếu học tập của cá nhân*  4. Phương án kiểm tra, đánh giá  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  *- Giáo viên đánh giá.*  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Giới thiệu vài nét về nhà thơ Thanh Hải và bài thơ Mùa xuân nho nhỏ mà các em đã chuẩn bị?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh lên trình bày…*  *- Giáo viên quan sát, lắng nghe…*  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: *HS lên trình bày*  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  - GV hướng dẫn đọc: *Thể thơ 5 chữ, không ngắt nhịp trong câu, giọng vui tươi, trìu mến; đoạn giữa nhanh; đoạn cuối suy tư, trầm lắng.*  - GV đọc mẫu đoạn 1, gọi HS đọc tiếp các phần còn lại.  *? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ? Từ đó chia bố cục của bài ?*  \***GV gợi ý thêm:***Từ cảm xúc về mùa xuân thiên nhiên, đất trời 🡪 cảm xúc về mùa xuân đất nước🡪 Ước nguyện trước mùa xuân.*  **HĐ 2. Hướng dẫn HS phân tích văn bản.**  **ND 1:**  a.  Mục tiêu: Học sinh cảm nhận được bức tranh mùa xuân có màu sắc, đường nét…và tâm trạng của tác giả.  b. Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm:  Phiếu hoạt động của nhóm  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (HĐ nhóm)  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *a. Hình ảnh mùa xuân thiên nhiên được gợi tả qua hình ảnh nghệ thuật  nào? Em cảm nhận được gì về bức tranh mùa xuân?*  *b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong hai câu thơ cuối đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân,  nhóm theo bàn -> thảo luận…*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ)  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  *Gv bình: Chỉ với 6 câu thơ, với vài nét phác vẽ đơn sơ mà đặc sắc, bằng những hình ảnh nho nhỏ, thân quen, bình dị, nhà thơ đã gợi lên một lên một bức tranh xuân tươi tắn, thơ mộng, mang đậm phong vị xứ Huế - quê hương của tác giả. Đặc biệt là âm thanh của tiếng chim chiền chiện – sứ giả của mùa xuân vang ngân lên từng tiếng một, thật trong, thật tr?n làm xao xuyến hồn thi nhân để rồi nhà thơ đón nhận với tất cả sự đắm say, trân trọngbằng cả tâm hồn qua hành động “hứng”...*  **ND2:**  *a.  Mục tiêu:*Cảm nhận được cảm xúc trước mùa xuân đất nước, mùa xuân cách mạng.  b. Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm: Phiếu hoạt động của cặp đôi  d. Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cặp đôi*  *a. Hình ảnh mùa xuân đất nước được gợi lên qua hình ảnh thơ nào? Em có nhận xét gì về hình ảnh ấy?*  *b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?*  *c. Qua những hình ảnh, nghệ thuật đó em cảm cảm nhận được gì về tâm trạng cảm xúc của nhà thơ?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân,  hoạt động cặp đôi*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ)  - Bước 4: Kết luận, nhận định:HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **ND3:**  a.  Mục tiêu: Cảm nhân được khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ muốn dâng hiến cho cuộc đời.  b. Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm : Phiếu hoạt động của nhóm theo tổ  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *a. Trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước mùa xuân cách mạng nhà thơ đã bộc lộ nguyện ước gì?*  *b. Chỉ ra nghệ thuật độc đáo mà nhà thơ sử dụng trong đoạn thơ? Nêu tác dụng?*  *? Nêu nhận xét của em về điều tâm niệm của nhà thơ?*  GV phát phiếu HT cho HS  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, nhóm theo tổ -> thảo luận…*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  (Trình trên bảng phụ)  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  *GV bình*  ND4  a. Mục tiêu*:*Cảm nhân được khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ muốn cất cao tiếng hát ngơi ca quê hương.  b. Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm:  HS trình bày miệng  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Nhận xét về âm hưởng của đoạn thơ?  Tình cảm mà tác giả gửi gắm ở đây là gì?*  *? Đặt bài thơ trong hoàn cảnh ra đời, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của tác giả?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh: nghe, hoạt động cá nhân suy nghĩ  để trả lời-*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  HS lên trình bày suy nghĩ của m?nh.  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  HS khác nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **NV5:**  a.  Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  b.Nội dung: HS thực hiện yêu cầu của GV  c. Sản phẩm: câu trả lời của HS  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Nêu nội dung và  nghệ thuật của bài thơ?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:     + Đọc yêu cầu.     + HS làm việc cá nhân.  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GVchốt trên bảng phụ bằng bản đồ tư duy  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 PHÚT)**  a.  Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài  b. Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập bài tập và trả lời câu hỏi GV  c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS  d) Tổ chức thực hiện:  - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  *?  Giải thích nhan đề Mùa xuân nho nhỏ*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh: thực hiện cá nhân*  *- Giáo viên: theo dõi, hướng dẫn*  *- Dự kiến sản phẩm…*    - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: *HS trình bày*  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  1. Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  b) Nội dung :HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm : Câu trả lời của HS  d) Tổ chức thực hiện:  - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:? *Sau khi học xong văn bản này em có suy nghĩ gì về lẽ sống của tuổi trẻ hiện nay?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ      + Đọc yêu cầu.  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:      + Suy nghĩ trả lời.      + 2 HS trả  lời.  - Bước 4: Kết luận, nhận định:  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV khái quát ( có thể chiếu clip, tranh ảnh thể hiện lẽ sống của con người VN, của tuổi trẻ VN hiện nay) -> nhắc nhở HS lí tưởng sống của bản thân | Mùa xuân chín - Hàn Mặc Tử, Mùa xuân xanh- Nguyễn Bính…*Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải...*  *Mùa xuân luôn là đề tài bất tận của thi ca. Dưới con mắt của các thi sĩ, mùa xuân hiện lên có màu sắc có âm thanh sống động. Em thích nhất bài thơ MXNN bởi nó cho thấy vẻ đẹp mùa xuân cùng cảm xúc cuả con người  …*  **I. Tìm hiểu chung**  1. Tác giả:  - Tên thật: Phạm  Bá Ngoãn (1930- 1980).   - Quê: Thừa Thiên- Huế.  - Tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ  - Tác phẩm chính: *Những đồng chí trung kiên*  2. Văn bản  a. Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ:  - Viết tháng 11/1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, không lâu sau nhà thơ qua đời  b. Đọc – chú thích – Bố cục  \* Đọc   \*Chú thích  **II. Phân tích**  1. Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời  -  Hình ảnh:  + ***Mọc*** giữa dòng sông xanh  + Một bông hoa tím biếc    + Con chim chiền chiện…  => Bức tranh xuân tươi đẹp có sự hài hòa về mầu sắc, rộn rã âm thanh, -khỏe khoắn căng tràn sức sống  - NT: Ẩn dụ: Giọt long lanh-> âm thanh tiếng chim chiền chiện ngưng đọng lại long lanh trong ánh sáng mùa xuân  + Kế hợp với 2 động từ đưa, hứng  -> Tâm trạng say sưa ngây ngất, nâng niu trân trọng vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế.  2. Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước, Cách mạng  -  Hình ảnh:  + Người cầm súng   +Người ra đồng    + Lộc  -> Hình ảnh đa nghĩa *(vừa thực lại vừa có ý nghĩa tượng trưng cho hai nhiệm vụ quan trọng của đất nước: chiến đấu bảo vệ và lao động xây dựng đất nước).*…  - Điệp ngữ: *Tất cả như*  -Từ láy *hối hả, xôn xao*; nhịp thơ rộn rã-> Khí thể tưng bừng, nhộn nhịp của đất nước vào xuân.  - Nhân hóa: *Đất nước ...vất vả, gian lao*   - So sánh: *Đất nước như vì sao*  => Hình ảnh đất nước hiện lên thật gần gũi, bình dị, trường tồn... đồng thời thể hiện niềm tự hào về đất nước, niềm tin vào tương lai của đất nước.  🡪 Tình cảm tự hào, mến yêu cuộc sống.  3. Tâm niệm của nhà thơ  -  Ước: ***Ta làm*** *con chim* hót  ***Ta làm*** một *cành hoa*  ***Ta nhập*** vào hòa ca/ Một *nốt trầm xao xuyến*  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  - NT:  Điệp ngữ  *Ta làm,* *Dù là*  Ẩn dụ: *mùa xuân nho nhỏ*  *Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*   * *=> Ước nguyên cống hiến, hòa nhập của nhà thơ: Muốn được cống hiến phần nhỏ bé, tốt đẹp, hữu ích cho cuộc đời cho đất nước. Nguyện ước của nhà thơ thật đáng trân trọng bởi diễn ra bền bỉ, cống hiến trọn đời*   -> Điều tâm niệm thật chân thành, tha thiết, bình dị rất đáng trân trọng, ngợi ca.  4. Lời ngợi ca quê hương, đất nước  \* Âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế: Làn điệu Nam ai, Nam bình ngọt ngào sâu lắng  Điệp khúc như lời hát.  => Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.  \* Đặt trong hoàn cảnh ra đời khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau thì qua đời -> Lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ của một con người trọn đời đi theo cách mạng trọn đời cống hiến...  **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật :  - Thể thơ năm chữ, làn điệu dân ca miền Trung, âm hưởng nhẹ nhàng tha thiết.  - Hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.  - Cấu tứ bài thơ chặt chẽ.  - Giọng điệu bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả.  2. Nội dung  - Bài thơ thể hiện tâm niệm chân thành, tha thiết mà hết sức khiêm tốn của nhà thơ muốn cống hiến trọn đời cho đất nước.  - Bài thơ là lời kêu gọi, thúc giục mọi thế hệ hãy sống đẹp, có ích cho cuộc đời, cho đất nước.  *+Tên bài thơ là một sáng tạo độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ.*  *+ Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ là biếu tương cho những gì tinh túy nhất, đẹp đẽ nhất của sự sống và của cuộc đời mỗi con người.*  *+ Thể hiện nguyện ước của nhà thơ muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước của cuộc đời.*  *+ Thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng.* |

**\* Gv cho hs đọc văn bản: Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten**

**4. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới: *Liên kết câu và liên kết đoạn văn (luyện tập)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  2/1/2022 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 108.**

**LIÊN KẾT CÂU VÀ  LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**(Luyện tập)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức :**

- Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản. Một số lỗi liên kết có thể gặp trong văn bản.

**2. Phẩm chất:**

-Chăm học, có ý thức trong việc sử dụng liên kết câu và liên kết đoạn trong văn nói và viết.

**3.Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng ;ực tự chủ và tự học

- Năng lực chuyên biệt:

+Đọc hiểu Ngữ liệu: Nhận biết một số phép liên kết thường dùng và các lỗi về liên kết trong việc tạo lập văn bản.Nhận ra và sửa được một số lỗi về liên kết.

+Viết: đoạn văn vận dụng các phép liên kết

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu:  tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Nghiên cứu bài học, chuẩn bị sản phẩm theo sự phân công…

**III- TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **ND(ghi bảng)** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a.**Mục tiêu: :  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS  b. Nội dung: HS lắng nghe câu hỏi và thực hiện yêu cầu của GV  c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *?GV đưa đoạn văn và yêu cầu HS xác định các phép liên kết trong đoạn văn?*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a.**Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại các phép liên kết câu, liên kết đoạn văn.  b. Nội dung: HS học bài ở nhà đọc và nghiên cứu SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  ? Thế nào là liên kết câu và liên kết đoạn văn?  ? Tại sao phải liên kết đoạn văn?  ? Chú ý vào cả hai ví dụ sau:   * *Mùa thu đã về. Nắng thu vàng óng trải dài trên những con đường làng. Gió thu nhè nhẹ thoang thoảng mùi hương cốm…* * *Các bạn học sinh đang đến trường.Cây đa cổ thụ đầu làng bốn mùa xanh tốt. Không hiểu sao cá chết trắng cả ao. Con cò bỗng ngẩng lên ngơ ngác.*   *? Trong 2 ví dụ trên nội dung nào được coi là đoạn văn, ví dụ nào không được coi là đoạn văn?*  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS  => GV chốt:  GV: Nếu tách riêng từng câu thì mỗi câu đều đúng ngữ pháp, có nghĩa. Nhưng đứng cạnh nhau thì chúng lại trở nên hỗn độn.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a**.  Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại các phép liên kết câu, liên kết đoạn văn.  b. Nội dung: HS học bài ở nhà.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d. Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Đọc và nêu yêu cầu bài tập?*  *? Muốn thực hiện được yêu cầu này ta phải làm gì?*  ? Căn cứ vào đó em hãy thực hiện yêu cầu bài tập?  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  ? Học sinh đọc  và nêu yêu cầu bài tập?  ? Cho học sinh thảo luận và thực hiện yêu cầu bài tập.  Bài tập 1 :  Bài tập 2 :  Gợi ý:   * Các cặp từ trái nghĩa:   Thời gian vật lí                   Thời gian tâm lí  Vô hình                                  hữu hình.  Giá lạnh                                 nóng bỏng  Thẳng tắp                               hình tròn  đều đặn                       lúc nhanh lúc chậm.  **Đọc bài tập 3:** ? Yêu cầu bài tập?   * *Chỉ ra lỗi về liên kết nội dung của đoạn văn?*   *- ? Cho biết nội dung thông báo của đoạn văn?*  *? Vậy muốn cho các câu tập trung làm rõ chủ đề ta phải làm bằng cách nào?*  *? Căn cứ vào đó em hãy thực hiện?*   1. Cắm đi một hình trong đêm. Trận địa pháo đại đội 2 của anh ở phía bãi bồi bên một dòng sông. Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc hai bố con anh cùng viết đơn xin ra mặt trận. Bây giờ, mùa thua hoạch lạc đã vào chặng cuối. 2. Thêm trạng ngữ chỉ thời gian vào đầu câu 2 để làm rõ mối quan hệ thời gian giữa các sự kiện.   **Bài tập 4: Gợi ý về nhà:**   1. Dùng từ không thống nhất: nó- chúng. 2. Dùng từ không cùng nghĩa như trên: văn phòng- hội trường.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  a.  Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  b. Nội dung: HS biết vận dụng kiến thức đã học về phép liên kết câu, liên kết đoạn văn để làm bài tập.  c. Sản phẩm:Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *?Viết một đoạn văn có sử dụng phép liên kết câu.*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ | **I- Lý thuyết**  **1. Liên kết nội dung**  -Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu văn trong một văn bản phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.  **2. Liên kết hình thức.**  -Các câu liên kết với nhau mới tạo ra một đoạn văn hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, nếu không cũng chỉ là một chuỗi câu hỗn hợp không thông báo được nội dung trọn vẹn.  - Các đoạn văn đó liên kết với nhau mới có một văn bản hoàn chỉnh, nếu không cũng chỉ là tập hợp các đoạn văn hỗn độn.   * Ví dụ 1: là đoạn văn hoàn chỉnh, vì:   + Chủ đề nói về mùa thu với những đặc điểm của nó.  + Hình thức: lặp từ thu trong câu 2, 3.   * Ví dụ 2: Không phải là đoạn văn mà là một chuỗi câu hỗn độn không thông báo vấn đề hoàn chỉnh, mỗi câu nói về một vấn đề không liên quan đến nhau. Về hình thức... * Chỉ ra phép liên kết câu và liên kết đoạn trong từng trường hợp .   - Về hình thức: Các câu, các đoạn liên kết với nhau nhờ từ ngữ nào qua phép liên kết nào?  Bài tập 1/49.  a) Liên kết câu: Câu 1, 2 ở đoạn 1 liên kết bằng phép lặp: “trường học”  - Đoạn 1 và 2 được liên kết bằng phép thế.  ***b) Liên kết câu: bằng phép lặp:"văn nghệ”. Liên kết đoạn bằng phép phép lặp: sự sống, văn nghệ.***   1. Liên kết phép lặp: Thời gian, con người. 2. Liên kết trái nghĩa: yếu đuối- mạnh mẽ, hiền lành- ác.  * Không nêu được vì mỗi câu nói đến một đối tượng khác nhau. * Thêm một số từ ngữ hoặc câu để thiết lập liên kết chủ đề giữa các câu.   .. suốt hai năm anh ốm nặng, chị làm quần quật... |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới: Chủ đề: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  10/1/2022 | Dạy | Ngày | / /2022 |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 109,110,111,112,113**

**CHỦ ĐỀ DẠY HỌC**

**SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

Nội dung kiến thức: Gồm 4 bài học trong SGK Ngữ văn 9, Tập MỘT

- Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

- Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

- Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

- Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

Thời gian thực hiện: **5** tiết (từ tiết 109 đến tiết 113)

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh làm cho văn bản thuyết minh sinh động , hấp dẫn.

- Biết cách sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và đưa các yếu tố miêu tả vào văn bản thuyết minh.

- Củng cố các kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý cho bài văn thuyết minh

- Sử dụng ngôn ngữ miêu tả phù hợp trong việc tạo lập văn bản thuyết minh

- Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn

**2. Phẩm chất**

- Siêng năng, tự tin.

- Có ý thức sáng tạo khi tạo lập văn bản nói chung và văn bản thuyết minh nói riêng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Sách giáo khoa, sách giáo viên

2. Giáo án, phiếu bài tập

3. Máy tính, máy chiếu

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

a) Mục tiêu: Giúp HS

*-* Liên hệ, kết nối những hiểu biết của bản thân với chủ đề của bài học*.*

- Tác dụng của việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

b) Nội dung hoạt động:

GV gợi ý cho HS chia sẻ về 2 nội dung sau:

- Em hãy nêu đối tượng của văn thuyết minh và các đặc điểm của văn thuyết minh?

- Người ta thường thuyết minh bằng những phương pháp napf nào?

c) Sản phẩm học tập:

Câu trả lời/chia sẻ của HS.

d) Tổ chức hoạt động:

GV phát vấn (sử dụng các câu hỏi đã nêu ở trên).

Sau khi HS chia sẻ quan điểm của cá nhân, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***2.1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh***

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hiểu việc sử dụng một số biẹn pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh làm cho văn bản thuyết minh sinh động , hấp dẫn.

- Biết cách sử dụng một số biện pháp nghệ thuật vào văn bản thuyết minh.

b) Nội dung hoạt động:

- Ôn tập về văn thuyết minh

- Tìm hiểu về việc sử dụng một số các biện pháp nghệ thuật trong một vb: Hạ Long – đá và nước

c) Sản phẩm học tập:

- Tính chất, mục đích của văn bản thuyết minh; các phương pháp thuyết minh

- Một số biện pháp nghệ thuật thường được trong văn bản thuyết minh

- Vai trò của một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Cách thức tổ chức** |
| **Tìm hiểu về một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh**  *Kết quả dự kiến*  1. Ôn tập văn bản TM  a. KN: Là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân…của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giải thích, giới thiệu…  b. Đặc điểm: Tri thức, khách quan, phổ thông  c. Phương pháp:  2. Viết văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật  a. Ví dụ: Văn bản Hạ Long - đá và nước  - Đối tượng: Vẻ đẹp hấp dẫn kì diệu của vịnh Hạ Long  - Đặc điểm: Sự kì lạ vô tận của Hạ Long là do đá và nước tạo nên  - Phương pháp: tưởng tượng, liên tưởng và các biện pháp nghệ thuật nhân hoá, ẩn dụ | *\* GV sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề; kĩ thuật cặp đôi**hướng dẫn HS tìm hiểu bài*  H. Văn bản thuyết minh là gì?  H. Đặc điểm chủ yếu của văn bản thuyết minh?  H. Phương pháp thuyết minh?  \* YC HS đọc ví dụ và trả lời các câu hỏi sau:  H. Tìm đối tượng thuyết minh?  H. Đặc điểm nào của đối tượng được thuyết minh trong văn bản?  H. Chỉ ra các phương pháp thuyết minh được sử dụng trong văn bản?  - Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? Tác dụng của việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật đó khi thuyết minh?  - Cảm nhận của em sau khi đọc xong văn bản?  H. Qua phân tích VD, em có thể rút ra KL gì để viết bài TM được sinh động, hấp dẫn?  ***Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.*** |
| **Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh**  Kết quả dự kiến  1. Ví dụ  Văn bản: Cây chuối trong đời sống Việt Nam  \* Những câu TM về đặc điểm của cây chuối:  + Đ1: Câu đầu tiên và hai câu cuối đoạn  + Đ2: Câu “…cây chuối là thức ăn thức dụng từ thân đến lá, từ gốc đến hoa quả”  + Đ3: - Chuối chín…  - Chuối xanh….  - Chuối để thờ cúng…  \* Những câu MT về cây chuối:  + Đ1: Câu 1  + Đ3: Câu 3, 6, 7, 9  \* Công dụng của:  + Thân chuối:  - Thân non: ăn sống, làm gỏi, …  - Thân già: làm thức ăn cho gia súc, ủ làm phân bón, trẻ con tập bơi  + Bắp chuối: làm nộm  + Lá chuối:  - Chất đốt  - Lợp nhà  - Gói bánh  2. Kết luận:  - Trong bài TM, cần TM đúng, đủ các đặc điểm tiêu biểu của đối tượng  - Làm cho bài văn sinh động, đối tượng TM được nổi bật, gây ấn tượng | **HD tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh**  *\*GV sử dụng PP vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề; kĩ thuật cặp đôi*  *hướng dẫn HS tìm hiểu bài theo yêu cầu sau:*  \* Đưa VD, yêu cầu HS đọc và trả lời các câu hỏi  H. Giải thích nhan đề văn bản?  -> Vị trí, vai trò của cây chuối trong đời sống của người dân VN  H. Tìm đọc:  + các câu thuyết minh về đặc điểm tiêu biểu của cây chuối?  + những câu văn có yếu tố miêu tả cây chuối?  H. Thử bỏ các yếu tố miêu tả trong các đoạn văn – Nhận xét?  - Tác dụng của yếu tố miêu tả trong bài, đoạn văn thuyết minh?  -> Sinh động, hấp dẫn -> Đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng  H. Em biết thêm gì về công dụng của thân chuối, lá chuối, nõn chuối?  H. Từ ví dụ trên, hãy cho biết khi thuyết minh về 1 đối tượng nào đó cần tuân thủ những yêu cầu gì?  - Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh?  \*GV chốt: Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh chủ yếu nhằm gợi nên hình ảnh cụ thể để thuyết minh về vấn đề tri thức, khách quan, khoa học. Miêu tả cần thiết song chỉ đóng vai trò phụ trợ, lạm dụng miêu tả sẽ làm lu mờ nội dung tri thức thuyết minh. |

**2.2. Hướng dẫn học sinh tập làm văn thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật**

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1/trang 13,14  a. Văn bản có tính chất TM  \* Tính chất TM thể hiện ở  + Giới thiệu loài ruồi rất có hệ thống  - Những tính chất chung về họ, giống, loài  - Những tính chất chung về các tập tính sinh sống, sinh đẻ, đặc điểm cơ thể  + Cung cấp các KT chung đáng tin cậy về loài ruồi  + Thức tỉnh ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh, ý thức diệt ruồi  \* Những phương pháp TM được sử dụng  - PP nêu ĐN: thuộc họ côn trùng hai cánh, mắt lưới  - PP phân loại: các loại ruồi  - PP nêu số liệu: số vi khuẩn, số lượng sinh sản của một cặp ruồi  - PP liệt kê: mắt lưới, chân tiết ra chất dính…  b. Bài TM có nét đặc biệt  - Có sử dụng các biện pháp NT  - yếu tố TM và yếu tố NT kết hợp rất chặt chẽ, gây hứng thú cho người đọc  \* Các biện pháp NT được sử dụng: nhân hoá, có tình tiết  c. Các biện pháp NT có tác dụng gây hứng thú cho bạn đọc nhỏ tuổi, vừa là truyện vui, vừa học thêm tri thức  Bài 2/trang 15: Đoạn văn nhằm nói về tập tính của chim cú dưới dạng một ngộ nhận (định kiến) thời thơ ấu, sau lớn lên đi học mới có dịp nhận thức lại sự nhầm lẫn cũ. Biện pháp NT ở đây chính là lấy ngộ nhận hồi nhỏ làm đầu mối câu chuyện | **II. HD luyện tập**  ***\*****GV sử dụng phương pháp vấn đáp, giải quyết vấn đề; kĩ thuật thảo luận nhóm… hướng dẫn HS tìm hiểu bài theo yêu cầu sau:*  Bài 1  - Sử dụng kĩ thuật hoạt động nhóm, HD HS làm bài tập  - GV theo dõi, chữa bài tập  Bài 2  - GV theo dõi, chữa bài tập |
| **2.2. Hướng dẫn học sinh tập làm văn thuyết minh có các yếu tố miêu tả** | | |
| Bài 1: Bổ sung các yếu tố miêu tả:  - Những tàu lá chuối xanh mướt, rộng khổ, lành lặn được cắt cẩn thận để khỏi bị rách rồi khéo léo rọc theo sống lá…  Bài 2: Chỉ ra các yếu tố miêu tả:  - Chén của ta không có tai. …nâng hai tay xoa xoa, xếp chồng rất gọn…  Bài 3: Chỉ ra các câu văn miêu tả:  - Lân được trang trí công phu, râu ngũ sắc, lông mày bạc, mắt lộ to, thân mình có các hoạ tiết đẹp... | H. Đọc và nêu yêu cầu của bài tập 1?  - Yêu cầu làm bài tập 1  - Nhận xét  \*GV nhận xét  Bài 2. Hướng dẫnHS: Chỉ ra các yếu tố miêu tả  Bài 3. Hướng dẫnHS: Chỉ ra các câu văn miêu tả |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu:

- Cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng (cái quạt, cái bút, cái kéo...)

**-** Tác dụng của một biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

- Biết vận dụng một số biện pháp nghệ thuật và đưa các yếu tố miêu tả vào văn bản TM.

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện tập các bước viết bài văn thuyết minh.

- HS tập sử dụng các biện pháp nghệ thuật và đưa các yếu tố miêu tả vào một bài văn thuyết minh cụ thể

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

- Các bài làm văn.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Cách thức tổ chức** |
| **Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong vb thuyết minh**  **Đề bài:** Thuyết minh cái quạt điện  1. Tìm hiểu đề  - Đối tượng TM: cái quạt điện  - Yếu tố NT: nhân hóa, so sánh...  2. Lập dàn bài  MB: Giới thiệu (vai trò) chiếc quạt trong đời sống con người  TB: Lần lượt thuyết minh về:  + Nguồn gốc  + Chủng loại  + Cấu tạo  + Quy trình hoạt động  + Công dụng  + Bảo quản  KB: Khẳng định vai trò của chiếc quạt trong đời sống con người  2. Viết đoạn văn  a. Viết đoạn MB, TB, KB  b. Viết các đoạn TB  c. Viết đoạn KB  3. Trình bày đoạn văn | ***\**** *GV sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề; kĩ thuật mảnh ghép*  *hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau*  \*HD HS tìm hiểu đề  + Xác định kiểu bài?  + Đối tượng thuyết minh?  - GV chốt  \*HDHS lập dàn bài  - GV sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép  - Vòng 1. GV chia nhóm (theo dãy bàn hàng dọc); yêu cầu mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ  - Thời gian: 5 – 7’  + Nhóm 1. Lập dàn ý phần MB – viết  + Nhóm 2. Lập dàn ý phần TB  + Nhóm 3. Lập dàn ý phần KB – viết  - Vòng 2. GV sát nhập nhóm (theo dãy bàn hàng ngang, 2 dãy bàn là một nhóm, có đủ dàn ý 3 phần); yêu cầu các nhóm trình bày dàn ý đã làm  - Thời gian: 7 – 10’  \*GV theo dõi, chữa, chốt/chọn dàn bài chuẩn  \*GV giao việc cho các nhóm:  - Nhóm 1. Viết đoạn mở bài  - Nhóm 2. Viết một đoạn thân bài  - Nhóm 3. Viết đoạn kết bài  \*Yêu cầu HS trình bày đoạn văn  \*GV:  - theo dõi, chữa  - đưa đoạn văn mẫu |

|  |  |
| --- | --- |
| **HS luyện tập sử dụng các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh**  Đề bài:Con trâu ở làng quê Việt Nam  **I. Tìm hiểu đề**  - Kiểu bài: Thuyết minh về loài vật - Đối tượng: Vị trí, vai trò của con trâu trong đời sống của người nông dân, trong nghề nông của người Việt Nam  **II. Tìm ý, lập dàn bài**  1. Tìm ý  - Con trâu trên đồng ruộng VN  - Con trâu trong nghề nông  - Con trâu trong lễ hội, đình chùa  - Con trâu là tài sản lớn  - Con trâu và trẻ chăn trâu  - Việc chăn nuôi trâu  - Con trâu trong TC của người nông dân VN  2. Lập dàn bài  MB: - Giới thiệu chung về con trâu  TB:  + Con trâu trong nghề làm ruộng: Là sức kéo dể kéo cày, bừa, xe...  + Con trâu trong lễ hội, đình đám  + Con trâu – nguồn cung cấp thịt, da, sừng (làm đồ mĩ nghệ)  + Con trâu là tài sản lớn của người nông dân VN  + Con trâu và trẻ chăn trâu, việc chăn nuôi trâu -> hình ảnh nên thơ của làng quê VN  KB: Con trâu trong TC của người nông dân  3. Xây dựng các đoạn văn  a. Viết đoạn MB:  - C1: MB bằng cách giới thiệu  Ở VNđến bất kì nơi nào đều thấy hình bóng con trâu trên đồng ruộng....  - C2: Mb bằng cách dẫn ca dao. tục ngữ  - C3: MB bằng tả cảnh:  + Trẻ em chăn trâu  + Cho trâu tắm  + Trâu ăn cỏ  ->Vị trí của con trâu trong đời sống nông thôn VN  b. Viết đoạn TB:  \*Con trâu trong việc làm ruộng:  - Trâu cày, bừa  - Trâu kéo xe  - Trâu chở lúa, trục lúa  \*Con trâu trong lễ hội:  \*Con trâu với tuổi thơ ở nông thôn:  - MT: + Cảnh trẻ em chăn trâu  + Cảnh trâu cần cù, miệt mài gặm cỏ  c. Viết đoạn KB | **I. HD tìm hiểu đề**  \**GV sử dụng PP vấn đáp; kĩ thuật động não yêu cầu HS xác định:*  + Kiểu bài?  + Đối tượng thuyết minh?  - GV chốt  **II. HD tìm ý, lập dàn bài**  *\*GV sử dụng phương pháp vấn đáp; kĩ thuật thảo luận nhóm hướng dẫn HS tìm hiểu bài theo yêu cầu sau:*  \*Yêu cầu cá nhân tìm ý  \* GV sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép, yêu cầu HS lập dàn bài  - Vòng 1. GV chia nhóm (theo dãy bàn hàng dọc); yêu cầu mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ  - Thời gian: 5 – 7’  + Nhóm 1. Lập dàn ý phần MB – viết  + Nhóm 2. Lập dàn ý phần TB  + Nhóm 3. Lập dàn ý phần KB – viết  - Vòng 2. GV sát nhập nhóm (theo dãy bàn hàng ngang, 2 dãy bàn là một nhóm, có đủ dàn ý 3 phần); yêu cầu các nhóm trình bày dàn ý đã làm  - Thời gian: 7 – 10’  \*GV theo dõi, chữa, chốt/chọn dàn bài chuẩn  \*GV giao việc cho các nhóm:  - Nhóm 1. Viết đoạn mở bài  - Nhóm 2. Viết một đoạn thân bài (sử dụng và chỉ ra yếu tố miêu tả)  - Nhóm 3. Viết đoạn kết bài  \*Yêu cầu HS trình bày đoạn văn  \*GV:  - theo dõi, chữa  - đưa đoạn văn mẫu |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS

- - Phát triển năng lực viết văn thuyết minh.

b) Nội dung:

- HS vận dụng sự hiểu biết về vai trò của một số biện pháp nghệ thuật các các yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh để hiểu rõ hơn về các vưan bản thuyết minh có sử dụng các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả.

- HS vận dụng kĩ năng làm văn thuyết mình có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời cho các câu hỏi đọc hiểu văn bản.

- Bài làm văn thuyết minh

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Cách thức tổ chức** |
| **Hướng dẫn hs lập dàn ý cho mỗi đề**  \*Đề 1  MB: Giới thiệu về một con cật nuôi trong gia đình  TB: Lần lượt thuyết minh về:  1. Nguồn gốc, giống loài  2. Đặc điểm cấu tạo  3. Chăm sóc, nuôi dưỡng  4. Vai trò/giá trị  KB: Khẳng định mối quan hệ giữa con người với một con cật nuôi đó.  \*Đề 2  MB: Giới thiệu một loài cây.  TB: (Lần lượt thuyết minh về:  1. Nguồn gốc, giống loài  2. Đặc điểm  3. Quá trình sinh trưởng, chăm bón  4. Vai trò/giá trị  KB: Khẳng định vị trí của cây đó. | **GV yêu cầu HS thực hiện 2 đề**  Đề 1. Thuyết minh về một con vật nuôi trong gia đình.  Đề 2. Thuyết minh về một loài cây.  ***Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.*** |
| Hs chon 1 trong 2 đề viết bài văn thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả | ***HS làm bài trong thời gian 45 phút, GV thu và chấm bài, trả bài và nhận xét, rút kinh nghiệm về kĩ năng làm văn thuyết minh cho HS.*** |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài hoàn thành đề văn còn lại

 - Chuẩn bị bài mới: soạn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng

**Ngày 15 tháng 1 năm 2022**

**Xác nhận của nhóm chuyên môn Xác nhận của BGH**

**Nguyễn Thị Thùy Cao Thị Hằng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: 22/11/2020 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**TiÕt: 114,115,116**

**V¨n b¶n**

**ChiÕc l­îc ngµ**

**(***NguyÔn Quang S¸ng)*

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức, kĩ năng

a. Kiến thức

- Nh©n vËt sù viÖc, cèt truyÖn trong mét ®o¹n truyÖn ChiÕc l­îc ngµ.

- C¶m nhËn ®­îc gi¸ trÞ néi dung vµ nghÖ thuËt cu¶ truyÖn ChiÕc l­îc ngµ

- N¾m ®­îc nghÖ thuËt miªu t¶ t©m lÝ nh©n vËt, ®Æc biÖt lµ nh©n vËt bÐ Thu, nghÖ thuËt x©y dùng t×nh huèng truyÖn bÊt ngê mµ tù nhiªn cña t¸c gi¶.

b. KÜ n¨ng

- RÌn kÜ n¨ng ®äc diÔn c¶m, biÕt ph¸t hiÖn nh÷ng chi tiÕt nghÖ thuËt ®¸ng chó ý trong mét truyÖn ng¾n.

- §äc hiÓu v¨n b¶n truyÖn hiÖn ®¹i s¸ng t¸c trong thêi k× kh¸ng chiÕn chèng MÜ cøu n­íc

- VËn dông kiÕn thøc vÒ thÓ lo¹i vµ sù kÕt hîp c¸c ph­¬ng thøc biÓu ®¹t trong t¸c phÈm tù sù ®Ó c¶m nhËn mét v¨n b¶n truyªn hiÖn ®¹i.

2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

a. Các phẩm chất: tình yêu thương, thật thà. tình yêu đất nước.

b. Các năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực tư duy,

c. Các năng lực chuyên biệt: năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực cảm thụ.

**ii. ChuÈn bÞ**

- ThÇy: B¶ng phô, gi¸o ¸n, tranh minh ho¹

- Trß: ChuÈn bÞ s¸ch vë vµ so¹n bµi míi tr­íc khi ®Õn líp

**III. Tæ chøc d¹y vµ häc**

B­íc 1: æn ®Þnh tæ chøc

- KiÓm tra sÜ sè vµ nÒn nÕp cña häc sinh

B­íc 2: KiÓm tra bµi cò 5’

H: Ph©n tÝch nh©n vËt anh thanh niªn trong truyÖn ng¾n *''LÆng lÏ Sa Pa''* cña NguyÔn Thµnh Long.

B­íc 3. Tæ chøc d¹y häc bµi míi

**HOẠT ĐỘNG 1:*Khởi động***

- Thời gian dự kiến: 2’

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HĐ của Thầy | HĐ của Trò | Chuẩn kĩ năng cần đạt,  năng lực cần phát triển |
| GV dÉn: - NguyÔn Quang S¸ng lµ mét t¸c gi¶ rÊt thµnh c«ng khi ®i vµo khai th¸c ®Ò tµi ng­êi lÝnh vµ chiÕn tranh. T¸c phÈm **ChiÕc l­îc ngµ** lµ mét t¸c phÈm thµnh c«ng nhÊt cña «ng. | - HS nghe  - Ghi tên bài | - Kĩ năng chú ý, phát hiện và giải quyết vấn đề  **\*Năng lực cần đạt**  - Năng lực tư duy |

**HOẠT ĐỘNG 2: *Hình thành kiến thức***

***-*** Thời gian dự kiến: 85 – 90’

- Phương pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giảng bình, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: Động não, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| HĐ của Thầy | | HĐ của Trò | Chuẩn KT, kĩ năng cần đạt,  năng lực cần phát triển | | |
| **I. T×m hiÓu chung**  ***\*GV sử dụng phương pháp vấn đáp, đọc diễn cảm; kĩ thuật… hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:***  GV yªu cÇu HS ®äc thÇm b»ng m¾t phÇn chó thÝch sao trong SGK  H: Giíi thiÖu nh÷ng ®iÒu cÇn ghi nhí nhÊt vÒ nhµ v¨n NguyÔn Quang S¸ng?  GV bæ sung: ¤ng kh«ng chØ thµnh c«ng trong thÓ lo¹i truyÖn ng¾n mµ cßn lµ nhµ ®¹o diÔn ®iÖn ¶nh kh¸ xuÊt s¾c.  H: Em hiÓu g× vÒ truyÖn ng¾n *ChiÕc l­îc ngµ* ?  GV cho HS gi¶i thÝch mét sè tõ khã  H: NhËn xÐt c¸ch ®äc v¨n b¶n?  GV ®äc mÉu mét ®o¹n sau ®ã yªu cÇu 2 ®Õn 3 HS ®äc tiÕp søc  H: NhËn xÐt c¸ch ®äc cña b¹n?  H: T×m sù viÖc  H: Em h·y tãm t¾t mét c¸ch ng¾n gän v¨n b¶n theo c¸c sù viÖc chÝnh?  H: H·y kÓ tªn c¸c nh©n vËt trong truyÖn, theo em nh©n vËt nµo lµ nh©n vËt chÝnh? V× sao?  - §inh h­íng: V× c©u chuyÖn vÒ t×nh cha con xoay quanh hai nh©n vËt nµy tõ ®Çu ®Õn cuèi truyÖn).  H: TruyÖn ®­îc kÓ theo ng«i thø mÊy? Theo lêi cña ai?  H: V¨n b¶n ®­îc tr×nh bµy theo ph­¬ng thøc biÓu ®¹t nµo? Theo em ph­¬ng thøc nµo lµ ph­¬ng thøc chÝnh?  H: ë v¨n b¶n nµy, c©u chuyÖn vÒ t×nh cha con ®­îc kÓ theo tr×nh tù thêi gian nµo? Mçi nh©n vËt chÝnh ®­îc miªu t¶ trong kho¶ng thêi gian nµo?  - Nh©n vËt «ng S¸u ®­îc kÓ trong c¶ hai thêi gan ®Çu vµ kho¶ng thêi gian thø 3: Nh÷ng ngµy «ng S¸u ë chiÕn khu vµ tr­íc lóc hi sinh. | | **I. T×m hiÓu chung**  - HS ®äc thÇm  - HS dùa vµo chó thÝch sao ®Ó tr¶ lêi  - HS nªu  - HS gi¶i thÝch  - HS nªu c¸ch ®äc  - HS ®äc v¨n b¶n  - T×m sù viÖc  - HS tãm t¾t    -KÓ tªn nh©n vËt  (Nh©n vËt chÝnh: ¤ng S¸u vµ bÐ Thu.  -Tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi ®éc lËp  (Nh©n vËt bÐ Thu ®­îc miªu t¶ trong hai kho¶ng thêi gian ®Çu:  + Nh÷ng ngµy «ng S¸u vÒ th¨m nhµ.  + Ngµy «ng S¸u ra ®i.) | **I. T×m hiÓu chung**  1. Chó thÝch  a. T¸c gi¶  - Tõ n¨m 1954, «ng b¾t ®Çu viÕt v¨n  - ¤ng thµnh c«ng trong thÓ lo¹i truyÖn ng¾n, nhµ ®¹o diÔn ®iÖn ¶nh kh¸ xuÊt s¾c  b. T¸c phÈm: viÕt n¨m 1966  c. Tõ khã  2. §äc  3. PTB§: Tù sù kÕt hîp víi miªu t¶, lËp luËn  **\* Phát triển năng lực**  - Năng lực tư duy  - Năng lực hợp tác  - Năng lực giao tiếp  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ | | |
| II. T×m hiÓu chi tiÕt  ***\*GV sử dụng phương pháp vấn đáp, đọc diễn cảm, giải quyết vấn đề, giảng bình; kĩ thuật thảo luận nhóm, cặp đôi… hướng dẫn HS HS phân tích văn bản:***  Gv yªu cÇu HS chó ý vµo ®o¹n truyÖn kÓ vÒ nh©n vËt bÐ Thu trong nh÷ng ngµy «ng S¸u vÒ th¨m nhµ.  H. T×m chi tiÕt miªu t¶ t©m tr¹ng cña bÐ Thu khi anh S¸u vÒ th¨m nhµ?  H. BÐ Thu ®· cã nh÷ng ph¶n øng nµo khi nghe «ng S¸u gäi m×nh lµ con vµ x­ng ba?  H: BÐ Thu ®· *trßn m¾t nh×n,* ®ã lµ mét ®«i m¾t nh×n nh­ thÕ nµo?  H: BÐ Thu ®· *vôt ch¹y vµ kªu thÐt lªn: ''M¸! M¸!''.*§ã lµ nh÷ng cö chØ nh­ thÕ nµo?  H: Nh÷ng cö chØ vµ tiÕng kªu Êy biÓu lé c¶m xóc g× cña bÐ Thu trong lóc nµy?  H: Ph¶n øng cña bÐ Thu khi ph¶i mêi «ng S¸u vµo ¨n c¬m cã g× ®Æc biÖt?  - Nãi trèng kh«ng víi «ng S¸u:  - *V« ¨n c¬m!*  *- C¬m chÝn råi!*  H: B×nh th­êng ®ã lµ c¸ch nãi ®­îc dïng trong quan hÖ nµo?  H: B»ng c¸ch nãi Êy, bÐ Thu muèn tá th¸i ®é nh­ thÕ nµo ®èi víi mäi ng­êi?  H: Trong b÷a c¬m, bÐ Thu ®· cã ph¶n øng g×?  H: Ph¶n øng Êy cho thÊy th¸i ®é cña bÐ Thu ®èi víi «ng S¸u nh­ thÕ nµo?  H: Ph¶n øng cù tuyÖt cña bÐ Thu cã ph¶i lµ dÊu hiÖu cña ®øa trÎ h­ kh«ng?V× sao?  - Kh«ng. V× bÐ Thu kh«ng thÓ chÊp nhËn mét ng­êi kh¸c víi cha m×nh trong tÊm ¶nh. Nã ch­a hiÓu nguyªn do cña vÕt sÑo d÷ d¾n trªn mÆt «ng S¸u...  H: NÕu ë trong hoµn c¶nh ®ã, em sÏ xö sù nh­ thÕ nµo?  **GV cho HS kh¸i qu¸t l¹i néi dung cña tiÕt 1 chuyÓn sang tiÕt 2**  GV yªu cÇu HS theo dâi ®o¹n truyÖn kÓ vÒ nh©n vËt bÐ Thu trong ngµy «ng S¸u ra ®i.  H: VÎ mÆt cña bÐ Thu ®­îc miªu t¶ nh­ thÕ nµo?  H: VÎ mÆt Êy biÓu lé mét néi t©m nh­ thÕ nµo?  H: BÐ Thu ®· ph¶n øng nh­ thÕ nµo khi nghe tiÕng «ng S¸u:'' *Th«i! Ba ®i nghe con!''?*  *- Nã h«n ba nã cïng kh¾p. Nã h¬n tãc, h«n cæ, h«n vai vµ h«n c¶ vÕt thÑo dµi bªn m¸ cña ba nã n÷a.*  *- Con bÐ l¹i «m chÇm lÊy ba nã mét lÇn n÷a vµ mÕu m¸o: ''Ba vÒ! Ba mua cho con mét c©y l­îc nghe ba!''.*  H: LÇn nµy bÐ Thu còng kªu thÐt lªn, nh­ng kh«ng ph¶i gäi m¸ mµ gäi ba. Em c¶m nhËn nh­ thÕ nµo vÒ tiÕng kªu nµy?  H: Em nghÜ g× vÒ lêi b×nh luËn sau ®©y cña ng­êi kÓ chuyÖn: ''*TiÕng kªu cña nã nh­ xÐ, xÐ sù im lÆng vµ xÐ c¶ ruét gan mäi ng­êi... §ã lµ tiÕng ba mµ nã cè ®Ò nÐn trong bao nhiªu n¨m nay, tiÕng ''Ba'' nh­ vì tung ra tõ ®¸y lßng nã''.*  H: Nh÷ng cö chØ: *Nhanh nh­ mét con sãc, nã ch¹y thãt lªn vµ «m lÊy cæ ba nã; nã h«n ba nã cïng kh¾p; nã h«n tãc, h«n cæ, h«n vai vµ h«n c¶ vÕt thÑo dµi bªn m¸ cña ba nã* ®É diÔn t¶ lßng yªu quý ba nh­ thÕ nµo cña bÐ Thu?  H: C¶m nhËn cña em vÒ lêi nãi cña bÐ Thu:  - *Kh«ng cho ba ®i n÷a, ba ë nhµ víi con.*  *- Ba vÒ! Ba mua cho con mét c©y l­îc nghe ba!*  H: NhËn xÐt vÒ nghÖ thuËt kh¾c ho¹ nh©n vËt bÐ Thu trong hai ®o¹n truyÖn nµy?  H: Tõ ®ã mét em bÐ víi tÝnh c¸ch nh­ thÕ nµo ®· hiÖn lªn trong c¶m nhËn cña em?  H: BÐ Thu ®· kh«ng nhËn ba v× vÕt thÑo trªn mÆt «ng S¸u, nh­ng còng tõ vÕt theo Êy, Thu ®· nhËn ra ng­êi cha yªu quý cña m×nh Theo em cã thÓ hiÓu nh­ thÕ ®­îc kh«ng? V× sao?  *GV: Nh©n vËt «ng S¸u xuÊt hiÖn tõ ®Çu v¨n b¶n víi tiÕng gäi con ®Õn cuèi v¨n b¶n khi hÊp hèi, «ng göi l¹i ®ång ®éi cho con chiÕc l­îc ngµ. Theo dâi ®o¹n truyÖn kÓ vÒ nh÷ng ngµy vÒ th¨m nhµ cña «ng S¸u vµ cho biÕt.*  H: V× sao ng­êi th©n mµ «ng S¸u khao kh¸t ®­îc gÆp nhÊt chÝnh lµ ®øa con?  H: TiÕng gäi: ''*Thu, con''* cïng víi ®iÖu bé *võa b­íc võa khom ng­êi ®­a tay chê ®ãn con* cho thÊy t×nh c¶m cña «ng S¸u lóc nµy nh­ thÕ nµo?  H: H×nh ¶nh «ng S¸u khi bÞ con tõ chèi ®­îc miªu t¶ nh­ thÕ nµo?  H: Chi tiÕt *hai tay bu«ng xuèng nh­ bÞ g·y* ph¶n ¸nh mét néi t©m nh­ thÕ nµo?  H: ¤ng S¸u ®· cã nh÷ng biÓu hiÖn g× khi bÐ Thu ph¶n øng tr­íc vµ trong b÷a c¬m?  *-* Khi con hÊt miÕng trøng c¸ lµm c¬m v¨ng tung toÐ: *Anh vung tay ®¸nh vµo m«ng nã vµ hÐt lªn: '' Sao mµy cøng ®Çu qu¸ vËy, h¶?''.*  H: Cö chØ *nh×n con l¾c ®Çu c­êi* cña «ng S¸u nãi g× vÒ t×nh c¶m cña ng­êi cha?  H: Theo em v× sao «ng S¸u ®¸nh con:  - Do ng­êi cha nãng giËn kh«ng k×m chÕ ®­îc  - §Êy lµ c¸ch d¹y trÎ h­  - Do t×nh th­¬ng yªu cña ng­êi cha dµnh cho con trë nªn bÊt lùc  H: Tõ nh÷ng biÓu hiÖn ®ã nçi lßng nµo cña «ng S¸u ®­îc béc lé?  GV yªu cÇu HS chó ý vµo ®o¹n truyÖn kÓ vÒ ngµy «ng S¸u ra ®i.  H: Em nghÜ g× vÒ ®«i m¾t nh×n con cña ng­êi cha: *Nh×n víi ®«i m¾t tr×u mÕn lÉn buån rÇu.*  H: C¶m nhËn cña em vÒ n­íc m¾t cña ng­êi cha trong cö chØ:*Anh S¸u mét tay «m con, mét tay rót kh¨n lau n­íc m¾t, råi h«n lªn m¸i tãc con?*  H: ¸nh m¾t vµ n­íc m¾t Êy thuéc vÒ mét ng­êi cha nh­ thÕ nµo?  **\* Hết tiết 2 chuyển sang tiết 3**  **KTBC: Cảm nhận của em về nhân vật bé Thu?**  **GV khái quát lại nội dung tiết trước dẫn vào tiết tiếp theo.**  GV yªu cÇu HS theo dâi phÇn cuèi truyÖn.  H: ë chiÕn khu, lóc nhí con, «ng S¸u cø ©n hËn sao m×nh l¹i ®¸nh con. Nçi khæ t©m ®ã cø dµy vß anh. Em nghÜ g× vÒ ng­êi cha cña bÐ Thu qua chi tiÕt nµy?  H: ViÖc «ng s¸u tù mµi,c­a chiÕc r¨ng l­îc thËn träng, tØ mØ vµ cè c«ng nh­ ng­êi thî b¹c råi gß l­ng tÈn mÈn kh¾c tõng nÐt: ''*Yªu nhí tÆng Thu , con cña ba''* ®· nãi ®iÒu g× vÒ t×nh c¶m cña ng­êi cha?  H: ¤ng S¸u ®· t¹o cho con chiÕc l­îc tõ ngµ voi hay cßn tõ ®iÒu g× kh¸c?  H: H×nh ¶nh cuèi cïng cña «ng S¸u khi bÞ ®¹n tróng ngùc: *Anh ®­a tay vµo tói mãc c©y l­îc, ®­a cho t«i vµ nh×n t«i mét håi l©u*. Chi tiÕt Êy cã ý nghÜa g×?  H: Víi em ,hµnh ®éng naß cña «ng S¸u gîi c¶m ®éng nhÊt? V× sao?  H: Tõ tÊt c¶ nh÷ng biÓu hiÖn cña «ng S¸u, ta thÊy bÐ Thu ®· cã mét ng­êi cha nh­ thÕ nµo? | | II. T×m hiÓu chi tiÕt  - HS ®äc thÇm  - HS t×m  - HS tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi ®éc lËp  - HS ph¸t biÓu  - Quan hÖ ngang b»ng, suång s·  - HS tr¶ lêi  - T×m chi tiÕt  - HS tr¶ lêi  - HS tù béc lé  -Tr¶ lêi  - HS theo dâi  - HS t×m  - HS tr¶ lêi  - HS t×m  *- Nã bçng kªu thÐt lªn: ''Ba...a...a...Ba!''.*  *- Nh¸nh nh­ mét con sãc, nã ch¹y thãt lªn vµ dang hai tay «m chÆt lÊy cæ ba nã; nãi trong tiÕng khãc: ''Ba! Kh«ng cho ba ®i n÷a! Ba ë nhµ víi con!''.*  - HS tr¶ lêi  - Nãi ®óng t©m tr¹ng cña bÐ Thu.  - Cho thÊy sù am hiÓu v¸ ®ång c¶m s©u s¾c cña t¸c gi¶ ®èi víi nh©n vËt yªu quý cña m×nh.  - Hån nhiªn. nång th¾m.  - HS tr¶ lêi  - Miªu t¶ lêi nãi, d¸ng vÎ, cö chØ ®Ó béc lé néi t©m, kÕt hîp b×nh luËn vÒ nh©n vËt  - Hån nhiªn, ch©n thËt trong t×nh c¶m  - M·nh liÖt trong t×nh yªu th­¬ng  - HS tr¶ lêi  (§­îc. V× Thu sî vÕt thÑo do ch­a biÕt «ng S¸u lµ ba m×nh. Khi biÕt ba m×nh lµ «ng S¸u, Thu ®· h«n lªn vÕt thÑo trªn m¸ ba nã. §ã lµ ph¶n øng cña t×nh c¶m ruét thÞt.  - HS thảo luận theo nhm bàn  - HS ph¸t biÓu  - HS tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi  - Khi nghe con nãi trèng kh«ng víi m×nh: *Anh quay l¹i nh×n con võa khe khÏ l¾c ®Çu võa c­êi.*  - HS tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi  - HS tr¶ lêi  - HS quan s¸t  - Hs tr¶ lêi  - §«i m¾t cña ng­êi cha giµu t×nh th­¬ng yªu vµ ®é l­îng.  - HS ph¸t biÓu  - HS t×m  - HS tr¶ lêi  N©ng niu vµ g×n gi÷ t×nh phô tö.  - HS tr¶ lêi  (Lóc s¾p qua ®êi ng­êi cha nhí ®Õn mong ­íc cña con.)  - C¸i nh×n cuèi cïng cña «ng lµ ®iÒu «ng nh¾n göu ®ång ®éi thay m×nh thùc hiÖn mong ­íc cña con.  - HS tù béc lé  Mét ng­êi cha chÞu nhiÒu thiÖt thßi nh­ng v« cïng ®é l­îng vµ tËn tuþ v× t×nh ªu th­¬ng con.  - Mét ng­êi cha ®Ó bÐ Thu suèt ®êi yªu quý vµ tù hµo | **II. Ph©n tÝch**  1. Nh©n vËt bÐ Thu  \* ¤ng S¸u míi vÒ  - Nghe gäi, con bÐ giËt m×nh, trßn m¾t nh×n. Nã ng¬ ng¸c, l¹ lïng  - Con bÐ thÊy l¹ qu¸; mÆt nã bçng t¸i ®i, råi vôt ch¹y vµ kªu thÐt lªn: M¸! M¸!.  + Ph¶n øng: Më to, kh«ng chíp, biÓu lé sù ng¹c nhiªn.  -> Nhanh, m¹nh, biÓu lé ý ®Þnh cÇu cøu  ->Lo l¾ng vµ sî h·i  - Nãi trèng kh«ng víi «ng S¸u  ->Kh«ng chÊp nhËn «ng S¸u lµ ba.  \* Trong b÷a c¬m  - Khi «ng S¸u bá trøng c¸ to vµng vµo chÐn nã  - Khi bÞ «ng S¸u ®¸nh: *Nã nh¶y xuèng xuång; qua nhµ ngo¹i, mÐt víi ngo¹i vµ khãc ë bªn Êy.*  -> Cù tuyÖt mét c¸ch quyÕt liÖt tr­íc t×nh c¶m cña «ng S¸u.  \* Ngµy «ng S¸u ra ®i  *- Víi ®«i mi dµi, cong vµ nh­ kh«ng bao giê chíp, ®«i m¾t nã nh­ to h¬n, c¸i nh×n cña nã kh«ng ng¬ ng¸c, kh«ng l¹ lïng, nã nh×n víi vÎ nghÜ ngîi s©u xa.*  -> Trong s¸ng, th¨ng b»ng, kh«ng cßn lo l¾ng, sî h·i n÷a.  -> Kh«ng cßn lµ tiÕng kªu biÓu lé sù sî h·i mµ lµ tiÕng nãi cña t×nh yªu th­¬ng ruét thÞt.  - BÐ Thu muèn ®­îc ba ch¨m sãc vµ che chë.  - §ã lµ mong ­íc chÝnh ®¸ng cña ®øa con yªu quý cha vµ tin t­ëng t×nh yªu th­¬ng cña cha m×nh.  2. Nh©n vËt «ng S¸u - ng­êi cha  \* ë nhµ  - Tõ t¸m n¨m nay «ng S¸u ch­a mét lÇn gÆp mÆt ®øa con g¸i ®Çu lßng mµ «ng v« cïng th­¬ng nhí.  -> Vui vµ tin ®øa con sÏ ®Õn víi m×nh.  - Anh ®øng s÷ng l¹i ®ã, nh×n theo con, nçi ®au ®ín khiÕn mÆt anh sÇm l¶i tr«ng thËt ®¸ng th­¬ng vµ hai tay bu«ng xuèng nh­ bÞ g·y.  -> Buån b·, thÊt väng...  - >Buån nh­ng s½n lßng tha thø cho con.  -> Do t×nh yªu th­¬ng cña ng­êi cha dµnh cho con trë nªn bÊt lùc.  - Nçi buån th­¬ng do t×nh yªu th­¬ng cña ng­êi cha ch­a ®­îc con ®Òn ®¸p.  -> §ã lµ n­íc m¾t sung s­íng, h¹nh phóc cña ng­êi cha c¶m nhËn ®­îc t×nh ruét thÞt tõ con m×nh.  \* ë chiÕn khu  - Tõ t×nh yªu th­¬ng vµ hi väng dµnh cho con.  -> HiÒn lµnh, nh©n hËu: n©ng niu t×nh c¶m cha con  - ChiÒu con vµ gi÷ lêi høa víi con.  - §ã lµ biÓu hiÖn cña t×nh c¶m trong s¸ng vµ s©u nÆng ë ng­êi cha.  **\* Phát triển năng lực:** tư duy, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ | | |
| III. §¸nh gi¸ kh¸i qu¸t  ***\*GV hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ tư duy, tổng kết về nghệ thuật, nội dung của văn bản***  H. Khái quát những đặc sắc nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản theo các câu hỏi sau:  H: §äc *ChiÕc l­îc ngµ* em c¶m nhËn ®­îc vÎ ®Ñp nµo cña t×nh cha con?  H: Tõ ®ã gi¸ trÞ t×nh c¶m nµo cña con ng­êi ®­îc kh¼ng ®Þnh trong chiÕn tranh?  H: Trong vai nh©n vËt ''t«i'' nhµ v¨n ®· cã th¸i ®é nh­ thÕ nµo khi c¶m nhËn t×nh cha con cña ng­êi chiÕn sÜ c¸ch m¹ng?  H: §Ó thÓ hiÖn c¸c nh©n vËt vµ th¸i ®é cña m×nh, nhµ v¨n ®· cã c¸ch kÓ chuyÖn nh­ thÕ nµo?  H: Theo em nghÜ chiÕc l­îc ngµ cña cha vÒ sau sÏ ®­îc ng­êi con ®ãn nhËn vµ gi÷ g×n nh­ thÕ nµo?  H: §­îc sèng trong hoµ b×nh em mong ­íc ®iÒu g× cho nh÷ng ng­êi cha nh­ «ng S¸u vµ nh÷ng ng­êi con nh­ bÐ Thu?  GV yªu cÇu HS ®äc ghi nhí SGK | | III. §¸nh gi¸ kh¸i qu¸t  - Cặp đôi trao đổi, đại diện trình bày trên sơ đồ tư duy  - HS khác nhận xét, bổ sung  - HS ®äc ghi nhí | | **III. Tæng kÕt**  1. Néi dung  - T×nh cha con s©u nÆng, bÒn chÆt dï trong hoµn c¶nh Ðo le.  - Trong chiÕn tranh, nh÷ng gi¸ trÞ t×nh c¶m cña con ng­êi cµng th¾m thiÕt, bÒn chÆt.  2. NghÖ thuËt  - C¸ch kÓ tù nhiªn, gi¶n dÞ, kÕt hîp nhiÒu ph­¬ng thøc biÓu ®¹t  - NhËp vai nh©n vËt ''t«i'' ®Ó kÓ  **\* Phát triển năng lực**  - Năng lực tư duy  - Năng lực hợp tác  - Năng lực giao tiếp | | |
| **Ho¹t ®éng 3: LuyÖn tËp**  - Ph­¬ng ph¸p: Vấn ®¸p  - KÜ thuËt: ®éng n·o  - Thêi gian: 5 phót | | | | | | |
| HĐ của Thầy | HĐ của Trò | | | | Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt,  năng lực cần phát triển | |
| **IV. Hướng dẫn luyện tập**  - Yêu cầu Hs kể tóm tắt văn bản | **IV. Luyện tập**  - Kể | | | | **IV. Luyện tập**  1. Kể tóm tắt  \*Năng lực cần đạt:tư duy**,** giao tiếp | |
| **Ho¹t ®éng 4: Vận dụng**  - Ph­¬ng ph¸p: Vấn ®¸p  - KÜ thuËt: ®éng n·o  - Thêi gian: 15 phót | | | | | | |
| HĐ của Thầy | HĐ của Trò | | | | Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt,  năng lực cần phát triển | |
| - Trình bày cảm nhận về một chi tiết nghệ thuật em tâm đắc nhất  - Chữa bài | - Cá nhân làm bài, trình bày | | | | **V. Vận dụng:** Trình bày cảm nhận về một chi tiết nghệ thuật em tâm đắc nhất  **\*Năng lực cần đạt:** tư duy**,** giao tiếp**,** giải quyết vấn đề**,** sử dụng ngôn ngữ**,** cảm thụ thẩm mỹ | |

**HOẠT B­íc 4. Giao bµi, h­íng dÉn häc bµi vµ chuÈn bÞ vÒ nhµ 3 phót**

1. Bµi tËp

- Häc thuéc bµi

- Hoµn thµnh bµi tËp trong vë bµi tËp

2. ChuÈn bÞ bµi : - So¹n Tổng kết ngữ pháp

**Ngày tháng 01 năm 2022**

**Xác nhận**

**Tổ nhóm chuyên môn Ban giám hiệu**

**Nguyễn Thị Thùy Cao Thị Hằng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: 22/01/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 117:**

**TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP**

**A.  MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1.Kiến thức**

- Hệ thống hóa kiến thức về các từ loại và cụm từ (danh từ, động từ, tính từ, cụm danh từ, cụm tính từ và những từ loại khác)

**2.Phẩm chất:**

-Yêu ngôn ngữ tiếng Việt

- Có ý thứcsử dụng từ và cụm từ đúng chức năng đặc trưng.

**3. Năng lực**

- Năng lực chung:  năng lực làm việc nhóm, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt: Tổng hợp kiến thức về từ loại và cụm từ. Nhận biết và sử dụng thành thạo những từ loại đã học

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-  Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Soạn bài.

- Tìm hiểu những kiến thức về từ loại đã học ở lớp 6,7,8.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **A.  HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  a. Mục tiêu:  *- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.*  *- Kích thích HS tìm hiểu về 1 nhân vật văn học nước ngoài.*  b) Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:      ? Xác định DT, ĐT, TT trong những câu thơ sau và nêu tác dụng?  *Gần xa nô nức yến anh*  *Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*  *Dập dìu tài tử giai nhân,*  *Ngưa xe như nước áo quận như nêm.*  *- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS nghe câu hỏi, thảo luận theo cặp đôi và trả lời miệng.  *\*Bước 4: Báo cáo kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *\*Bước 5: Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá dẫn vào bài.*  **GV:** Từ loại có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình nói và viết... Từ lớp 6 đến lớp 8 các em đã được học về nó. Hôm nay chúng ta đi tổng kết lại các kiến thức về từ loại.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**  Hoạt động 1:  Từ loại:  a.  Mục tiêu:  Giúp HS nắm được những kiến thức cơ bản về từ loại tiếng Việt: DT, ĐT, TT và làm bài tập.  \* Nội dung: HS tìm hiểu trước ở nhà.  \* Sản phẩm: Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  A, Lí thuyết:  *Trước khi đi vào làm bài tập về từ loại DT, ĐT, TT, GV cho HS nhắc lại lí thuyết.*  *? Thế nào là danh từ, động từ, tính từ. Cho VD?*  *- HS trả lời, GV hướng dẫn HS làm bài tập từ 1 đến 5.*  **B**, Bài tập:  \* Bài tập 1:  Bước 1. *GV chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?  ? Phát phiếu học tập cho HS.  *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: Thảo luận theo nhóm, điền vào bảng ở phiếu học tập.  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất cho HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn. ( hoặc sử dụng máy chiếu vật thể)  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn. ( hoặc máy chiếu vật thể) các nhóm khác nghe và nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  \* Bài tập 2:  Bước 1. *GV chuyển giao nhiệm vụ:*  *? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?*  *? Phát phiếu học tập cho HS.*  *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: Thảo luận theo nhóm, điền vào bảng ở phiếu học tập.  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất cho HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn. ( hoặc sử dụng máy chiếu vật thể)  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn. ( hoặc sử dụng máy chiếu vật thể) các nhóm khác nghe và nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  \* Bài tập 3:  Bước 1: *Chuyển giao nhiệm vụ:*  *? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?*  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: HĐ tập thể.  - GV: hỏi HS theo câu hỏi trong SGK  Bước 3*. Báo cáo kết quả:*HS trả lời miệng, các HS khác nghe và nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  \* Bài tập 4:  Bước 1: *chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?  *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: HS lên bảng điền từ vào bảng tổng kết theo mẫu ở SGK.  - GV: HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn.  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn. các HS khác nghe và nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  *Gv :*Khái quát nội dung  *Danh từ, động từ, tính từ thường đứng sau những từ nào?*  \* Bài tập 5:  Bước 1: *Chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?  *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:*  ***-***HS: HĐ tập thể.  - GV: hỏi HS theo câu hỏi trong SGK  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS trả lời miệng, các HS khác nghe và nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **Hoạt động 2**: **Các từ loại khác:**  a.  Mục tiêu:  Giúp HS nắm được những kiến thức cơ bản về từ loại khác của tiếng Việt và làm bài tập.  \* Nội dung: HS tìm hiểu trước ở nhà.  \* Yêu cầu sản phẩm: HS thể hiện bài trên phiếu học tập..  \* Tổ chức thực hiện  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  A, Lí thuyết:  Trước khi đi vào làm bài tập về từ loại GV cho HS nhắc lại lí thuyết.  ? Thế nào là số từ, đại từ, chỉ từ, số từ,….  - HS trả lời theo chuẩn bị ở nhà.  GV hướng dẫn HS làm bài tập .  **B, Bài tập:**  \* Bài tập 1:  Bước 1: *chuyển giao nhiệm vụ:*  *? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?*  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: Thảo luận theo nhóm, điền vào bảng ở phiếu học tập.  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất cho HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn.  - Dự kiến sản phẩm. (bảng bên dưới)  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS lên bảng điền vào bảng GV đã kẻ sẵn. các HS khác nghe và nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng* | - DT: *yến anh, chị em, tài tử, giai nhân*  -> gợi sự đông vui, nhiều người đến hội.  - ĐT: *sắm sửa, dập dìu* -> gợi tả sự rộn ràng, náo nhiệt.  - TT: *gần xa, nô nức* -> làm rõ tâm trạng của người đi hội.  **A. Từ loại:**  **I.  Danh từ, động từ, tính từ**  1. Bài 1: Xếp các từ theo cột.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Danh từ | Động từ | Tính từ | | *lần,*  *lăng,*  *làng* | *đọc,*  *nghĩ ngợi,*  *phục dịch,*  *đập* | *hay,*  *đột ngột,*  *phải,*  *sung sướng* |   2. Bài 2: Điền từ, xác định từ loạ  *\* Điền từ*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***(c)****hay*  ***(b)****đọc*  ***(a)****lần*  ***(b)****nghĩ ngợi* | ***(a)****cái lăng*  ***(b)****phục dịch*  ***(a)****làng*  ***(b)****đập* | ***(c)****đột ngột*  ***(a)****ông(giáo)*  ***(c)****phải*  ***(c)****sung sướng* |   *\* Xác định từ loại*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Danh từ | Động từ | Tính từ | | a | b | c |   3. Bài 3: Xác định vị trí của danh từ, động từ, tính từ.  *-*Danh từ thường đứng sau*:* *những, các, một.*  *-*Động từ thường đứng sau*:* *hãy đã, vừa.*  *-*Tính từ thường đứng sau: *rất, hơi, quá.*  4. Bài 4: Bảng tổng kết khả năng kết hợp của động từ, danh từ, tính từ.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Ý ng k/q của TL | Khả năng kết hợp | | | |  | phía trước | Từ loại | phía sau | | Chỉ sự vật… | những, các, một… | **DT** | này, nọ, kia, ấy | | Chỉ HĐ, trạng thái… | đã, vừa, hãy… | **ĐT** |  | | Chỉ đđ, tính chất | Rất, hơi, quá… | **TT** |  |   **5. Bài 5: Chuyển từ loại**  *a, “ Tròn”*là **TT** ở đây được dùng như **ĐT**.  b, *“ Lí tưởng”*là **DT** ở đây được dùng như **TT**.  c, *“ Băn khoăn”*là **TT** ở đây được dùng như **DT**.  **II. Các từ loại khác**  **1. Bài 1: Xếp từ theo cột** |

Sản phẩm dự kiến:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ST** | **Đại từ** | **LT** | **Chỉ từ** | **PT** | **QHT** | **Trợ từ** | **TT từ** | **Thán từ** |
| *- ba*  *- năm* | *- tôi*  *- bao nhiêu*  *- bao giờ*  *- bấy giờ* | *-những* | *- ấy*  *- đâu* | *- đã*  *- mới*  *- đã*  *- đang* | *- ở*  *- của*  *- nhưng*  *- như* | *- chỉ*  *- cả*  *- ngay*  *- chỉ* | *- hả* | *- Trời ơi* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài tập 2:** HS đọc yêu cầu đề bài. XĐ yêu cầu đề bài.  Bước 1: *chuyển giao nhiệm vụ:*  *? XĐ những từ dùng ở cuối câu nghi vấn.*  *? Vậy nó thuộc từ loại nào mà các em đã lọc ở lớp 8.*  - Tình thái từ  HS nhắc lại khái niệm TT từ. GV chốt.  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS trả lời  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **Hoạt động 3**:**Cụm từ.**  \*Mục đích: Giúp HS nắm được những kiến thức cơ bản về cụm DT, cụm ĐT, cụm TT và làm bài tập.  \* Nội dung: HS tìm hiểu trả lời câu hỏi  \* Yêu cầu sản phẩm: HS thể hiện bài trên phiếu học tập, trả lời miệng.  \* Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **A, Lí thuyết:**Trước khi đi vào làm bài tập về từ loại GV cho HS nhắc lại lí thuyết.  *? Thế nào là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Cho VD?*  - HS trả lời, GV hướng dẫn HS làm bài tập.  **B, Bài tập:**  \* Bài tập 1:  Bước 1. *GV chuyển giao nhiệm vụ:*  *? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?*  *? HS thảo luận theo bàn*  *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: Thảo luận theo bàn.  - GV: Quan sát, trợ giúp.  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS lên bảng làm bài, HS khác nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **\*** Bài tập 2:  *Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?  HS làm việc cá nhân  *Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: làm việc cá nhân  - GV: Quan sát, giúp đỡ HS  *Bước 3: Báo cáo kết quả:*HS lên bảng làm, HS khác nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4: Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  \* Bài tập 3:  Bước 1: *GV chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Đọc bài tập. Xác định yêu cầu bài tập?  ? HS hoạt động cặp đôi  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*  *-*HS: Thảo luận cặp đôi  - GV: Quan sát, giúp đỡ HS  *Bước 3. Báo cáo kết quả:*HS lên bảng làm bài, HS khác nhận xét. GV khái quát, chốt kiến thức.  *Bước 4. Đánh giá kết quả*  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng* | **2. Bài 2:**      - Những từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn là *à, ư, hử, hở, hả,.....* thuộc từ loại**: tình thái từ.**  **B. Cụm từ**  **1. Bài tập 1: Cụm DT**  a,  - tất cả *những* **ảnh hưởng** (qtế) đó               PT          TT                   PS  - *một* **nhân cách** rất VN     PT       TT  - *một* **lối sống** rất bình dị, …hiện đại.      PT     TT  b,  *những***ngày**(khởi nghĩa) dồn dập        PT     TT                  ở làng.    c,  **Tiếng** (cười nói) xôn xao của….ấy   TT (có thể thêm *những* vào phía trước)  ***2. Bài 2: Cụm ĐT***  a,    - *đã* **đến** gần anh      PT  TT    - *sẽ* **chạy** xô vào lòng  anh      PT  TT    - *sẽ* **ôm** chặt lấy cổ anh     PT TT  b,  - *vừa* **lên** (cải chính)     PT  TT  **3. Bài 3: Cụm tính từ**  a,  -*rất***Việt Nam**      PT       TT  - *rất***bình dị**,  *rất***VN***,*     PT  TT          PT TT  *rất***phương Đông**  PT          TT   - *rất***mới***, rất***hiện đại**      PT TT    PT      TT  b,  - sẽ không**êm ả**                    TT  ( có thể thêm *rất*vào phía trước)  c,  -**phúc tạp** hơn,            TT  cũng **phong phú** và **sâu sắc**  hơn                    TT                TT  ( có thể thêm *rất*vào phía trước) |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a.  Mục tiêu:  Giúp HS vận dụng sáng tạo kiến thức đã học làm bài tập thực hành.

b) Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* Tổ chức cho HS chơi trò chơi. GV chia lớp thành 2 nhóm và thi ai nhanh hơn.
* Hs tiếp nhận nhiệm vụ và tham gia trò chơi.

? Cho 4 từ: **Anh, dạy, em, học**. Thay đổi trật tự từ kết hợp để tạo được nhiều câu nhất.

? HS trình bày, phản biện. Gv chốt.

- Dự kiến sản phẩm:

1. Anh dạy em học.

2. Em dạy anh học.

3. Anh em dạy học.

.....

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới: Tổng kết ngữ pháp (tiếp theo)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: 22/01/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 118:**

**TỔNG KẾT NGỮ PHÁP** (tiếp theo)

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Ôn tập, hệ thống hoá các kiến thức đã học về câu các kiểu câu, biến đổi câu  đã học trong chương trình THCS.

**2. Năng lực:**

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản, Hệ thống hóa kiến thức

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

*-* Có ý thức sử dụng từ, câu đúng ngữ pháp trong khi viết.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn kế hoạch bài học

**2. Chuẩn bị của hsinh:** ôn lại kiến thức đã học phần ngữ pháp, tìm hiểu nội dung của bài học.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Sử dụng câu khi nói và viết phải lưu ý điều gì?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  GV giới thiệu bài     - Ở tiết ôn tập tuần trước, các em đã được học...  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30->35 phút)**  **\* Hoạt động  1:** **Lí thuyết(3-5 phút)**  a) Mục tiêu: Nắm được các kiến thức về kiểu  câu xét theo cấu tạo ngữ pháp  b) Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c) Sản phẩm:Vở ghi của Hs  *? Em nào có thể nhắc lại các kiểu câu đã học xét theo cấu tạo ngữ pháp?*  *? Thế nào là câu đơn*  *? Câu ghép là kiểu câu có cấu tạo như thế nào*  *? Nhắc lại 9 mối quan hệ giữa các vế câu trong câu ghép?*  *? Phân biệt câu đặc biệt và câu rút gọn*  *? Phân biệt câu chủ động và câu bị động*  **\* Hoạt động  2:** **Luyện tập**  a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức vào làm các bài tập thực hành  b) Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c) Sản phẩm: Bài làm của HS  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  Hoàn thành các bài tập trong sgk  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS  **Nội dung II:**  **\* Hoạt động  1:** **Lí thuyết(3 phút)**  a. Mục tiêu: Nắm được kiến thức về các kiểu  câu ứng với mục đích giao tiếp.  b. Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS  d) Tổ chức thực hiện:  NV1:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Em nào có thể nhắc lại các kiểu câu  ứng với mục đích giao tiếp là những kiểu câu nào?  ? Nội dung của từng kiểu câu? Cho ví dụ?  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định**:**GV đánh giá kết quả của HS  **\* Hoạt động  2:** **Luyện tập**  a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức vào làm các bài tập thực hành  b) Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c) Sản phẩm:: Vở ghi của hs  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  Câu hỏi sgk  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS bàn bạc, trao đổi, thực hiện nhiệm vụ  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 5 phút)**  - Đã làm các bài tập trong sgk  **D. HOẠT ĐỘNG  VẬN DỤNG  (3 phút)**  a) Mục đích : Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.  b) Nội dung : HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm : HS làm các bài tập  d) Tổ chức thực hiện**:**  ? Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng một câu ghép phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Phương Định trong văn bản "Những ngôi sao xa xôi"? | **D- Ôn tập về các kiểu câu**  **I. Câu xét về cấu tạo**  **1. Lí thuyết**: Có các kiểu câu  - Câu đơn  - Câu ghép  \* Lưu ý:  -  Câu đặc biệt  -  Câu rút gọn  -  Câu chủ động  -  Câu bị động  -  Cách chuyển câu CĐ ->câu BĐ  **2. Bài tập:**  **2.1/ Câu đơn**  Bài tập 1/146.  Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong các câu đơn sau:(SGK)  a) - Chủ ngữ: *nghệ sĩ*  -Vị ngữ: *ghi lại cái dã có rồi, muốn nói một điều gì mới mẻ*  b)- Chủ ngữ: *lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn-xtôi cho nhân loại*  -Vị ngữ: *phức tạo hơn, phong phú và sâu sắc hơn*  c)- Chủ ngữ: *nghệ thuật*  -Vị ngữ: *là tiếng nói của tình cảm*  d) - Chủ ngữ: *tác phẩm*  -Vị ngữ: *là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng*  e) - Chủ ngữ: *anh*  -Vị ngữ: *thứ sáu và cũng tên Sáu*  Bài tập 2/147:Nhận diện câu đặc biệt trong các đoạn trích: vở GBT  **2.2/  Câu ghép**  Bài tập 1/147: Xác định các câu ghép   1. Anh gửi.. 2. Nhưng vì… 3. Ông lão vừa nói… 4. Những nét… 5. Để người…   Bài tập 2/148: GBT  Bài tập 3/148   Xác định quan hệ về nghĩa giữa các vế trong những câu ghép sau:  -Câu a: quan hệ tương phản  -Câu b: quan hệ bổ sung  -Câu c: quan hệ điều kiện - giả thiết   Tạo câu ghép theo yêu cầu.  Bài tập 4/149  a) Nguyên nhân - Kết quả:  -*Vì quả bom tung lên và nổ trên không nên hầm của Nho bị sập*.  -*Quả bom tung lên và nổ trên không  hầm của Nho bị sập*.  b) Điều kiện - Kết quả: *Nếu quả bom tung lên và nổ trên không thì hầm của Nho bị sập.*  c) Tương phản:  -*Quả bom nổ khá gần, nhưng hầm của Nho không bị sập.*  d) Nhượng bộ: *Hầm của Nho không bị sập, tuy quả bom nổ khá gần.*  **2.3/  Biến đổi câu**  ***Bài tập 1***: Câu rút gọn  *-Quen rồi.*  *-Ngày nào ít: ba lần*  ***Bài tập 2*** : Câu vốn là một bộ phận của câu đứng trước được tách ra:  *a) Và làm việc có khi suốt đêm.*  *b) Thường xuyên.*  *c) Một dấu hiệu chẳng lành.*  Tách như vậy để nhấn mạnh nội dung của bộ phận được tách ra.  ***Bài tập 3***: ***Tạo câu bị động từ các câu cho sẵn:***  a) -*Đồ gốm được người thợ thủ công Việt Nam làm  ra khá sớm*  b) *-Một cây cầu lớn sẽ được tỉnh ta bắc tại khúc sông này*  *c) -Những ngôi đền ấy đã được người ta dựng lên từ hàng trăm năm trước*  **II. Các kiểu câu ứng với mục đích giao tiếp**  **1. Lí thuyết:**  - Câu trần thuât  - Câu cầu khiến  - Câu nghi vấn  - Câu cảm thán  **2. Bài tập:**  a. Xác định câu nghi vấn và tác dụng của nó  \**Trả lời*: Các câu nghi vấn dùng để hỏi:  *- Ba con, sao con không nhận?*  *- Sao con biết là không phải?*  b.Xác định câu cầu khiến và nêu tác dụng của chúng:  *\*Trả lời*:  a) Câu cầu khiến dùng để ra lệnh:  *- ở nhà trông em nhá !*  *- Đừng có đi đâu đấy*  b) Câu cần khiến dùng để:  + Yêu cầu: *Thì má cứ kêu đi*  + Mời: *Vô ăn cơm !*  c*.*Xác định kiểu câu và tác dụng của nó  - Câu nói của anh Sáu có hình thức của câu nghi vấn, nhưng không phải dùng để hỏi, mà là dùng để bộc lộ cảm xúc  -Ta kết luận như trên vì trước câu nói của anh Sáu, tác giả đã miêu tả “Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên” |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới: VB Phong cách Hồ Chí Minh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn :  27/8/2020 | Dạy | Ngày | 8/9 |
| Tiết | 1,2 |
| Lớp | 9A2 |

**Tiết 119,120**

**Văn bản : PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

(Lê Anh Trà)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi học xong bài này, HS:

*a. Kiến thức*

- Thấy được vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, thanh cao và giản dị.

- Từ lòng kính yêu và tự hào về Bác, HS có ý thức tu dưỡng, học tập và rèn luyện theo gương Bác.

b. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng đọc, cảm thụ, phân tích, so sánh để thấy rõ được nét đẹp trong phong cách HCM7 qua văn bản nhật dụng.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

a. Các phẩm chất

- Tự lập, tự tin, tự chủ, ý thức tự rèn luyện

- Yêu ngôn ngữ tiếng việt, kính yêu Bác Hồ

b. Các năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, tự học

c. Các năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ, thưởng thức văn học, thẩm mĩ

**3. Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh:** niềm tự hào, lòng cảm phục lối sống giản dị của Bác Hồ; lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc,…

**\* Tích hợp giáo dục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh:** Vẻ đẹp trong phong cách lãnh tụ Hồ Chí Minh: sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, vĩ đại mà bình dị thanh cao và khiêm tốn…

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**: Giáo án, máy tính

**2. Học si**nh: Soạn bài

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

***Bước 1*: Ổn định lớp**

***Bước 2*: Kiểm tra bài cũ**

***Bư­ớc 3* : Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động**

***-*** Thời gian dự kiến: 2’

- Ph­­ương pháp: thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của Thầy** | **HĐ của Trò** | **Chuẩn kĩ năng cần đạt,**  **năng lực cần phát triển** |
| \*GV thuyết minh và gợi dẫn, tích gợi dẫn **tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh**  - Ghi tên bài học | - Nghe | - Kĩ năng chú ý, lắng nghe  **\*Năng lực cần đạt**  - Năng lực tự quản lí |

**HOẠT ĐỘNG 2:Hình thành kiến thức**

***-*** Thời gian dự kiến: 65-70’

- Ph­­ương pháp: vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, giảng bình

- Kĩ thuật: hoạt động nhóm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HĐ của Thầy | HĐ của Trò | Chuẩn KT - KN cần đạt,  năng lực cần phát triển |
| **I. HD tìm hiểu chung**  *\*GV sử dụng PP vấn đáp; kỹ thuật động não yêu cầu HS:*  - Trình bày những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm  \*GV bổ sung thông tin về tác giả, tác phẩm theo SGV/T3  \*GV HD HS đọc văn bản  \*Yêu cầu HS:  - Chia đoạn  - Xác định nội dung chính từng đoạn  - Theo em, văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* được viết với mục đích gì?  \*GV nhấn mạnh vào hoàn cảnh sáng tácvà **tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh.**  - Xác định PTBĐ chính của văn bản? | **I. Tìm hiểu chung**  - HS trình bày  - HS khác nhận xét  - HS đọc vb  - 1 HS chia đoạn, nêu nội dung từng đoạn  - HS khác nêu ý kiến  - HS trình bày  - HS khác nhận xét | **I. Tìm hiểu chung**  1. Chú thích  a. Tác giả/sgk  b. Văn bản  - Chủ đề hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc dân tộc  c. Các chú thích khác  2. Đọc  \*Bố cục: 2 phần  - P1. Từ đầu đến . . *rất hiện đại*: Vẻ đẹp trong phong cách văn hoá của Bác.  - P2. Còn lại: Vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác  \*Mục đích: Trình bày cho người đọc hiểu và quý trọng vẻ đẹp của phong cách HCM  \*PTBĐ: Nghị luận |
| **II. HD HS phân tích văn bản**  *\* GV sử dụng phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề; kĩ thuật động não, hoạt động nhóm, cặp đôi*  \*Yêu cầu HS đọc thầm phần 1, nhắc lại nội dung chính?  - HCM đã tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trong hoàn cảnh nào?  - Nhận xét gì về vốn tri thức văn hoá nhân loại Người tiếp thu được?  - Người đã làm thế nào để có được vốn tri thức sâu rộng ấy?  - Với sự tiếp thu ấy, chủ tịch HCM đã trở thành một vị lãnh tụ được đánh giá như thế nào về mặt nhân cách?  **Hết tiết 1 chuyển sang tiết 2**  **Ngày dạy: 8/9/2020**  1. Ổn định tổ chức  2.Kiểm tra bài cũ:  - Con đường hình thành phong cách HCM được biểu hiện ntn?  \* Yêu cầu HS theo dõi đoạn còn lại, nhắc lại nội dung chính?  - Đoạn văn cho ta biết nét đẹp nào ở Bác?  - Theo em, phần này nói về thời kỳ nào trong SNCM của HCM ?  -> Khi Người đã ở cương vị chủ tịch nước.  H. Hãy tìm những chi tiết giới thiệu về lối sống, cách sống của Bác?  - Có gì đặc biệt trong cách giới thiệu của tác giả?  \*GV: - TH đã khái quát vẻ đẹp giản dị mà vĩ đại của Bác: “Mong manh áo vải….lối mòn”. Sống giản dị, đó không chỉ là 1 lối sống thể hiện 1 quan niệm sống mà còn gắn với 1 quan niệm thẩm mĩ, quan niệm về cái đẹp: cái đẹp là sự giản dị tự nhiên. Cho nên sống giản dị mà thanh cao chính là ở đó. Cái đẹp, cái thanh cao nằm ngay trong cái giản dị  - Sự bình dị gắn với thanh cao, trong sạch. Tâm hồn không phải chịu đựng những toan tính vụ lợi -> tâm hồn được thanh cao, hạnh phúc; sống thanh bạch giản dị, thể xác không phải gánh chịu ham muốn bệnh tật -> thể xác được thanh cao, hạnh phúc  - Từ đó em nhận thức được gì về vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác Hồ?  -> Là vẻ đẹp vốn có, tự nhiên, hồn nhiên, gần gũi, không xa lạ với mọi người, mọi người có thể học tập  - Xét về phương diện văn hoá, em hãy trình bày những thuận lợi và những nguy cơ theo nhận thức của em? Em hãy nêu vài biểu hiện về lối sống có văn hoá và không có văn hoá?  - HS chúng ta phải làm gì ?  -> Hoà nhập với khu vực và quốc tế + bảo vệ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc  - Từ tấm gương nhà văn hoá lớn HCM, các em có suy nghĩ gì với bản thân?  - **Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh: *Kể về lời nhắc nhở của Bác ở Hà Nội lúc vừa nghe tin ta dành chiến thắng Điện Biên Phủ*** | **II. Phân tích**  - Cá nhân đọc  - Cá nhân trình bày  - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Theo dõi văn bản  - Cá nhân trả lời  - Cá nhân trình bày  - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - Cá nhân trình bày  - Cặp đôi trao đổi, trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung    - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung | **II. Phân tích**  1. Sự tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại của HCM  a. Đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều, có vốn văn hoá sâu rộng  - Nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ: thạo nhiều thứ tiếng như Hán, Pháp, Anh, Nga  - Học hỏi thực tế qua lao động: làm nhiều nghề khác nhau  - Tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật đến mức uyên thâm  - Đúc rút những chân lí, phương châm hành động (ở đâu cũng có kẻ áp bức và người lao động )  b. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nước ngoài  - Tiếp thu cái đẹp và phê phán cái hạn chế  - Trên nền tảng văn hoá dân tộc mà tiếp thu những ảnh hưởng quốc tế  **2. Nét đẹp trong lối sống của Chủ tịch HCM**  \* Lối sống giản dị  - Nơi ăn ở, làm việc: nhà sàn nhỏ bên ao cá (cảnh bình dị của làng quê VN) -> Đơn sơ  - Trang phục: bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp, tư trang ít ỏi -> Giản dị  - Ăn uống: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa  -> Đạm bạc  \* Cách sống thanh cao, sang trọng  - Không phải là lối sống khắc khổ của những con người tự vui trong cảnh nghèo  - Không phải là cách tự thần thánh hoá, tự làm cho khác đời, khác người  - Đây là cách sống có văn hóa đã trở thành quan niệm thẩm mỹ: Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên.  => - So sánh, liệt kê, chọn lọc chi tiết tiêu biểu, đối lập  - Cách sống kết tinh tinh hoa của nền văn hoá dân tộc và văn hoá nhân loại nên vừa hiện đại, giản dị lại vừa thanh cao, sang trọng  -> Cuộc sống đạm bạc mà không khốn khổ, đó là sự thanh cao trong cuộc sống trở về với tự nhiên, hoà hợp với tự nhiên để di dưỡng tinh thần, có khả năng đem lại hạnh phúc cho tâm hồn, thể xác  **3. Ý nghĩa của việc học tập, rèn luyện theo phong cách Hồ Chí Minh**  - Cần phải hoà nhập với khu vực và với quốc tế, song cũng cần bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.  - Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại  - Đặc biệt luôn đề cao cảnh giác trước âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng, văn hóa |
| **III. HD HS tổng kết**  *\*GV hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ tư duy, tổng kết về nghệ thuật, nội dung của văn bản*    - Khái quát những đặc sắc nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của bài thơ? | **III. Tổng kết**  -Trao đổi nhóm bàn, đại diện nhóm trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Sử dụng ngôn ngữ trang trọng  - Vận dụng kết hợp các PTBĐ: BC, NL  - Vận dụng các hình thức so sánh, các biện pháp nghệ thuật đối lập  2. Nội dung  - Sự hiểu biết sâu rộng về các dân tộc và văn hoá thế giới nhào nặn nên cốt cách văn hoá dân tộc HCM  - Phong cách HCM là sự giản dị trong lối sống, sinh hoạt hàng ngày, là cách di dưỡng tinh thần, thể hiện một quan niệm thẩm mĩ cao đẹp  **\*Năng lực cần đạt:**  - Năng lực tư duy, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ |

**HOẠT ĐỘNG 3: *Luyện tập***

***-*** Thời gian dự kiến: 7 – 10’

- Ph­­ương pháp: Kể diễn cảm

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của Thầy** | **HĐ của Trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt,**  **năng lực cần phát triển** |
| \*YC HS kể lại một mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ | - Cá nhân kể | - Chuyện về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ  \*Năng lực cần đạt: Năng lực tư duy, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ |

**HOẠT ĐỘNG 4:Vận dụng**

***-*** Thời gian dự kiến: 5 - 7’

- Ph­­ương pháp: vấn đáp, thuyết trình

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của Thầy** | **HĐ của Trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| GV giới thiệu về một số hình ảnh về chủ tịch HCM  - Nêu một vài cảm nhận của em về hình ảnh Bác.  **- Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh: *Bày tỏ thái độ, cách nhìn nhận trước trào lưu thời trang hoặc lối sống gấp của một bộ phận người Việt Nam*** | - HS quan sát  - HS nêu cảm nhận | \*Tình huống  - Nhiệm vụ, trách nhiệm của HS trong việc học tập phong cách Hồ Chí Minh  \*Năng lực cần đạt: Năng lực tư duy, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ |

**Bư­­­ớc 4: Giao bài, HD học bài, chuẩn bị bài ở nhà**

**1. Giao bài, hướng dẫn học bài**

- Nắm được nội dung văn bản

- Học thuộc ghi nhớ/ SGK

- Viết đoạn văn ngắn nêu ảnh hưởng của phong cách sống HCM với bản thân em

**2. Chuẩn bị bài sau**: Soạn Các phương châm hội thoại

- Đọc, trả lời các câu hỏi/sgk

**Ngày tháng 01 năm 2022**

**Xác nhận**

**Tổ nhóm chuyên môn Ban giám hiệu**

**Nguyễn Thị Thùy Cao Thị Hằng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn :  27/1/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

Tiết 121, 122:

**ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH**

( G.Mác- két)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

*a. Kiến thức*

- Nhận thức được mối nguy hại khủng khiếp của việc chạy đua vũ trang, chiến tranh hạt nhân

- Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản

- Hệ thông luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản

*b. Kĩ năng*

- Đọc – hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hòa bình của nhân loại

- Vận dụng kết hợp bình luận, liệt kê, so sánh, biểu cảm để tăng hiệu quả thuyết phục

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

*a. Các phẩm chất*

- Yêu gia đình, quê hương đất nước

- Nhân ái, khoan dung

- Tự lập, tự tin, tự chủ, có tinh thần vượt khó

- Có trách nhiệm với cộng đồng

- Thực hiện nghĩa vụ đạo đức, tôn trọng, chấp hành kỉ luật, pháp luật

*b. Các năng lực chung*

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, tự quản lí, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng CNTT và truyền thông,

*c. Các năng lực chuyên biệt*

-Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mĩ

**\*Giáo dục năng sống:**

- Suy nghĩ, sáng tạo, đánh giá, bình luận về hiện trạng nguy cơ c/t hạt nhân hiện nay

- Giao tiếp: trình bày ý tưởng của cá nhân, trao đổi về hiện trạng và giải pháp để đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, xây dựng một thế giới hòa bình

- Ra quyết định về những việc làm cụ thể của cá nhân và xã hội vì một thế giới hòa bình

**\*Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh**: Ý thức học hỏi, trau dồi tri thức, rèn luyện kĩ năng ứng phó trước các tình huống xảy ra trong cuộc sống; hậu quả khủng khiếp của chiến tranh, của bom nguyên tử, của chất độc da cam, …

**\*Tích hợp giáo dục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh:** Tư tưởng yêu nước và độc lập dân tộc trong quan hệ hòa bình thế giới (chống nạn đói, nạn thất học, bệnh tật, chiến tranh) của Bác

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên:

+ Tư liệu, bài tập trắc nghiệm, tranh ảnh về sự huỷ diệt của vũ khí hạt nhân, hậu quả của c.tranh để lại.

+ Tìm thêm các thông tin thời sự trên báo, ti vi về chiến tranh hạt nhân

2. Học sinh:

+ Đọc kỹ văn bản, xác định các luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản. Sưu tầm bài hát phản đối chiến tranh (thiếu nhi thế giới liên hoan) Soạn bài, liên hệ thực tế

**2. Học sinh**

- Đọc kỹ văn bản

- Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản, tìm hiểu về chiến tranh hạt nhân

**III. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

Bư­­ớc 1: *Ổn định tổ chức lớp*

- Kiểm tra sĩ số

- Ổn định trật tự

B­­ước 2: *Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS*

- Những phương thức biểu đạt nào đã được sử dụng trong văn bản Phong cách Hồ Chí Minh?

- Phong cách Hồ Chí Minh đã được tác giả thể hiện như thế nào?

B­ước 3: *Tổ chức dạy và học bài mới*

**HOẠT ĐỘNG 1: *Khởi động***

***-*** Thời gian dự kiến: 2’

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của Thầy** | **HĐ của Trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| - GV chiếu clip: khoảnh khắc bom nguyên tử nổ trên thành phố (Nhật Bản)  - GV thuyết minh và gợi dẫn, **tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh.**  - Ghi tên bài học | - HS theo dõi clip  - HS lắng nghe  - Ghi tên bài | - Kĩ năng chú ý, lắng nghe  **\*Năng lực cần đạt**  - Năng lực tự quản lí |

**HOẠT ĐỘNG 2:Hình thành kiến thức**

***-*** Thời gian dự kiến: 75-80’

- Ph­­ương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, giải quyết vấn đề, đóng vai thuyết minh

- Kĩ thuật: Động não, hoạt động nhóm, cặp đôi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của Thầy** | **HĐ của Trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **I. HD tìm hiểu chung**  *\*GV sử dụng phương pháp vấn đáp, đọc diễn cảm; kĩ thuật cặp đôi hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:*  - Trình bày những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm  \*GV:  - Bổ sung thông tin về tác giả, tác phẩm theo SGV  - Nhấn mạnh vào hoàn cảnh sáng tác và tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh.  \* GV HD HS đọc văn bản  \*Yêu cầu HS:  - Xác định luận điểm và các luận cứ ?  - Nhận xét về các luận cứ? | **I. Tìm hiểu chung**  - HS trình bày  - HS khác nhận xét  - Cá nhân đọc  - Cặp đôi trao đổi, đại diện trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung | **I. Tìm hiểu chung**  1. Chú thích  a. Tác giả:Ga- bri-en Gác-xi-a Mác-két (1928) nhà văn Cô-lôm-bi-a  - Tác giả của nhiều tập truyện ngắn, tiểu thuyết theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo  b. Văn bản  - Hoàn cảnh ra đời: 8/1986  - Chủ đề: bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh  c. Các chú thích khác  2. Đọc văn bản  3. Hệ thống luận điểm, luận cứ  a. Luận điểm  - Chiến tranh hạt nhân là hiểm hoạ khủng khiếp đang đe doạ toàn thể loài người và mọi sự sống trên trái đất, vì vậy đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy cho một thế giới hoà bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại.  b. Các luận cứ  - Kho vũ khí hạt nhân …. trong hệ mặt trời.  - Cuộc chạy đua vũ trang …..hàng tỉ người. (So sánh các lĩnh vực)  - C/t hạt nhân …sự tiến hoá .  - Vì vậy tất cả chúng ta ….. thế giới hoà bình. |
| **II.HD phân tích**  *\*GV sử dụng phương pháp vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề; kĩ thuật, thảo luận nhóm, cặp đôi hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:*  **\***Yêu cầu HS theo dõi nhanh từ đầu văn bản đến “*tốt đẹp hơn*”  - Nêu nội dung của đoạn văn  - Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe doạ loài người và toàn bộ sự sống trên trái đất đã được tác giả chỉ ra như thế nào?  - Nhận xét gì về nguy cơ ấy?  - Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?  - Cách lập luận đó có tác dụng gì? (tác động như thế nào đến người đọc, người nghe?)  -> Tác động vào nhận thức của người đọc về sức mạnh ghê gớm của vũ khí hạt nhân; khơi gợi sự đồng tình với tác giả  \*Yêu cầu HS theo dõi từ *Năm 1981….đến vũ trụ*  - Đoạn văn trình bày luận cứ nào? Để làm rõ luận cứ này tác giả đã làm như thế nào?  - Tại sao tác giả lại dẫn những lĩnh vực đó ra để làm rõ cho luận cứ?  - Những dẫn chứng, những so sánh… giúp ta nhận thức thêm được điều gì về cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân?  - Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? Tác dụng của cách lập luận này?  =>  Cách lập luận đơn giản, có sức thuyết phục cao, những con số biết nói, những so sánh khiến người đọc ngạc nhiên, bất ngờ trước sự thật hiển nhiên mà phi lí  - Làm nổi bật sự tốn kém ghê gớm của cuộc chạy đua chiến tranh hạt nhân; nêu bật sự vô nhân đạo; gợi cảm xúc mỉa mai, châm biếm ở người đọc  - Cảm nghĩ của em trước những thông tin này?  **Hết tiết 1 chuyển sang tiết 2**  **Ngày dạy:**  \*Y/C theo dõi từ *Tuy nhiên ......xuất phát của nó.*  - Nội dung của đoạn văn?  - Vì sao có thể nói rằng chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí con người, phản lại sự tiến hoá của tự nhiên?  - Liệt kê các chứng cứ tác giả đã sử dụng để làm rõ tác hại của chiến tranh hạt nhân?  - Nhận xét gì về hệ thống dẫn chứng này?  \*GV: *Những dẫn chứng giàu sức thuyết phục cho thấy sự sống ngày nay trên TĐ và con người là kết quả của một quá trình tiến hoá hết sức lâu dài của tự nhiên, 1 quá trình được tính bằng hàng triệu năm*  - Những chứng cứ ấy giúp ta hiểu thêm điều gì?  \* Y/C HS đọc từ *Trong thời đại… bấm nút một cái*  H. Em có nhận xét gì về giọng điệu câu văn? Tác dụng?  -> Giọng văn mỉa mai, ngầm ý kết tội việc chạy đua hạt nhân là một điều ngu xuẩn  \*GV: *Bằng cách nêu và làm sáng tỏ LC như vậy đã giúp mọi người nhận thức sâu sắc hơn tính chất phi lí và phản tiến hoá của vũ khí hạt nhân. Phân tích, so sánh rất cụ thể với những hình ảnh và số liệu sát thực, tác giả đã hoàn tòan thuyết phục người đọc về nguy cơ và thảm hoạ hạt nhân mà chạy đua vũ trang gây ra. Rõ ràng hiểm hoạ hạt nhân đang đe doạ loài người và sự sống trên TĐ này*  H. Trước hiểm hoạ ấy, nhiệm vụ của chúng ta là gì?  - Câu văn nào trong văn bản thể hiện rõ điều đó?  \*GV: Sau khi đã chỉ ra một cách hết sức rõ ràng về hiểm hoạ hạt nhân đang đe doạ loài người và sự sống trên TĐ, tác gỉa không dẫn người đọc đến sự lo âu mang tính bi quan về vận mệnh của nhân loại mà hướng tới một thái độ tích cực là đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân cho một thế giới hoà bình: “chúng ta…công bằng”  - Có thể ai đó sẽ nghi ngờ hiệu quả của tiếng nói đấu tranh, t/g tiếp tục khẳng định sự cần thiết phải có mặt trong hàng ngũ những người đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân: “dù tai hoạ …..vô ích”  H. Để kết thúc lời kêu gọi của mình t/g đề nghị “mở ra một nhà băng”  - Nên hiểu lời đề nghị này như thế nào?  -> Là những thông điệp:  - Thông điệp về một cuộc sống đã từng tồn tại nơi trái đất  - Thông điệp về những kẻ đã xoá bỏ cuộc sống trên trái đất này bằng vũ khí hạt nhân  H. Em hiểu gì về tác giả từ ý tưởng đó?  -> Là người quan tâm sâu sắc đến vấn đề vũ khí hạt nhân với niềm lo lắng và công phẫn cao độ  - Vô cùng yêu chuộng cuộc sống trên trái đất hoà bình  => *Luận cứ 4 là luận cứ kết bài và cũng là chủ đích của thông điệp mà tác giả muốn gửi tới mọi người*  \*GV:  - Chốt kiến thức  **- Tích hợp giáo dục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh:** kể về quan hệ hợp tác hữu nghị với các dân tộc  **- Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh:** *kể về hậu quả khủng khiếp của bom nguyên tử với người dân Nhật Bản* | **II. Phân tích**  - HS theo dõi VB  - Cá nhân trả lời  -Trao đổi nhóm bàn, đại diện nhóm trình bày  - HS khác nghe, nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Đọc thầm  - Cá nhân trả lời  - Trao đổi nhóm bàn, đại diện nhóm trình bày  - HS khác xét, bổ sung  - Cá nhân trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trình bày  - Cá nhân trình bày  - Cặp đôi trao đổi, đại diện trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trả lời  - Cá nhân trả lời  - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung | **II. Phân tích**  **1. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân:**  - Mỗi người đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ: nếu nổ tung sẽ làm biến hết thảy, không phải là một lần mà là 12 lần mọi dấu vết của sự sống trên trái đất  - Kho vũ khí ấy có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời, cộng thêm 4 hành tinh nữa và phá huỷ thế thăng bằng của hệ mặt trời  -> Đó là một nguy cơ có thực, sức tàn phá vô cùng khủng khiếp  \* Cách lập luận:  - Cách vào đề trực tiếp, chứng cở rất rõ ràng, xác thực, mạnh mẽ đã thu hút được người đọc và gây ấn tượng về tính chất hệ trọng của vấn đề đang được nói tới    **2. Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân:**  - Tác giả đã đưa ra hàng loạt dẫn chứng với những so sánh thật thuyết phục trong các lĩnh vực: XH, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục  -> Đây đều là những lĩnh vực hết sức thiết yếu trong cuộc sống con người đặc biệt là với các nước nghèo chưa phát triển  => NT lập luận thật đơn giản mà chắc chắn, “những con số biết nói” trong các ví dụ so sánh làm người đọc bất ngờ khi biết được sự tốn kém ghê gớm và tính chất phi lí của cuộc chạy đua vũ trang, giúp người đọc nhận thức đầu đủ một sự thật hiển nhiên mà phi lí: Cuộc chạy đua hạt nhân đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện cuộc sống của con người, nhất là các nước nghèo  **3. Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lí trí loài người mà còn ngược lại với lí trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hoá:**  - Chiến tranh hạt nhân không chỉ tiêu diệt nhân loại mà còn tiêu huỷ sự sống trên TĐ.  -> Tác giả đưa ra những chứng cứ từ khoa học địa chất và cổ sinh học về nguồn gốc và sự tiến hoá của sự sống trên TĐ -> Dẫn chứng giàu sức thuyết phục  - Nếu chiến tranh hạt nhân nổ ra, sẽ đẩy lùi sự tiến hoá trở về điểm xuất phát ban đầu, tiêu huỷ mọi thành quả của qúa trình tiến hoá sự sống trong tự nhiên  **4. Nhiệm vụ:**  - Ngăn chặn chiến tranh hạt nhân  - Đấu tranh cho một thế giới hoà bình  -> Nhân loại cần giữ gìn kí ức của mình, lịch sử sẽ lên án những thế lực hiếu chiến đẩy nhân loại vào thảm hoạ hạt nhân |
| **III. HD tổng kết**  *\*GV sử dụng PP vấn đáp, kĩ thuật sơ đồ tư duy để tổng kết bài học qua câu hỏi sau :*  - Khái quát lại những điểm chính về nội dung và nghệ thuật nghị luận của văn bản?  H. Học văn bản này em nhận thức được điều gì về thảm hoạ của chiến tranh hạt nhân, về nhiệm vụ của mỗi người và của toàn nhân loại?  - Tính thuyết phục, hấp dẫn của văn bản ở điểm nào?  - Gọi HS đọc ghi nhớ | **III. Tổng kết**  - Cá nhân tự tổng kết bằng sơ đồ tư duy, trình bày  - HS khác nghe,  nhận xét, bổ sung  - Cá nhân trình bày  - Đọc ghi nhớ/ sgk | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Luận điểm đúng đắn, luận cứ rành mạch, lập luận chặt chẽ đầy sức thuyết phục  - So sánh bằng nhiều dẫn chứng cụ thể, toàn diện, tập trung.  - Lời văn đầy nhiệt tình, tâm huyết.  2. Nội dung  - Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe doạ toàn thể loài người và sự sống trên trái đất.Đó là cuộc chiến tranh vô cùng phi lí và tốn kém, đi ngược với tự nhiên, qui luật của sự tiến hoá.  - Đấu tranh xây dựng 1thế giới hòa bình, ngăn chặn và xoá bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân là nhiệm vụ cấp bách của toàn nhân loại  \*Ghi nhớ/sgk  **Năng lực cần đạt:** tư duy, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mỹ |

**HOẠT ĐỘNG 3: *Luyện tập***

- Thời gian dự kiến: 3- 5 phút.

- Phương pháp: Vấn đáp, giải thích.

- Kĩ thuật: phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của Thầy** | **HĐ của Trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt,**  **năng lực cần phát triển** |
| - HD HS:  + nêu dự định  + nêu cảm nghĩ sau khi học xong văn bản? | - Cá nhân HS nêu dự định, cảm nghĩ | - Em dự định sẽ làm gì để tham gia vào bản "đồng ca...công bằng" như đề nghị của nhà văn?  - Cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản?  **Năng lực cần đạt:** tư duy, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mỹ |

**HOẠT ĐỘNG 4: *Vận dụng***

***-*** Thời gian dự kiến: 5 - 7’

- Ph­­ương pháp: vấn đáp, thuyết trình

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của Thầy** | **HĐ của Trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| - HD HS đề xuất tình huống  - GV chốt lại những nhiệm vụ, trách nhiệm cơ bản  **- Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh:** kể những việc đã làm khi tham gia phong trào bảo vệ trật tự an ninh tại trường học và nơi cư trú | - Cặp đôi trao đổi, đề xuất tình huống  - Giải quyết tình huống | \*Tình huống: Nhiệm vụ, trách nhiệm của HS trong việc góp phần bảo vệ hoà bình  **Năng lực cần đạt:** tư duy, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mỹ |

**Bư­­ớc 4: *Giao bài, HD học bài, chuẩn bị bài ở nhà***

**1. Giao bài, hướng dẫn học bài**

- Làm bài tập phần luyện tập/SGK và bài tập GV giao

- Học phần ghi nhớ và các kiến thức được ghi trong vở

- Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về thảm họa hạt nhân

**2. Chuẩn bị bài sau**: Soạn: Ôn tập tiếng Việt

- Đọc, trả lời các câu hỏi/sgk

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn :  27/1/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 123, 124, 125**

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống kiến thức về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn, nghĩa tường minh và hàm ý

**2. Phẩm chất**

- Chăm học, tự giác tích hợp kiến thức để xử lí các bài tập.

**3. Năng lực**

- Năng lực chung:  năng lực làm việc nhóm, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề một cách sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc hiểu Ngữ liệu để nhận diện: khởi ngữ, thành phần biệt lập, liên kết, hàm ý …

+ Viết: vận dụng kiến thức tiếng việt trong tạo lập văn bản

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ, tranh minh họa.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Soạn bài, trả lời câu hỏi ở nhà trước.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a.  Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  b. Nội dung: HS nghe câu hỏi của GV và trả lời  c. Cầu sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.  **c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *? Nhắc lại các bài tiếng Việt đã học ở học kỳ II?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1**: Nhắc lại nội dung phần lý thuyết  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm chắc hơn những kiến thức cơ bản về phần tiếng Việt  **b. Nội dung:** HS h/thành y/cầu vào phiếu học tập.  c. **Sản phẩm**: phiếu htập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Thế nào là khởi ngữ?*  *? Thế nào là thành phần biệt lập?*  *? Có mấy thành phần biệt lập?*  *? Thế nào là liên kết câu liên kết đoạn văn?*  *? Thế nào là nghĩa tường minh, hàm ý?*  GV: Với những câu hỏi trên, yêu các các em thảo luận nhóm lớn trong thời gian 8 phút.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  ***-***HS: Làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm  ***3. Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1:**  a.  Mục tiêu: HS biết xác định được khởi ngữ và thành phần biệt lập trong văn cảnh cụ thể.  **b. Nội dung:** HS nghe câu hỏi trả lời, quan sát các ví dụ sgk trang 109  **c.** **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS; bảng phụ.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Đọc yêu cầu.  *+ Xác định khởi ngữ, thành phần biệt lập trong các câu?*  *+ Bảng thống kê khởi ngữ và các thành phần biệt lập*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Nghe và làm bt  ***3. Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **Bài tập 2:**  a.  Mục tiêu: HS viết được đoạn văn có sử dụng khởi ngữ và thành phần tình thái  **b. Nội dung:** HS nghe câu hỏi, quan sát các ví dụ sgk trang 110  c. **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS; vở ghi  **d. Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Đọc yêu cầu.  + Viết đoạn văn giới thiệu truyện ngắn *Bến quê*  *+* Trong đoạn văn có một câu chứa khởi ngữ và một câu chứa thành phần phụ chú  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Nghe và làm bt  \* Dự kiến sản phẩm:  ***Bước 3. Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***Bước 4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  a.  Mục tiêu: HS viết được đoạn văn có sử dụng KN, các thành phần.  b. **Nội dung**: HS nghe câu hỏi trả cá nhân  c. **Sản phẩm**:  vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Viết đoạn văn (chủ đề tự chọn) trong đoạn văn có sử dụng 1 thành phần phụ chú và một gọi đáp*  **2*.*HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  - Nghe và làm bt  - GV hướng dẫn HS về nhà làm. | 1. Khởi nghĩa  2. Các thành phần biêt lập  3. Liên kết câu liên kết đoạn văn  4. Nghĩa tường minh, hàm ý  **I. Lý thuyết**  1. Khởi nghĩa  2. Các thành phần biêt lập  3. Liên kết câu, liên kết đoạn văn  4. Nghĩa tường minh, hàm ý  - Khởi nghĩa là thành phần câu đứng trước chủ ngữ nêu lên đề tài trong câu. Trước khởi ngữ thường có các quan hệ từ: Đối với, về…  - Thành phần biêt lập là thành phần(nằm ngoài nòng cốt câu) độc lập không tham gia vào cấu trúc ngữ pháp trong câu.  - Có 4 thành phần biệt lập:  + Tình thái  + Cảm thán  + Gọi đáp  + Phụ chú  - Các câu trong đoạn văn, các đoạn văn trong văn  bản phải liên kết chặt chẽ với nhau về mặt nội dung và hình thức.  ***- Về nội dung***:  + Các đơn vị phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu văn phục vụ chủ đề của đoạn văn.  + Các câu văn, đoạn văn phải được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - ***Về hình thức:***   Các câu văn, đoạn văn liên kết với nhau bằng các cách cụ thể: phép nối, phép lặp, phép thế, phép liên tưởng, phép đồng nghĩa trái nghĩa.  - Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng những từ ngữ trong câu.  - Hàm ý là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng những từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.  a.  *Xây cái lăng ấy*. TP khởi ngữ  b. *Dường như*. TP tình thái  c. *Những người...*TP phụ chú  d. *Vất vả quá!* TP cảm thán  *Thưa ông*   TP gọi- đáp   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Kngữ** | **Thành phần biệt lập** | | | | | a | T. thái | C. thán | Gọi- đáp | Phụ chú | | b | d | d | c |   ***- Viết về cuộc đời con người với những nghịch lí*** ***Bến quê***(Nguyễn Minh Châu) là một ví dụ điển hình. ***Hình như*** trong cuộc sống hôm nay chúng ta bắt gặp những số phận giống hay gần giống như số phận nhân vật Nhĩ trong truyện của Nguyễn Minh Châu. Có thể nói “ Bến quê” là câu chuyện bàn về ý nghĩa tài hoa gây ấn tượng mạnh cho người đọc. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

**Ngày tháng 01 năm 2022**

**Xác nhận**

**Tổ nhóm chuyên môn Ban giám hiệu**

**Nguyễn Thị Thùy Cao Thị Hằng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn :  27/1/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 126**

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**Tự đọc: Tiếng nói văn nghệ**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức :**

-Hệ thống kiến thức về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn, nghĩa tường minh và hàm ý

**2. Phẩm chất**

-Chăm học, tự giác tích hợp kiến thức để xử lí các bài tập.

**3. Năng lực**

- Năng lực chung:  năng lực làm việc nhóm, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề một cách sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc hiểu Ngữ liệu để nhận diện: khởi ngữ, thành phần biệt lập, liên kết, hàm ý …

+ Viết: vận dụng kiến thức tiếng việt trong tạo lập văn bản

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-  Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bảng phụ, tranh minh họa.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Soạn bài, trả lời câu hỏi ở nhà trước.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a.  Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  **\* Nội dung:** *HS nghe câu hỏi của GV*  **c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ***?***Nhắc lại các bài*Liên kết câu và liên kết đoạn văn. Nghĩa tường minh và hàm ý***.**  **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1**: BT phép liên kết câu và liên kết đoạn văn  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm chắc hơn những kiến thức cơ bản về phần tiếng Việt LKC và LKĐV  **b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập.  c. **Sản phẩm**: phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *? Cho biết những từ ngữ trong đoạn trích thể hiện phép liên kết nào?*  *? Muốn biết ta căn cứ vào đâu?*  *? Dựa vào đó, em hãy thực hiện?*  *? Ghi kết quả của bài tập 1 vào bảng phân tích*  ***- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS nghe câu hỏi, trả lời miệng.  ***- Bước 3. Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***- Bước 4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  **Hoạt động 2**: BT nghĩa tường minh và hàm ý  (BT1,2)  **a.  Mục tiêu:**Giúp HS nắm chắc hơn những kiến thức cơ bản về phần tiếng Việt Nghĩa tường minh và hàm ý  **b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập.  c. **Sản phẩm**: phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Cho biết người ăn mày muốn nói đièu gì với người nhà giàu qua câu in đậm trong truyện “Chiếm hết chỗ ngồi”*  *? Thực chất mục đích của bài tập này là gì?*  *? Theo em hàm ý của người ăn mày nói gì?*  *? Tìm hàm ý trong câu in đậm.*  *? Cho biết mỗi trường hợp, hàm ý đã được tạo ra bằng cách cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào?*  *? Em hãy giải thích rõ sự vi phạm đó?*  ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS nghe câu hỏi, trả lời miệng.  ***3. Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (kết hợp trong phần làm bt)**  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  a.  Mục tiêu:  HS xá định được hàm ý  \* **Nội dung**: HS nghe câu hỏi trả cá nhân  \* **Sản phẩm**:  vở ghi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? ***Tìm hàm ý trong các hội thoại sau:***  a. Thấy B lại châm thuốc, điếu thuốc thư hai tiếp ngay điếu thứ nhất A liền bảo B:  - Anh Tư thôi hút thuốc rồi!  b. A: Mình vừa bị cô giáo mắng dữ quá!      B: Xin chúc mừng.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS nghe câu hỏi, trả lời miệng. | Ghi nhớ (sgk)  **II. Liên kết câu và liên kết đoạn văn**  *Bài tập 1*  Căn cứ vào công dụng của nó.  a. Nhưng, nhưng rồi, và - phép nối  b. Phép lặp: cô bé  Phép thế: ***nó*** 🡪 *cô bé*  c. Phép thế: “***thế***” thay cho “ ***bây giờ cao sang rồi thì đâu cần để ý đến chúng tôi nữa.***  *Bài tập 2*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phép liên kết** | | | | | Lặp từ ngữ | Đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng | Thế | Nối | | Cô bé |  | Nó nói cô bé  Thế | Nhưng, nhưng rồi, và |   **III. Nghĩa tường minh và hàm ý**  *Bài tập 1*  - Xác định hàm ý trong câu nói của người ăn mày.  - Địa ngục chính là nơi dành cho các ông nhà giàu.  *Bài tập 2*   a. Đội bóng chơi không hay hoặc tôi không thích bình luận về việc này.   b. Tôi chưa báo cho Nam và Tuấn hoặc Tôi không thích báo cho Nam và Tuấn.  a- Vi phạm phương châm quan hệ  b- Vi phạm phương châm về lượng  a.  Anh Tư bỏ được thuốc rồi.  b.  Mình xin chia buồn với bạn. |

**Tự đọc văn bản *Tiếng nói văn nghệ***

- Nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

- Vai trò của văn nghệ trong cuộc sống

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn :  27/1/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tiết 127, 128, 129, 130:**

**ÔN TẬP VỀ THƠ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1/Kiến thức :**

-Hệ thống những kiến thức về tác phẩm thơ đã học.

**2 Phẩm chất:**

-Yêu văn chương, đặc biệt là những tác phẩm thơ hiện đại.

- Chăm học, có ý thức trách nhiệm trong việc ôn tập, thống kê các văn bản thơ một cách nghiêm túc, đúng yêu cầu.

**3/ Năng lực**

- Năng lực chung:  năng lực làm việc nhóm, năng lực tự quản bản thân, năng lực tổng hợp

- Năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực đọc hiểu phát hiện và so sánh đối chiếu.

+ Năng lực cảm thụ văn học về giá trị ngôn từ và thẩm mĩ.

+ Đọc hiểu liên hệ để tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức về các tác phẩm thơ đã học.

+ Viết: đoạn văn cảm nhận giá trị nội dung nghệ thuật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: Hệ thống hoá kiến thức, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Đọc sgk & trả lời các câu hỏi .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHÁI QUÁT**   a.  Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học.  b. Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV   c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Kể tên những tác phẩm thơ hiện đại mà em đã học trong chương trình NV9?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  *GV đi vào bài thơ ........ Hôm nay chúng ta cùng  đi ôn lại những tác phẩm thơ hiện đại học trong chương trình NV9.*  **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **\* HĐ1: Bảng hệ thống các tác phẩm thơ (10 phút)**  a.  Mục tiêu: HS hệ thống kiến thức đã học theo giai đoạn sáng tác.  b. Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c. Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm  d) Tổ chức thực hiện:  **NV1:**   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  - GV yêu cầu 1 - 2 HS nhắc lại tên các bài thơ đã học theo trình tự các bài học của  SGK. Nêu yêu cầu các kiến thức tối thiểu cần nhớ được về mỗi tác phẩm *(theo các mục ở bảng thống kê).*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ  - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS  - Với những nội dung chưa được thống nhất cao, GV tổ chức cho HS thảo luận rồi định hướng, chốt ý. | **I. Thống kê các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | BÀI THƠ | TÁC GIẢ | NĂM ST | THỂ THƠ | TÓM TẮT NỘI DUNG | | ĐẶC SẮC  NGHỆ THUẬT |
| 1 | ĐỒNG    CHÍ | Chính Hữu | 1948 | Tự  do | Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu, được thể hiện thật tự nhiên, bình dị mà sâu sắc trong mọi hoàn cảnh, nó góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính Cách mạng. | | Chi tiết hình ảnh, ngôn ngữ giản dị chân thực, cô đọng và giàu sức biểu cảm. |
| 2 | BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH | Phạm Tiến Duật | 1969 | Tự do | Qua hình ảnh độc đáo - những chiếc xe không kính, khắc họa nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm và ý chí chiến đấu giải phóng Miền Nam. | | Chất liệu hiện thực sinh động, hình ảnh độc đáo; giọng điệu tự nhiên, khoẻ khoắn giàu tính khẩu ngữ. |
| 3 | ĐOÀN  THUYỀN     ĐÁNH CÁ | Huy Cận | 1958 | Bảy chữ | Những bức tranh đẹp, rộng lớn, tráng lệ về thiên nhiên, vũ trụ và người lao động trên biển theo hành trình chuyến ra khơi đánh cá của đoàn thuyền. Qua đó thể hiện cảm xúc về thiên nhiên và lao động, niềm vui trong cuộc sống mới. | | Nhiều hình ảnh đẹp, rộng lớn. | |
| 4 | BẾP LỬA | Bằng Việt | 1963 | Kết hợp 7 và 8 chữ | Những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. | | Kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả và bình luận; sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà. |
| 5 | ÁNH  TRĂNG | Nguyễn Duy | 1978 | Năm chữ | Từ hình ảnh ánh trăng trong tác phẩm, gợi lại những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính, gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, nhắc nhở thái độ sống tình nghĩa, thuỷ chung. | | Hình ảnh bình dị mà giàu ý nghĩa biểu tượng, giọng điệu chân thành, nhỏ nhẹ mà thấm sâu. |
| 6 | MÙA XUÂN   NHO NHỎ | Thanh Hải | 1980 | Năm chữ | Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất nước, thể hiện ước nguyện chân thành và tha thiết góp mùa xuân nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung. | | Thể thơ 5 chữ có nhạc điệu trong sáng, tha thiết gần gũi dân ca. Hình ảnh đẹp, giản dị,ẩn dụ |
| 7 | VIẾNG   LĂNG BÁC | Viễn Phương | 1976 | Tám chữ | Niềm thành kính và lòng xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác Hồ trong một lần từ Miền Nam ra viếng lăng bác. | | Giọng điệu trang trọng tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp, gợi cảm, ngôn ngữ bình dị. |
| 8 | SANG THU | Hữu Thỉnh | 1977 | Năm chữ | Biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa từ hạ sang thu qua sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ. | Thiên nhiên được gợi tả bằng nhiều cảm giác tinh nhạy, ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. | | |
| 9 | NÓI VỚI CON | Y Phương | Sau  1975 | Tự  do | Bằng lời trò truyện với con, bài thơ thể hiện sự gắn bó, niềm tự  hào về quê hương và đạo lí sống của dân tộc. | | Cách nói giàu hình ảnh vừa cụ thể, gợi cảm vừa gợi ý nghĩa sâu sa. |

|  |  |
| --- | --- |
| **NV2:**  - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Sắp xếp các bài thơ theo giai đoạn lịch sử.*  *- HS là cá nhân*  *- Cho HS nhận xét và sửa chữa.*  *- GV hỏi và giảng thêm về hoàn cảnh lịch sử của từng giai đoạn.*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS  **\* Hoạt động 3: Nội dung chính của các tác phẩm thơ ( 7 phút)**  - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Các tác phẩm thơ kể trên đã tập trung phản ánh những nội dung nào? Ở mỗi nội dung trên, hãy lấy dẫn chứng tiêu biểu từ các bài thơ đã học để minh hoạ ?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS  **\* Hoạt động 4: So sánh một số bài thơ (5 phút)**  **-** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? So sánh các bài thơ?*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS  **\* Hoạt động 5: So sánh bút pháp sáng tạo hình ảnh thơ (5 phút)**  - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? So sánh bút pháp sáng tạo hình ảnh thơ*  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.   - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.   - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS  **C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  1. Mục đích: Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài  b) Nội dung : HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm : Câu trả lời của HS  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Kể tên bài thơ có cùng đề tài?*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a**.  Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  b. Sản phẩm: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  c.  Sản phẩm: Câu trả lời của HS  d) Tổ chức thực hiện:   - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Viết đoạn văn 3 đến 5 câu cảm nhận của em về những câu thơ mình yêu thích?* | ***II. Sắp xếp các bài thơ theo giai đoạn lịch sử.***  1. Giai đoạn 1945 - 1954: Đồng chí.  2. Giai đoạn 1954 - 1964: Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa.  3. Giai đoạn  1965 - 1975: Bài thơ về tiểu đội xe không kính  4. Giai đoạn sau 1975: Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Viếng lăng Bác, Nói với con, Sang thu.  **III. Nội dung chính của các tác phẩm thơ**  1. Tái hiện cuộc sống đất nước và hình ảnh con người Việt Nam suốt một thời kì lịch sử  từ sau Cách mạng 8/1945 qua nhiều giai đoạn :  - Đất nước và con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ với nhiều gian khổ, hi sinh nhưng rất anh hùng.  - Công cuộc lao động xây dựng đất nước với những quan hệ tốt đẹp của con người.  2. Tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của con người trong một thời kì lịch sử có nhiều biến động lớn lao, nhiều đổi thay sâu sắc.  - Tình yêu nước, tình yêu quê hương.  - Tình đồng chí, sự gắn bó với Cách mạng, lòng kính yêu Bác Hồ.  - Những tình cảm gần gũi và bền chặt của con người: tình mẹ con, bà cháu trong sự thống nhất với  những tình cảm chung, rộng lớn.  **IV. So sánh một số bài thơ**  **1.**Ba bài : + Đồng chí.                   + Bài thơ về tiểu đội xe không kính.                   + Ánh trăng.  a. Giống nhau: Đều viết về người lính Cách mạng với vẻ đẹp trong tính cách và tâm hồn của họ.  b. Khác nhau:  \* Bài 1: Người lính thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp xuất thân từ nông dân ở những miền quê nghèo khó, tình nguyện và hăng hái đi chiến đấu.  - Tình đồng chí dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn và cùng chung lí tưởng chiến đấu ->ập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí ở những người lính Cách mạng.  \* Bài 2: Khắc hoạ hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn chống Mĩ. Bài thơ làm nổi bật tinh thần dũng cảm, ý chí bất chấp khó khăn nguy hiểm, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và  ý chí chiến đấu giải phóng Miền Nam của những người chiến sĩ lái xe - một hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.  \* Bài 3: Nói về những suy ngẫm của người lính đã đi qua cuộc chiến tranh, nay sống giữa thành phố trong hoà bình.  - Bài thơ gợi lại những kỉ niệm gắn bó của người lính đối với đất nước với đồng đội trong những năm tháng gian lao của thời chiến tranh, để từ đó nhắc nhở về đạo lí, nghĩa tình thuỷ chung*.*  **V*.*So sánh bút pháp sáng tạo hình ảnh thơ**  **1. Hai bài: + Đồng chí.**  **+ Đoàn thuyền đánh cá.**  \* Bài 1: Bút pháp hiện thực, đưa những chi tiết, hình ảnh thực của đời sống người lính ->họ gần như là trực tiếp.  \* Bài 2: Chủ yếu dùng bút pháp tượng trưng, phóng đại với nhiều liên tưởng tưởng tượng, so sánh mới mẻ, độc đáo*.*  **2. Hai bài thơ:**  **+ Bài thơ về tiểu đội xe không kính.**  **+ Ánh trăng.**  \* Bài 1: Sử dụng bút pháp hiện thực, miêu tả cụ thể, chi tiết.  \* Bài 2: Chủ yếu dùng bút pháp gợi tả, không đi vào chi tiết mà hướng tới ý nghĩa khái quát và biểu tượng của hình ảnh. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn :  7/2/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tuần 27: Tiết 131, 132, 133:**

**ÔN TẬP CHUẨN BỊ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức của văn bản thơ hiện đại

- Kĩ năng làm bài tập đọc hiểu theo chủ đề.

- Rèn kĩ năng làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ.

**2. Phẩm chất:**

- Có tinh thần tự giác, sáng tạo khi làm bài

**3. Năng lực:**

- Năng lực chung:  năng lực làm việc nhóm, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-  Kế hoạch bài học.

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập,

**2. Chuẩn bị của học sinh**: Ôn lại toàn bộ những văn bản thơ đã học ở học kì 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Phần 1: Dạng bài tập Đọc – hiểu**

**Bài 1:** Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*

*Lúc đau buồn và khi sóng gió*

*Giữa giông tố cuộc đời*

*Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*

*Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên*

*Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*

*Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*

*Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

*Mẹ là ánh sáng của đời con*

*Là vầng trăng khi con lạc lối*

*Dẫu đi trọn cả một kiếp người*

*Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru…*

(Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *đi* trong câu: *“Dẫu đi trọn cả một kiếp người”?* Nghĩa của từ *“đi”* được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

Câu 3.Hiệu quảnghệ thuật của một biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*

*Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*

*Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

Câu.4. Thông điệp cuộc sống mà em tâm đắc nhất qua văn bản trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | - Thể thơ: tự do |
| **2** | - Nghĩa của từ *“đi”:* sống, trải qua.  - Từ *“đi”* là từ nhiều nghĩa, được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. |
| **3** | - Nghệ thuật: Điệp ngữ (*Mẹ dành*).  - Tác dụng:  + Tạo nhịp điệu, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt  + Nhấn mạnh công lao to lớn của mẹ. Mẹ đã hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới những ước mơ, khát vọng trong cuộc sống.  + Tác giả khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người. Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt |
| **4** | - HS bám sát vào nội dung, ý nghĩa văn bản để chọn thông điệp theo hướng lành mạnh, tích cực và lí giải phù hợp. Dưới đây là một số gợi ý:  + Hãy thấu hiểu, trân trọng, biết ơn những hi sinh thầm lặng thầm của mẹ.  + Cần kính trọng, hiếu thảo với mẹ bằng những việc làm cụ thể.  + Không được có những hành động trái với đạo làm con như vô lễ, bất kính, đối xử không tốt với mẹ...  +... |

**Bài 2: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Với tinh thần “tương thân tương ái”, tất cả đồng bào, đồng chí đều hướng về miền Trung bằng những hành động ý nghĩa, thiết thực nhất. Trong mưa bão, hình ảnh cán bộ, chiến sĩ các đơn vị quân đội, công an, lực lượng dân quân, tự vệ đội mưa, đội gió giúp dân chằng chống nhà cửa, đê điều...; dầm mình trong lũ khẩn trương sơ tán nhân dân đến nơi an toàn. Hình ảnh các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước kịp thời về thăm hỏi, động viên bà con vùng tâm bão; chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương và lực lượng vũ trang dốc sức giúp dân khắc phục hậu quả... đã giúp đồng bào vùng bão, lũ vững tin vượt qua cơn hoạn nạn. […]*

*Trong những ngày tới, các nhóm sinh viên đến từ mọi miền quê lại tổ chức các hoạt động thiện nguyện. Những em học sinh không ngần ngại đập heo đất lấy tiền mua sách vở gửi tặng các bạn vùng bão, lũ. Cán bộ, chiến sĩ từ thành thị, nông thôn cho tới biên giới, hải đảo xa xôi lại tiếp tục tự nguyện trích những đồng lương của mình để ủng hộ đồng bào miền Trung. Hình ảnh những tăng ni, phật tử tích cực vận động quyên góp quần áo, chăn màn, nhu yếu phẩm gửi tặng bà con... sẽ góp phần làm ấm lòng người dân vùng lũ. Những việc làm nghĩa tình ấy thể hiện tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái, tình yêu thương con người gắn với yêu quê hương, đất nước*

*(Hướng về Miền Trung với tinh thần “Tương thân tương ái*”, Phan Tiến Dũng)

# Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

# Câu 2. Nội dung cơ bản của đoạn tích trên là gì?

**Câu 3.** Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Trong mưa bão, hình ảnh cán bộ, chiến sĩ các đơn vị quân đội, công an, lực lượng dân quân, tự vệ đội mưa, đội gió giúp dân chằng chống nhà cửa, đê điều...; dầm mình trong lũ khẩn trương sơ tán nhân dân đến nơi an toàn.*

**Câu 4*:*** Thông điệp mà tác giả gửi đến người đọc qua đoạn trích trên là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| 1 1 | - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận |
| 2 | - Nội dung cơ bản của đoạn trích: Tinh thần tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam trước thiên tai bão lũ ở miền Trung |
| 3 | - Biện pháp tu từ liệt kê: *cán bộ, chiến sĩ các đơn vị quân đội, công an, lực lượng dân quân, tự vệ đội mưa, đội gió giúp dân chằng chống nhà cửa, đê điều...; dầm mình trong lũ khẩn trương sơ tán nhân dân đến nơi an toàn.*  - Tác dụng:  + Tạo nhịp điệu cho câu vă, làm cho câu văn sinh động, gợi hình ảnh, gợi cảm xúc, tăng sức thuyết phục cho người đọc, người nghe.  + Liệt kê một cách đầy đủ các lực lượng vũ trang, với những việc làm cụ thể thể hiện tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ đồng bào miền Trung vượt qua khó khăn trong cơn bão lũ.  + Thể hiện thái độ của tác giả: ngợi ca, biết ơn các lực lực lượng vũ trang đã tham gia giúp đỡ đồng bào miền Trung trong bão lũ; mong muốn tât cả mọi người cùng phát huy tint h thần tương thân tương ái giúp đồng bào miền Trung. |
| 4 | - Thông điệp: HS có thể rút ra nhiều thông điệp phù hợp với nội dung đoạn trích. Có thể là:  + Cần nhận thức được tinh thần tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam.  + Trân trọng, biết ơn các đồng chí lãnh đão Đảng và Nhà nước, các cán bộ, chiến sĩ, mọi tầng lớp nhân dân đã quan tâm, động viên, giúp đỡ đồng bào miền Trung cả về vật chất và tinh thần để họ vượt qua khó khăn trước thiên tai bão lũ.  + Cần giữ gìn, phát huy truyền thống tương thân tương ái tốt đẹp của dân tộc.  ………………  ( Lưu ý: HS nêu được 2 thông điệp - 0,5 điểm  HS nêu được từ 03 thông điệp trở lên -1,0 điểm). |

**Bài 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Các em học sinh thân mến, có lẽ các em sẽ ngạc nhiên khi hôm nay thầy sẽ nói với các em về căn bệnh mà ít nhiều chúng ta sẽ mắc phải. Căn bệnh này tuy không làm chết người ngay lập tức nhưng nguy hiểm lắm, nếu nhiều người không quyết tâm chạy chữa thì họ có thể trở thành những người vô dụng. Nguy hiểm hơn nữa nếu xã hội có nhiều người mắc bệnh này thì sẽ trở nên nghèo nàn lạc hậu, không bao giờ tiến bộ được. Căn bệnh này làm cho con bệnh dần dần trở thành người có nhân cách thấp kém, sống theo lối bầy đàn và không giúp ích gì cho xã hội.*

*Đó là thầy đang muốn nói về căn bệnh lười, một căn bệnh có nguy cơ lan rộng một cách nhanh chóng. Bệnh này có những biểu hiện và triệu chứng như sau: lười học, lười nghe giảng, lười làm bài tập, lười suy nghĩ, lười phản biện, lười đặt câu hỏi.*

*Tại sao như vậy? Lười đọc sách hoặc chỉ đọc những cuốn sách nhảm nhí, lười đọc kiến thức tham khảo; lười lao động, lười làm việc chân tay kể cả những điều phục vụ cho chính bản thân mình; lười tập thể dục thể thao, rèn luyện thân thể. Kể ra thì còn nhiều triệu chứng lười nữa. Chắc rằng mỗi em đều cảm thấy mình đã mắc phải những triệu chứng đó.*

*Mỗi một người đều có một thời gian sống rất hữu hạn, nếu họ mắc phải bệnh lười thì khoảng thời gian sống đó càng trở nên rất ngắn ngủi. Con bệnh sống một cách uể oải, họ không suy nghĩ gì, không làm được một việc gì mặc cho thời gian vẫn trôi đi từ giờ này sang giờ khác, ngày này qua ngày khác, thậm chí năm này qua năm khác”.*

*(“Một phút chữa bệnh lười”,* Thầy Văn Như Cương*)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

**Câu 2.** Nội dung chính được đề cập đến trong đoạn trích trên là gì?

**Câu 3.** Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong đoạn văn:*“Căn bệnh này tuy không làm chết người ngay lập tức nhưng nguy hiểm lắm, nếu nhiều người không quyết tâm chạy chữa thì họ có thể trở thành những người vô dụng. Nguy hiểm hơn nữa nếu xã hội có nhiều người mắc bệnh này thì sẽ trở nên nghèo nàn, lạc hậu, không bao giờ tiến bộ được. Căn bệnh này làm cho con bệnh dần dần trở thành người có nhân cách thấp kém, sống theo lối bầy đàn và không giúp ích gì cho xã hội.”*

**Câu 4**. Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất với em?

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận |
| **2** | Nội dung chính được đề cập đến trong đoạn trích trên: Sự nguy hiểm của căn bệnh lười, những biểu hiện của nó và hậu quả nghiêm trọng do căn bệnh này gây ra. |
| **3** | \* Nghệ thuật tu từ: **Liệt kê**  *“ ... nghèo nàn, lạc hậu, không bao giờ tiến bộ được… nhân cách thấp kém, sống theo lối bầy đàn và không giúp ích gì cho xã hội.”*  **\* Tác dụng:**  - Nghệ thuật tu từ liệt kê giúp câu văn cụ thể, sinh động, nổi bật, tăng sức gợi hình, gợi cảm, tăng sức thuyết phục cho sự diễn đạt.  - Nhấn mạnh những nguy hiểm, hậu quả nghiêm trọng của căn bệnh lười. Khẳng định bệnh lười là một căn bệnh cần phải phòng tránh, không nên để mắc phải …  - Nghệ thuật liệt kê còn giúp tác giả thể hiện thái độ phê phán, lên án mạnh mẽ đối với người mắc bệnh lười. Mong muốn mọi người nhận thức được tác hại của căn bệnh này mà phòng tránh và chữa trị kịp thời nếu mắc phải … |
| **4** | Cần lựa chọn một thông điệp tác giả gửi gắm có ý nghĩa nhất  Ví dụ:  - Bệnh lười là căn bệnh nguy hiểm. Vì làm ta không có ý chí phấn đấu, ngại gian khó, dề buông xuôi, phó mặc, từ đó làm nhân cách ta đi xuống, kéo theo xã hội lạc hậu, chậm tiến bộ...  - Chúng ta cần đề phòng để tránh bệnh lười. Vì đây là căn bệnh dễ mắc phải, có nguy cơ lan rộng một cách nhanh chóng....... |

**Phần II. Làm văn**

**Đề 1:** Viết bài văn trình bày cảm nhận của về khổ thơ sau:

*Con ở miền Nam ra thăm lăng bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*

(Trích *Viếng lăng Bác* – Viễn Phương, **Ngữ văn 9**, tập 2, NXBGD Việt Nam 2015, trang 58)

**I. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả Viễn Phương và bài thơ *Viếng lăng Bác*

- Nêu vấn đề nghị luận: Cảm xúc trước cảnh vật bên ngoài lăng bác

- Trích dẫn

**II. Thân bài**

**1. Khái quát**

- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ

- Cảm hứng bao trùm bài thơ và mạch cảm xúc thơ

- Vị trí của khổ thơ: Khổ thơ thứ nhất

**2. Cảm nhận:**

**a. Luận điểm 1: Lời giới thiệu tâm tình**

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

- Câu thơ đậm chất tự sự, là một thông báo nhưng hàm chứa nhiều điều. Bằng cách xưng hô *con* - cách xưng hô mang đậm sắc thái Nam Bộ gần gũi, thân mật

- Bài thơ có nhan đề là *Viếng lăng Bác* song ở câu thơ này, tác giả đã thay từ *viếng* bằng từ *thăm.*

- Từ *miền Nam* không chỉ đơn thuần là một địa danh, mà trong kháng chiến chống Mĩ, miền Nam là chiến trường, là thành đồng Tổ quốc, miền Nam là mảnh đất mà Bác Hồ đã dành biết bao tình cảm thương nhớ.

=> Câu thơ mở ra tâm trạng xúc động đến rưng rưng của một người con từ nơi chiến trường sau bao mong mỏi, sau bao nhiêu nhớ thương mới được ra viếng Bác, báo công với Bác .

**b. Luận điểm 2: Cảm xác về hình ảnh hàng tre trước lăng Bác**

- Ba câu tiếp theo là cảm xúc của nhà thơ về hình ảnh đầu tiên nhà thơ bắt gặp bên lăng Bác là hình ảnh hàng tre. Gặp lại hàng tre ấy, nhà thơ có cảm giác thân thuộc như được trở về quê hương, trở về cội nguồn. Với niềm xúc động trào dâng nhà thơ đã thốt lên:

*“Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”*

“*Đã thấy*” là một tiếng reo vui mừng khôn xiết của nhà thơ khi bắt gặp hình ảnh thân thương của quê hương bên lăng Bác*.* Từ cảm thán “Ôi” đã được tách ra thành một câu đặc biệt ở đầu dòng thơ đã mở ra biết bao nhiêu cung bậc cảm xúc. Có vui mừng xúc động, lại có thán phục tự hào.

- Ấn tượng sâu đậm nhất với nhà thơ là màu “xanh xanh Việt Nam” của hàng tre. Từ “Việt Nam” vốn là một danh từ riêng song ở câu thơ này lại được sử dụng như một tính từ vì thế mà ý nghĩa thơ cũng trở nên sâu sắc hơn. Màu “xanh xanh” này không đơn thuần là màu sắc của hàng tre mà đã trở thành màu “xanh xanh” Việt Nam”, màu sắc mang ý nghĩa biểu tượng. Đây là sắc màu riêng của dân tộc Việt Nam, là biểu tượng cho sức sống dẻo dai bền bỉ của dân tộc ta. Một linh hồn Việt Nam, một cốt cách Việt Nam đã in trọn vẹn dấu ấn của mình vào sắc xanh đó.

- Cách nói của nhà thơ *Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác/Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát* đã diễn tả lăng Bác ở trong tre, giữa màu tre thân thuộc. Như vậy, hình ảnh hàng tre còn là biểu tượng cho đội quân danh dự luôn tề tựu bên Người, canh giấc ngủ cho Người; biểu tượng cho cả một dân tộc luôn hướng về Người, thuỷ chung với sự nghiệp của Người.

-> Khắc họa hình ảnh hàng tre quây quần bên lăng Bác phải chăng nhà thơ muốn nói với chúng ta rằng: Bác vẫn còn sống mãi giữa thiên nhiên đất nước và trong tâm hồn dân tộc.

*=> Chỉ bằng 4 dòng thơ mà Viễn Phương đã đem đến cho người đọc bao cảm xúc xao xuyến, bâng khuâng, như đang cùng hòa nhịp đập với tác giả để đứng trước thềm lăng trong tình cảm sâu sắc, lắng đọng. Gặp lại hình ảnh “hàng tre” tác giả vô cùng xúc động đến nghẹn ngào, đó là sự tiếc thương, bùi ngùi khi được gặp Bác song Bác đã đi xa. Đó không chỉ là tình cảm riêng của tác giả mà còn là của cả dân tộc Việt Nam đối với Bác.*

**3. Đánh giá**

- Có thể nói khổ thơ trên là khổ thơ hay, đặc sắc của bài thơ. Thể thơ tự do, giọng điệu trang trọng, tha thiết thành kính cùng với cách sử dụng từ ngữ xưng hô thân mật, cách nói giảm nói tránh và hình ảnh biểu tượng mang tính ẩn dụ cao.

- Nhà thơ Viễn Phương đã thể hiện niềm xúc động, thành kính thiêng liêng, lòng tự hào lòng biết ơn vô hạn đối với Bác.

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại vẻ đẹp và ý nghĩa của khổ thơ

- Liên hệ bản thân

**III. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

**-** Ôn lại toàn bộ dạng bài Đọc hiểu

**-** Bài văn nghị luận về một đoạn thơ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn :  27/1/2022 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9A5 |

**Tuần 27: Tiết 134, 135: KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Kĩ năng làm bài tập đọc hiểu theo chủ đề.

- Rèn kĩ năng làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ.

**2. Phẩm chất:**

- Có tinh thần tự giác, sáng tạo khi làm bài

**3. Năng lực:**

- Năng lực chung:  năng lực làm việc nhóm, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Thống nhất ra đề theo nhóm

**2. Chuẩn bị của học sinh**: Ôn lại toàn bộ những văn bản thơ đã học ở học kì 2

**III. Phát đề**